



TỔNG CỤC THỐNG KÊ

HỆ THỐNG THỐNG KÊ CỘNG ĐỒNG



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ



TỔNG CỤC THỐNG KÊ

HỆ THỐNG THỐNG KÊ CỘNG ĐỒNG



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - 2017

Chỉ đạo biên soạn:

NGUYỄN BÍCH LÂM

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

Chịu trách nhiệm biên soạn:

LƯU VĂN VĨNH

HOÀNG THỊ THANH HÀ

Tham gia biên soạn:

HOÀNG THỊ KIM CHI

BÙI NGỌC TÂN

LÊ THU HIỀN

LÊ THỊ THANH HUYỀN

BÙI THỊ HẢI VÂN

NGUYỄN CHÍ HÙNG

PHẠM PHƯƠNG ANH

NGUYỄN TRUNG KIÊN

ĐỖ THU HÒA

LỜI NÓI ĐẦU

Năm mươi năm kể từ ngày thành lập (1967 - 2017), ASEAN không ngừng phát triển, đã trở thành một cộng đồng gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế, cùng chia sẻ trách nhiệm xã hội, hướng tới con người và lấy con người làm trung tâm, tạo nền tảng quan trọng để mang lại lợi ích chung cho tất cả các quốc gia thành viên.

Những thành tựu đạt được nói trên có sự đóng góp to lớn của Thống kê ASEAN. Kể từ khi thành lập đến nay (1997 - 2017), Thống kê ASEAN luôn nỗ lực củng cố và hoàn thiện khuôn khổ thể chế, tăng cường xây dựng năng lực, hài hòa hóa số liệu cả ở cấp khu vực cũng như từng Hệ thống thống kê quốc gia để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin.

*Là một phần trong các hoạt động thực hiện Đề án “Hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2020”, Tổng cục Thống kê sưu tầm, biên soạn và trân trọng giới thiệu ấn phẩm “**Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN**” nhằm cung cấp cho độc giả các thông tin về quá trình hình thành và phát triển của Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN.*

Ấn phẩm bao gồm 4 phần: (1) Phần 1. Lịch sử hình thành và phát triển của Thống kê ASEAN; (2) Phần 2. Cơ sở pháp lý cho hoạt động của Thống kê ASEAN; (3) Phần 3. Cơ chế hoạt động của Thống kê ASEAN; (4) Phần 4. Cộng đồng ASEAN qua những con số, gồm các số liệu cập nhật, đồ họa thông tin liên quan tới các lĩnh vực như nhân khẩu học, kinh tế, tự do hóa thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài, tiến bộ xã hội của các quốc gia thành viên ASEAN.

Tổng cục Thống kê hy vọng ấn phẩm này sẽ cung cấp các thông tin bổ ích tới đông đảo bạn đọc, người dùng tin thống kê và mong muốn nhận được các góp ý về nội dung cuốn sách. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế, Tổng cục Thống kê, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. Điện thoại: 024 7304 6666, máy lẻ 7016; địa chỉ thư điện tử: hoptacquocte@gso.gov.vn.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	iii
MỤC LỤC	v

PHẦN I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA THỐNG KÊ ASEAN

1.1. Hai mươi năm hợp tác trong lĩnh vực thống kê	3
1.2. Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN	4

PHẦN II. CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO HOẠT ĐỘNG CỦA THỐNG KÊ ASEAN

2.1. Các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN	9
2.2. Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2011 - 2015	10
2.3. Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025	13
2.4. Chính sách và hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN	16
2.5. Khung hợp tác thống kê ASEAN	17
2.6. Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho thống kê ASEAN	18

PHẦN III. CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA THỐNG KÊ ASEAN

3.1. Sơ đồ cách thức phối hợp trong Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN	23
3.2. Các cuộc họp của Ủy ban Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN	23
3.3. Ủy ban Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN	24
3.4. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Nhóm công tác	26

PHẦN IV. CỘNG ĐỒNG ASEAN QUA NHỮNG CON SỐ

1. Dân số giữa năm của các quốc gia ASEAN	35
2. Tỷ lệ tăng dân số	36
3. Diện tích và mật độ dân số	36

4. Tỷ lệ dân số thành thị trong tổng số dân	37
5. Tổng tỷ suất sinh	37
6. Tỷ suất sinh thô	38
7. Tỷ suất chết thô	38
8. Tỷ suất chết trẻ sơ sinh	39
9. Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	39
10. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động	40
11. Tỷ trọng lao động ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	40
12. Tỷ trọng lao động ngành công nghiệp và xây dựng	41
13. Tỷ trọng lao động ngành dịch vụ	41
14. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	42
15. Tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành	43
16. Tổng sản phẩm trong nước theo sức mua tương đương	44
17. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người theo giá hiện hành	44
18. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người theo sức mua tương đương	45
19. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	45
20. Tổng thu nhập quốc gia theo giá hiện hành	46
21. Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người theo giá hiện hành	46
22. Tỷ trọng của ba khu vực kinh tế trong tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành	47
23. Tỷ trọng tiêu dùng cuối cùng trong tổng sản phẩm trong nước	49
24. Tỷ trọng tổng tích lũy tài sản trong tổng sản phẩm trong nước	49
25. Tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ trong tổng sản phẩm trong nước	50
26. Tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ trong tổng sản phẩm trong nước	50
27. Tỷ trọng tiết kiệm trong tổng sản phẩm trong nước	51
28. Dự trữ ngoại hối không kể vàng	51
29. Dự trữ ngoại hối theo tháng nhập khẩu	52

30. Dự trữ ngoại hối so với nợ nước ngoài	52
31. Tổng số nợ nước ngoài	53
32. Nợ nước ngoài trong tổng thu nhập quốc gia	53
33. Nợ nước ngoài so với trị giá xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ và thu nhập chính	54
34. Cán cân vãng lai	54
35. Cán cân thanh toán quốc tế trong tổng sản phẩm trong nước	55
36. Độ sâu tài chính (Cung tiền M2 so với tổng sản phẩm trong nước)	55
37. Tỷ lệ lãi suất cho vay	56
38. Tỷ lệ lạm phát bình quân năm	56
39. Tỷ giá hối đoái chính thức bình quân năm	57
40. Chỉ số giá tiêu dùng	57
41. Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu theo giá hiện hành	58
42. Số máy ATM trên 100 nghìn người trưởng thành	58
43. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN theo quốc gia tiếp nhận	59
44. Tỷ trọng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN theo quốc gia tiếp nhận	59
45. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN theo quốc gia đầu tư	60
46. Tỷ trọng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN theo quốc gia đầu tư	60
47. Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người	61
48. Sản lượng tôm bình quân đầu người	61
49. Sản lượng than khai thác	62
50. Sản lượng dầu thô khai thác	62
51. Sản lượng phôi thép sản xuất	63
52. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa ngoại thương	64
53. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa ngoại thương với một số đối tác chủ yếu	65
54. Tỷ trọng tổng mức lưu chuyển hàng hóa ngoại thương với một số đối tác chủ yếu	65
55. Trị giá xuất khẩu hàng hóa	66
56. Trị giá xuất khẩu hàng hóa tới một số đối tác chủ yếu năm 2015	66

57. Trị giá nhập khẩu hàng hóa	67
58. Trị giá nhập khẩu hàng hóa từ một số đối tác chủ yếu năm 2015	67
59. Cán cân thương mại của các quốc gia thành viên ASEAN	68
60. Cán cân thương mại của khối ASEAN với một số đối tác chủ yếu	68
61. Cán cân thương mại so với tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	69
62. Số khách quốc tế đến các nước thành viên ASEAN	69
63. Tốc độ tăng số khách quốc tế đến các nước thành viên ASEAN	70
64. Số khách quốc tế đến ASEAN theo một số quốc tịch	70
65. Số lượt hành khách vận chuyển bằng đường sắt	71
66. Khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường sắt	71
67. Số lượt hành khách vận chuyển bằng đường thủy	72
68. Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy	72
69. Số lượt hành khách vận chuyển bằng đường hàng không	73
70. Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không	73
71. Tỷ lệ người dân sử dụng Internet	74
72. Số thuê bao điện thoại cố định trên 100 dân	74
73. Số thuê bao điện thoại di động trên 100 dân	75
74. Tỷ lệ người lớn biết chữ	76
75. Tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp tiểu học	76
76. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng Sởi	77
77. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván	77
78. Tỷ lệ nhiễm HIV của người từ 15-49 tuổi	78
79. Tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	78
80. Tỷ lệ dân số sống dưới chuẩn nghèo quốc gia	79
81. Hệ số GINI	79
82. Xếp hạng Chỉ số phát triển con người	80
83. Xếp hạng Chỉ số bất bình đẳng giới	80
84. Xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu	81
85. Xếp hạng môi trường kinh doanh	81

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Các nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN	85
Phụ lục 2: Chiến lược thành lập Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN giai đoạn 2011-2015	91
Phụ lục 3: Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016-2025	111
Phụ lục 4: Chính sách và hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN	139
Phụ lục 5: Khung hợp tác thống kê ASEAN giai đoạn 2010-2015	147
Phụ lục 6: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Thống kê ASEAN	153
Phụ lục 7: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối	159
Phụ lục 8: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm công tác về Chia sẻ, phân tích, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê	162
Phụ lục 9: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm công tác về Thống kê vốn đầu tư quốc tế	166
Phụ lục 10: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm công tác về Thống kê thương mại hàng hóa quốc tế	169
Phụ lục 11: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm công tác về Thống kê thương mại dịch vụ quốc tế	173
Phụ lục 12: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm công tác về Chỉ tiêu phát triển bền vững	178
Phụ lục 13: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm công tác về Hệ thống tài khoản quốc gia	182

HÌNH MINH HỌA

Hình 1: Hai mươi năm hợp tác trong lĩnh vực thống kê	3
Hình 2: Kỳ họp lần thứ 4 của Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN	5
Hình 3: Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN	19
Hình 4: Sơ đồ cách thức phối hợp trong Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN	23
Hình 5: Dân số giữa năm và mật độ dân số năm 2015 của các quốc gia ASEAN	35
Hình 6: Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	42
Hình 7: Tăng trưởng GDP và GDP theo giá hiện hành năm 2015	43
Hình 8: Tỷ trọng 3 khu vực trong GDP theo giá hiện hành năm 2015	48
Hình 9: Sản lượng than và dầu thô khai thác năm 2015	63
Hình 10: Tổng mức luân chuyển hàng hóa ngoại thương của khối ASEAN	64
Hình 11: Tỷ lệ người sử dụng Internet và Số thuê bao điện thoại trên 100 dân năm 2015	75
Hình 12: Mối quan hệ giữa khung mở rộng, các chiến lược và thực hiện các chiến lược	100
Hình 13: Kênh báo cáo của Ủy ban ACSS	158

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ACSS	Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN
ACPMS	Hệ thống giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN
ADB	Ngân hàng phát triển châu Á
AEC	Cộng đồng Kinh tế ASEAN
AEM	Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN
AEM-AIA	Hội nghị liên Bộ trưởng Kinh tế ASEAN và Hội đồng Khu vực đầu tư ASEAN
AFCS	Khung hợp tác thống kê ASEAN
AFEED	Khuôn khổ ASEAN về Phát triển kinh tế đồng đều
AHSOM	Hội nghị Thủ trưởng Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN
AIMO	Văn phòng Giám sát Hội nhập ASEAN
AIR	Báo cáo hội nhập khu vực ASEAN
AMS	Các quốc gia thành viên ASEAN
APSC	Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN
ASCC	Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASEANstats	Bộ phận Thống kê ASEAN
ASI	Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN
BFSDAS	Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN
CCA	Ủy ban giám sát việc thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
CCI	Ủy ban giám sát việc thực hiện Hiệp định về Khu vực đầu tư ASEAN
CCS	Ủy ban giám sát việc thực hiện Hiệp định khung ASEAN về Dịch vụ
CLMV	Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam

CNTT&TT	Công nghệ thông tin và truyền thông
CoP	Các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN
COW	Ủy ban các vấn đề Tổng hợp
CPR	Ủy ban đại diện thường trực
CSDL	Cơ sở dữ liệu
DTF	Khung truyền đưa dữ liệu
DTP	Quy trình truyền tải dữ liệu
EASCAB	Dự án Xây dựng năng lực Thống kê EU-ASEAN
EU	Liên minh châu Âu
FDIS	Thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
GIZ	Tổ chức Hợp tác phát triển Đức
GSDG	Giám sát đánh giá
ILO	Tổ chức Lao động quốc tế
IMF	Quỹ Tiền tệ quốc tế
IMTS	Thống kê thương mại quốc tế về hàng hóa
JICA	Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản
KPI	Chỉ tiêu đo lường hiệu quả hoạt động
MDGs	Các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ
MPAC	Kế hoạch tổng thể kết nối ASEAN
NSO	Cơ quan thống kê quốc gia
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
SCPC	Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối
SDGs	Các mục tiêu phát triển bền vững
SEOM	Cuộc họp các quan chức kinh tế cấp cao
SIDA	Tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Thụy Điển
SITS	Thống kê thương mại quốc tế về dịch vụ
SIAP	Viện Thống kê châu Á - Thái Bình Dương
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ

SNA	Hệ thống tài khoản quốc gia
SOMRDPE	Hội nghị quan chức cấp cao ASEAN về phát triển nông thôn và xóa đói giảm nghèo
UN	Liên hợp quốc
UNESCAP	Ủy ban Kinh tế - Xã hội châu Á Thái Bình Dương Liên hợp quốc
WB	Ngân hàng Thế giới
WGDSA	Nhóm công tác về Chia sẻ, phân tích, phổ biến số liệu và truyền thông thống kê
WGIIS	Nhóm công tác về Thống kê vốn đầu tư quốc tế
WGIMTS	Nhóm công tác về Thống kê thương mại hàng hóa quốc tế
WGSDGI	Nhóm công tác về các chỉ tiêu SDGs
WGSITS	Nhóm công tác về Thống kê thương mại dịch vụ quốc tế
WGSNA	Nhóm công tác về Hệ thống tài khoản quốc gia



PHẦN I

**LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
CỦA THỐNG KÊ ASEAN**

1.1. Hai mươi năm hợp tác trong lĩnh vực thống kê

Hội nghị Thủ trưởng Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN (AHSOM) lần đầu diễn ra ngày 10 tháng 10 năm 1997 đánh dấu một mốc lịch sử trong hoạt động hợp tác về thống kê của các quốc gia thuộc khu vực ASEAN, khởi đầu một chuỗi các sự kiện quan trọng của Thống kê ASEAN.

Năm 2000, Bộ phận chịu trách nhiệm về thống kê thuộc Ban Thư ký ASEAN được thành lập. Năm 2001, AHSOM 3 thông qua Khung hợp tác thống kê ASEAN đầu tiên. Năm 2002, Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN (ASI) được ban hành. Năm 2003, Nhóm chuyên trách ASEAN về thống kê được thành lập với nhiệm vụ xây dựng các mục tiêu trung hạn về thống kê để lồng ghép vào Chương trình hành động Viêng-chăn.

Năm 2007, AHSOM8 thông qua việc thành lập các Nhóm chuyên trách, chương trình công tác về thống kê thương mại quốc tế về hàng hóa (IMTS), thống kê thương mại quốc tế về dịch vụ (SITS), Niên giám Thống kê ASEAN, và tổ chức hội thảo đầu tiên về Hệ thống Tài khoản quốc gia. Năm 2010, Khung hợp tác thống kê ASEAN (AFCS) giai đoạn 2010 - 2015 được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 17, đặt nền tảng cho việc tăng cường tổ chức và nâng cao năng lực thống kê của ASEAN hướng tới thành lập Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN (ACSS) vào năm 2015.

Tháng 8 năm 2011, Thủ trưởng các Cơ quan thống kê ASEAN đã thông qua Chiến lược thành lập Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN (Sau đây viết gọn là Chiến lược phát triển thống kê ASEAN) giai đoạn 2011-2015. Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN chính thức được thành lập năm 2011, mở ra một giai đoạn phát triển mới cho Thống kê ASEAN.



Hình 1: Hai mươi năm hợp tác trong lĩnh vực thống kê

1.2. Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN

Khung hợp tác thống kê ASEAN 2010 - 2015 xác định Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN (ACSS) là “quan hệ đối tác giữa các Hệ thống thống kê quốc gia của các quốc gia thành viên ASEAN và giữa Hệ thống thống kê quốc gia của các quốc gia thành viên ASEAN với các Hội đồng của Cộng đồng ASEAN và Ban Thư ký ASEAN”.

ACSS bao gồm:

- Ủy ban Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN;
- Hệ thống thống kê của các quốc gia thành viên ASEAN;
- Ban Thư ký ASEAN (Bộ phận Thống kê ASEAN);
- Các Hội đồng của Cộng đồng ASEAN.

Các cơ quan thống kê quốc gia thành viên ASEAN và Ban Thư ký ASEAN có trách nhiệm xây dựng quan hệ đối tác với các cơ quan có liên quan của ASEAN, các Nhóm công tác và các Nhóm chuyên trách thuộc ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN và cùng nhau xây dựng ACSS.

Ủy ban Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN chủ trì xây dựng Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN thông qua các hoạt động cụ thể sau:

- Tăng cường năng lực của các Hệ thống thống kê quốc gia và Ban Thư ký ASEAN;
- Tăng cường khả năng so sánh của các số liệu thống kê ASEAN;
- Tăng cường tham vấn với các đối tượng dùng tin;
- Xác định các nhiệm vụ và xây dựng khuôn khổ thể chế phù hợp cho thống kê ASEAN;
- Hỗ trợ quá trình ra quyết định dựa trên bằng chứng.



Hình 2: Kỳ họp lần thứ 4 của Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN



PHẦN II

CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO HOẠT ĐỘNG CỦA THỐNG KÊ ASEAN



2.1. Các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN

Các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN (CoP) được Ủy ban ACSS thông qua tại kỳ họp lần thứ 2 tổ chức tại Siem Riệp, Cam-pu-chia ngày 27 tháng 9 năm 2012 trong bối cảnh Khung hợp tác thống kê ASEAN giai đoạn 2010 - 2015 đã được thông qua vào tháng 10 năm 2010. CoP được xây dựng trên cơ sở 10 Nguyên tắc hoạt động thống kê của thống kê nhà nước do Liên hợp quốc xây dựng năm 1994, phản ánh các giá trị được thể hiện trong Chiến lược phát triển thống kê ASEAN.

CoP là kim chỉ nam cho hoạt động của Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN và Ban Thư ký ASEAN trong quá trình sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN. CoP đưa ra những hướng dẫn và tiêu chuẩn, bao gồm những tiêu chuẩn căn bản giúp đảm bảo độ tin cậy của các sản phẩm, dịch vụ thống kê của Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN và Ban Thư ký ASEAN. Đồng thời, CoP giúp tối ưu hóa dịch vụ cung cấp cho người dùng tin nhằm nâng cao tính minh bạch của số liệu, khả năng tiếp cận thông tin và trên hết là sự hài lòng của người dùng tin.

CoP bao gồm 8 nguyên tắc cơ bản được chia thành 3 nhóm chính, gồm: Môi trường thể chế, Quy trình thống kê và Các sản phẩm/đầu ra thống kê. Cụ thể:

(A) Môi trường thể chế

1. Trách nhiệm thu thập số liệu;
2. Tính chuyên nghiệp và trung thực;
3. Tính bảo mật;
4. Khả năng giải trình;
5. Hợp tác và điều phối thống kê.

(B) Quy trình thống kê

6. Đảm bảo tính hiệu quả về chi phí;
7. Giảm gánh nặng cho người cung cấp thông tin.

(C) Các sản phẩm/đầu ra thống kê

8. Cam kết đảm bảo chất lượng (Tính phù hợp, Độ tin cậy, Tính kịp thời, Khả năng so sánh và dễ tiếp cận của số liệu thống kê).

Ủy ban ACSS đã thống nhất sẽ tiến hành tự đánh giá việc thực hiện 8 nguyên tắc này dựa trên các chỉ tiêu đưa ra trong các Nguyên tắc hoạt động

thống kê của ASEAN. Để có thể triển khai đánh giá, khung đánh giá chung đã được xây dựng để các quốc gia thành viên ASEAN sử dụng thống nhất.

Ma trận bao gồm các biện pháp đánh giá việc thực hiện 5 nguyên tắc thuộc Nhóm A nói trên của các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN đã được Ủy ban ACSS phê duyệt tại kỳ họp lần thứ 3 của Ủy ban năm 2013. Ma trận này được xây dựng dựa trên Khung đánh giá chất lượng số liệu của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và của Liên hợp quốc. Tất cả các quốc gia thành viên ASEAN đã thực hiện tự đánh giá nhóm A trong năm 2015 và 2017. Kết quả được báo cáo tại các Kỳ họp lần thứ 5 và lần thứ 7 của Ủy ban ACSS. Các nguyên tắc thuộc hai nhóm B và C tiếp tục được các Nhóm công tác chuyên ngành thuộc các lĩnh vực Thương mại quốc tế về hàng hóa, Thương mại quốc tế về dịch vụ, Đầu tư trực tiếp nước ngoài nghiên cứu, triển khai đánh giá vào năm 2016.

Các nguyên tắc của CoP sẽ được cập nhật nhằm đảm bảo phù hợp với môi trường hoạt động thống kê không ngừng thay đổi. Nội dung chi tiết về CoP được trình bày tại *Phụ lục 1*.

2.2. Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2011 - 2015

Trước nhu cầu thông tin thống kê ASEAN ngày càng tăng và đa dạng cũng như để tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của thống kê ASEAN, Thủ trưởng Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN đã cùng nhau thông qua Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2011 - 2015 vào ngày 05 tháng 7 năm 2011.

Chiến lược nêu rõ ba thách thức chủ yếu cần được quan tâm giải quyết gồm: (i) Đáp ứng hơn nữa nhu cầu số liệu thống kê ngày càng tăng và đa dạng của các đối tượng dùng tin; (ii) Xây dựng khuôn khổ thể chế cũng như đề ra các nhiệm vụ cụ thể trong hợp tác và điều phối thống kê; (iii) Bổ sung thêm nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật để thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia. Đồng thời Chiến lược cũng đề ra tầm nhìn và sứ mệnh cho Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN đến năm 2015 như sau:

Tầm nhìn năm 2015:

“Đến năm 2015, Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN sẽ trở thành nhà cung cấp số liệu thống kê tiên tiến và đáng tin cậy nhằm đảm bảo cung cấp số liệu thống kê phù hợp, kịp thời, có thể so sánh để hỗ trợ Cộng đồng ASEAN”.

Sứ mệnh:

“Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN sẽ cung cấp số liệu thống kê ASEAN phù hợp, kịp thời và có thể so sánh nhằm hỗ trợ việc xây dựng chính sách và ra quyết định dựa vào bằng chứng và nâng cao năng lực thống kê của các quốc gia thành viên ASEAN và Ban Thư ký ASEAN”.

Chiến lược xác định rõ các hoạt động/lĩnh vực Cộng đồng ASEAN cần ưu tiên thực hiện và giám sát. Các hoạt động/lĩnh vực ưu tiên này sẽ được xem xét cân nhắc trong mối tương quan chặt chẽ với nguồn lực hiện có trong khu vực và ở từng quốc gia để cung cấp các số liệu thống kê cần thiết, cũng như trong mối tương quan về gánh nặng cung cấp thông tin và các chi phí có liên quan đến người trả lời.

Chiến lược xác định ba nội dung chính cần thực hiện gồm: (1) Tăng cường thể chế; (2) Tăng cường năng lực thống kê ASEAN; và (3) Thu hẹp khoảng cách phát triển.

(1) Tăng cường thể chế

Trong nội dung này, Chiến lược xác định các hoạt động cụ thể sau:

- Thành lập Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN (ACSS) để sản xuất, phổ biến và trao đổi số liệu thống kê ASEAN. ACSS là quan hệ đối tác giữa các Hệ thống thống kê quốc gia của các quốc gia thành viên ASEAN và giữa Hệ thống thống kê quốc gia của các quốc gia thành viên ASEAN với các Hội đồng của Cộng đồng ASEAN và Ban Thư ký ASEAN.

- Thành lập Ủy ban ACSS (thay cho AHSOM trước đây). Ủy ban ACSS là cơ quan hoạch định chính sách và điều phối cao nhất trong khu vực về thống kê. Nhiệm vụ chính của Ủy ban ACSS là điều phối các nỗ lực trong khu vực nhằm tăng cường hơn nữa tính so sánh của số liệu thống kê, thúc đẩy áp dụng các tiêu chuẩn/chuẩn mực quốc tế, nâng cao năng lực thống kê, xây dựng nguồn nhân lực, điều phối thu thập số liệu thống kê trong khu vực để phục vụ tốt hơn cho Cộng đồng ASEAN.

- Từ năm 2011, xây dựng các cơ chế nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Ủy ban ACSS và Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN trên cơ sở kế thừa các cơ chế hiện có, các Nhóm công tác và các Nhóm chuyên trách do AHSOM thành lập trước đây. Các cơ chế gồm: (1) Các cơ chế tăng cường hơn nữa công tác điều phối giữa các cơ quan ở cả cấp quốc gia và cấp khu vực;

(2) Các cơ chế thúc đẩy đối thoại giữa người sản xuất và sử dụng số liệu thống kê; (3) Các cơ chế hỗ trợ tiến trình ra quyết định của Ủy ban ACSS; (4) Các cơ chế tổ chức các cuộc họp của ACSS và các cơ chế khác.

- Xây dựng các hệ thống giám sát khác nhau để giám sát việc thành lập Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN. Tiến trình cần được thực hiện theo từng bước gồm hai loại giám sát: (1) Giám sát kết quả thực hiện và/hoặc việc tuân thủ tương tự như thể tính điểm đã được dùng trong trụ cột về kinh tế; và (2) Giám sát chất lượng.

(2) Tăng cường năng lực thống kê ASEAN

Nội dung tăng cường năng lực thống kê ASEAN được thể hiện cụ thể qua các hoạt động sau:

- Tiếp tục ưu tiên phát triển và hài hòa hóa 4 lĩnh vực thống kê: Tài khoản quốc gia, Thương mại Hàng hóa quốc tế, các câu phần có liên quan của Thương mại dịch vụ quốc tế, Đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Mở rộng phạm vi thống kê khu vực ASEAN nhằm đáp ứng các nhu cầu của Cộng đồng ASEAN trong 3 trụ cột chính như đề ra trong Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN.

- Xây dựng một bộ chỉ tiêu mới phục vụ công tác giám sát quá trình phát triển của Cộng đồng ASEAN theo 3 trụ cột chính.

- Xây dựng và biên soạn siêu dữ liệu/dữ liệu đặc tả; Xây dựng cơ sở dữ liệu đặc tả.

- Quản lý cơ sở dữ liệu tích hợp thống kê ASEAN; Xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ số liệu và các chỉ tiêu thống kê khác nhau; Hoàn thành phần chạy nền cho cơ sở dữ liệu tích hợp để hỗ trợ cập nhật số liệu thống kê hàng tháng trên trang chủ của Bộ phận Thống kê ASEAN; Cài đặt chương trình máy tính chuyển giao số liệu như Eurotrace và REXDBS.

- Tăng cường phổ biến số liệu thống kê thông qua trang thông tin điện tử và các hình thức khác.

- Xây dựng báo cáo thống kê phục vụ các lãnh đạo cấp cao của ASEAN, trong đó có các chỉ tiêu cảnh báo sớm.

- Xây dựng chính sách và khuôn khổ để thúc đẩy phổ biến và truyền thông số liệu thống kê.

(3) Thu hẹp khoảng cách phát triển

- Tích cực phối hợp/điều phối cũng như cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các quốc gia thành viên ASEAN hiện đang phụ thuộc vào sự hỗ trợ bên ngoài trên một số lĩnh vực thống kê chủ yếu.

- Tất cả các quốc gia thành viên ASEAN đều cần hỗ trợ dưới nhiều hình thức khác nhau. Các lĩnh vực mà các quốc gia thành viên ASEAN cần hỗ trợ trong việc nâng cao năng lực phải là những lĩnh vực nằm trong Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN. Cần xác định chênh lệch trình độ giữa các quốc gia thành viên trong các lĩnh vực để có hỗ trợ thích hợp.

Chiến lược đã được cụ thể hóa thành Kế hoạch thực hiện Chiến lược với lộ trình thực hiện chi tiết cho từng năm trong giai đoạn 2011 - 2015. Kế hoạch thực hiện Chiến lược đã được Ủy ban ACSS phê duyệt năm 2011.

Chi tiết về Chiến lược phát triển Thống kê ASEAN giai đoạn 2011 - 2015 được trình bày tại *Phụ lục 2*.

2.3. Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025

Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 27 diễn ra ở Kuala Lumpur ngày 22 tháng 11 năm 2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025¹, Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN 2025, Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2025 và Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN 2025.

Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025 được xây dựng dựa trên Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và Kế hoạch tổng thể của ba trụ cột nói trên.

Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025 được thông qua tại kỳ họp lần thứ 5 của Ủy ban ACSS ở Cyberjaya, Ma-lai-xi-a diễn ra từ ngày 3 - 5 tháng 11 năm 2015.

Mục tiêu chính của Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025 là tiếp tục tăng cường các cơ chế và hệ thống đã được xây dựng trong quá trình thực hiện Chiến lược phát triển thống kê giai đoạn 2011 - 2015 nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thống kê đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin và xây dựng năng lực bền vững cho các quốc gia thành viên ASEAN.

¹ *Cộng đồng ASEAN 2025: cùng nhau phát triển.*

Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025 tập trung vào 4 nội dung chính sau: (1) Tăng cường thể chế, nâng tầm ACSS và tính bền vững của tổ chức này; (2) Đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng tăng về số liệu thống kê ASEAN; (3) Tăng cường công tác phổ biến, truyền thông, sự hiện diện và sử dụng số liệu thống kê ASEAN; (4) Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia thành viên.

Để đạt được bốn nội dung trên, cần thực hiện những hoạt động sau:

(1) Tăng cường thể chế, nâng tầm ACSS và tính bền vững của tổ chức này

Trong nội dung này, Chiến lược xác định các hoạt động cụ thể sau:

- Công nhận Ủy ban ACSS là cơ quan cấp cao nhất trong khu vực về thống kê, là cơ quan hoạch định chính sách và điều phối cao nhất về thống kê của ASEAN;
- Xây dựng mối quan hệ đối tác và đối thoại chặt chẽ giữa các cơ quan sản xuất số liệu, ACSS và người dùng tin trong các cơ quan của ASEAN;
- Tăng cường điều phối giữa các cơ quan sản xuất số liệu;
- Công nhận Bộ phận Thống kê ASEAN là bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của Ủy ban ACSS, bộ phận đầu mối và điều phối của khu vực;
- Xây dựng Chiến lược phát triển thống kê quốc gia dựa trên Chiến lược phát triển thống kê khu vực;
- Tăng cường tuyên truyền để thu hút sự hỗ trợ và đầu tư lớn hơn cho thống kê;
- Hình thành thêm các cơ chế giúp ACSS giám sát chất lượng và tiến độ triển khai các hoạt động.

(2) Đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng tăng về số liệu thống kê ASEAN

- Cải thiện tính sẵn có, tính kịp thời và khả năng so sánh của các số liệu thống kê khu vực ASEAN, gồm thống kê thương mại quốc tế về hàng hóa, thống kê thương mại quốc tế về dịch vụ, vốn đầu tư và các chỉ tiêu SDGs;
- Mở rộng phạm vi hợp tác khu vực nhằm đáp ứng tốt hơn những sáng kiến mới của ASEAN như giám sát tiến trình hội nhập ASEAN, Kế hoạch tổng thể kết nối ASEAN (MPAC), các mục tiêu phát triển trong Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và những sáng kiến khác của các tổ chức thống kê quốc tế.

(3) Tăng cường công tác phổ biến, truyền thông, sự hiện diện và việc sử dụng số liệu thống kê ASEAN

- Tăng cường và củng cố cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN hướng tới hình thành một cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN tích hợp dựa trên sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông;

- Tăng cường khả năng tiếp cận số liệu thống kê ASEAN và chia sẻ dữ liệu tổng hợp, tuân thủ tính bảo mật và an ninh dữ liệu;

- Đẩy mạnh công tác phổ biến thông tin thống kê;

- Tăng cường sự hiện diện của số liệu thống kê ASEAN và nâng cao nhận thức về thống kê;

- Hỗ trợ thông tin thống kê cho các cơ quan khác của ASEAN.

(4) Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia thành viên

- Cung cấp hỗ trợ đặc biệt cho các nước Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam (CLMV) dưới hình thức đào tạo và chuyển giao kiến thức nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển;

- Triển khai thực hiện cơ chế ASEAN giúp ASEAN, kể cả dưới hình thức hợp tác song phương.

Tầm nhìn và sứ mệnh của ACSS giai đoạn 2016 - 2025 như sau:

Tầm nhìn:

“Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN đáp ứng kịp thời yêu cầu số liệu thống kê với chất lượng cao”.

Sứ mệnh:

Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN sẽ cung cấp số liệu thống kê ASEAN phù hợp, kịp thời và có thể so sánh nhằm phục vụ công tác xây dựng chính sách và ra quyết định dựa vào bằng chứng cũng như nâng cao năng lực thống kê của các quốc gia thành viên ASEAN và Ban Thư ký ASEAN.

Các giá trị và nguyên tắc:

- | | |
|------------------------------|-----------------------------------|
| <i>1. Tính phù hợp</i> | <i>5. Hướng đến tương lai</i> |
| <i>2. Cam kết chất lượng</i> | <i>6. Làm việc theo nhóm</i> |
| <i>3. Tính chuyên nghiệp</i> | <i>7. Có khả năng giải trình</i> |
| <i>4. Tính trung thực</i> | <i>8. Hiệu quả về mặt chi phí</i> |

Chi tiết về Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025 được trình bày tại *Phụ lục 3*.

2.4. Chính sách và hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN

Bộ phận Thống kê ASEAN (ASEANstats) có trách nhiệm thu thập và cung cấp số liệu thống kê ASEAN phục vụ công tác lập chính sách của Cộng đồng ASEAN và phổ biến thông tin thống kê ASEAN đến các đối tượng dùng tin.

Số liệu thống kê ASEAN bao gồm số liệu do Cơ quan thống kê và các cơ quan sản xuất số liệu thống kê khác thuộc Hệ thống thống kê quốc gia tại các quốc gia thành viên ASEAN sản xuất, như Ngân hàng Trung ương, Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại và các cơ quan khác.

Ủy ban ACSS giao Nhóm công tác về Chia sẻ, phân tích, phổ biến số liệu và truyền thông thống kê (WGDSA) phối hợp chặt chẽ với Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối (SCPC) xây dựng Chính sách và hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN.

Chính sách và hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN được thông qua tại kỳ họp lần thứ 3 của Ủy ban ACSS tại Ban-đa Xê-ri Bơ-ga-oan, Bru-nây Đa-rút-xa-lam, từ ngày 10 - 12 tháng 9 năm 2013.

Mục tiêu

Chính sách và hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN tuân thủ các nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN, Các nguyên tắc hoạt động thống kê của thống kê nhà nước do Liên hợp quốc xây dựng và các tiêu chuẩn thống kê quốc tế khác. Chính sách và hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN được xây dựng nhằm:

- Giúp người dùng tin tiếp cận nhiều hơn với số liệu thống kê ASEAN;
- Tăng cường độ tin cậy của số liệu thống kê ASEAN nhằm tạo niềm tin cho công chúng đối với số liệu thống kê ASEAN;
- Giải quyết những vấn đề mang tính kỹ thuật và các thách thức phát sinh trong quá trình phổ biến số liệu thống kê ASEAN;
- Giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra quyết định dựa trên bằng chứng.

Phạm vi

Để đạt được những mục tiêu nêu trên, Chính sách và hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN bao gồm các yếu tố sau:

- Tính bảo mật và an ninh của số liệu;
- Chia sẻ số liệu: công bố thông tin, khả năng tiếp cận và tính sẵn có của số liệu;
- Tính trung thực và khả năng giải trình.

Thông tin chi tiết về Chính sách và hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN được trình bày tại *Phụ lục 4*.

2.5. Khung hợp tác thống kê ASEAN

Khung hợp tác thống kê ASEAN được AHSOM 3 thông qua lần đầu năm 2001 với 9 mục tiêu chính sau:

- Tăng cường hợp tác thống kê giữa các Cơ quan thống kê của ASEAN;
- Hải hòa các định nghĩa, bảng phân ngành và phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê của ASEAN nhằm thúc đẩy sản xuất các số liệu thống kê có thể so sánh được và xây dựng các chỉ tiêu thống kê của khu vực;
- Hỗ trợ các cơ quan khác của ASEAN trong hoạch định và xây dựng chính sách thông qua cung cấp số liệu thống kê kịp thời và có khả năng so sánh;
- Tăng cường năng lực chuyên môn và quản lý cho các Cơ quan thống kê của ASEAN;
- Hình thành và thúc đẩy áp dụng các chuẩn mực thống kê tốt nhất;
- Tăng cường vị thế của thống kê khu vực ASEAN trên trường quốc tế;
- Thu hút sự ủng hộ của Chính phủ các quốc gia thành viên ASEAN trong việc thực hiện các đề án, chương trình, hoạt động thống kê;
- Cải thiện chất lượng số liệu thống kê của các quốc gia thành viên;
- Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động thống kê của thống kê nhà nước do Liên hợp quốc xây dựng.

Các mục tiêu trên được thực hiện thông qua 4 lĩnh vực hợp tác, gồm:

- Trao đổi kinh nghiệm giữa các quốc gia thành viên và với các tổ chức quốc tế cũng như các đối tượng dùng tin về những vấn đề có liên quan đến thống kê ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu;

- Hợp tác trong các dự án và hoạt động của khu vực nhằm sản xuất số liệu thống kê theo các khái niệm, định nghĩa và bảng phân ngành đã được hài hòa;

- Tăng cường năng lực và phát triển nguồn nhân lực thông qua xây dựng các cơ chế và chương trình đào tạo về quản lý và thực hành thống kê;

- Các lĩnh vực hợp tác khác.

Đến năm 2011, Khung hợp tác thống kê ASEAN 2001 được sửa đổi thành Khung hợp tác thống kê ASEAN giai đoạn 2010 - 2015 và được thông qua tại kỳ họp lần thứ nhất của Ủy ban ACSS tại Gia-các-ta, In-đô-nê-xi-a năm 2011 nhằm tăng cường tổ chức và năng lực thống kê của ASEAN để sản xuất số liệu thống kê kịp thời và có tính so sánh, hỗ trợ Cộng đồng ASEAN giám sát tiến trình hội nhập, hướng tới việc thành lập Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

Khung hợp tác thống kê ASEAN sẽ được cập nhật, sửa đổi để phản ánh những phát triển mới nhất trong lĩnh vực thống kê. Chi tiết Khung hợp tác thống kê ASEAN được trình bày tại *Phụ lục 5*.

2.6. Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho thống kê ASEAN

Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho thống kê ASEAN (viết gọn là BFSDAS) được thông qua vào tháng 1 năm 2009 tại Xin-ga-po. BFSDAS nhằm xác định:

- Các kết quả đầu ra chính phù hợp với việc thành lập Cộng đồng ASEAN;

- Các lĩnh vực thống kê cần triển khai để đạt được các kết quả chính này;

- Các công cụ và cơ chế thực hiện.

BFSDAS được sửa đổi vào tháng 11 năm 2011 tại Gia-các-ta, In-đô-nê-xi-a nhằm phản ánh những phát triển thống kê mới nhất của khu vực. Kỳ họp lần thứ 5 của Ủy ban ACSS tổ chức vào tháng 11 năm 2015 tại Cyberjaya, Ma-lai-xi-a đề xuất tiếp tục sửa đổi BFSDAS.

Phiên bản sửa đổi mới nhất của BFSDAS được thông qua tại kỳ họp lần thứ 6 của Ủy ban ACSS tổ chức từ ngày 3 - 5 tháng 11 năm 2015 tại Viêng-chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Các ưu tiên được phản ánh trong Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) 2025 và Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC) 2025 đã được cập nhật trong phiên bản BFSDAS này.

Hình 3: Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho thống kê ASEAN

HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ ASEAN

Kinh tế	Văn hóa - Xã hội	Chính trị - An ninh
• GDP, Tài khoản quốc gia & năng suất • Thống kê Tài chính Chính phủ • Thống kê Giá • Thương mại quốc tế về hàng hóa • Thương mại quốc tế về dịch vụ • Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài • Tài chính (hội nhập, bao trùm & ổn định) • Bảo hộ người tiêu dùng • Các quyền sở hữu trí tuệ • Quản lý vận tải hàng hóa • Công nghệ thông tin và truyền thông • Năng lượng • Công nghiệp chế biến chế tạo • Lương thực, nông nghiệp và lâm nghiệp • Du lịch • Y tế • Khai khoáng • Khoa học & Công nghệ • Doanh nghiệp vừa và nhỏ 	• Dân số & nhà ở • Lao động & Di cư • Môi trường • Đói nghèo & bất bình đẳng • Thống kê về giới • Chăm sóc sức khỏe & an sinh xã hội • Giáo dục • Phụ nữ, Trẻ em & thanh thiếu niên • Người cao tuổi & người khuyết tật • Văn hóa & thể thao • Thống kê về thiên tai, thảm họa • Bảo trợ xã hội • Kết nối & cơ sở hạ tầng • Các mục tiêu phát triển bền vững	• Sẽ được xem xét khi các trụ cột APSC xác định được các chỉ tiêu ưu tiên 

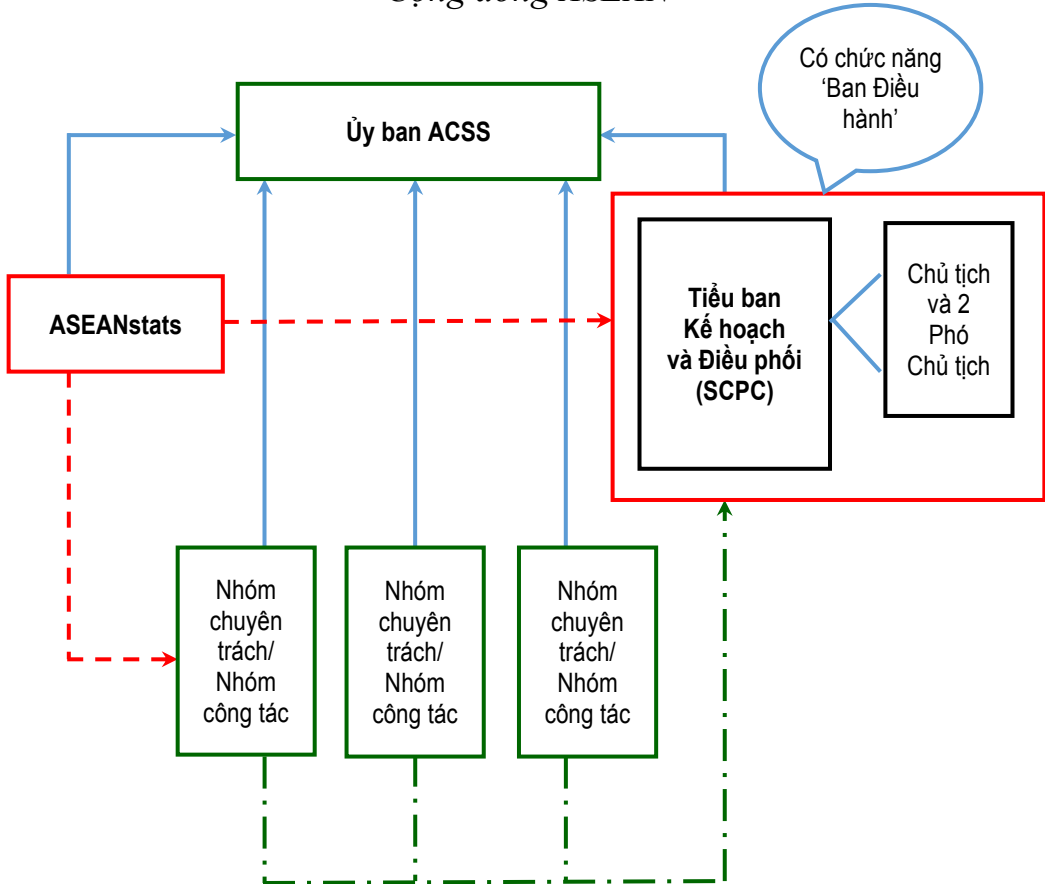


PHẦN III

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA THỐNG KÊ ASEAN

3.1. Sơ đồ cách thức phối hợp trong Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN

Hình 4: Sơ đồ cách thức phối hợp trong Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN



GHI CHÚ:

- KÊNH HỖ TRỢ
- . - . KÊNH PHỐI HỢP
- KÊNH BÁO CÁO

3.2. Các cuộc họp của Ủy ban Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN

Từ khi được thành lập (năm 2011) đến nay, Ủy ban ACSS đã tổ chức 7 kỳ họp của Ủy ban. Cụ thể:

- Kỳ họp thứ nhất tổ chức tại Gia-các-ta, In-đô-nê-xi-a, từ ngày 2 - 3 tháng 11 năm 2011;

- Kỳ họp thứ hai diễn ra tại Siêm Riệp, Cam-pu-chia, từ ngày 27 - 28 tháng 9 năm 2012;

- Kỳ họp thứ 3 tại Ban-đa Xê-ri Bơ-ga-oan, Bru-nây Đa-ru-xa-lam, từ ngày 10 - 12 tháng 9 năm 2013;

- Kỳ họp thứ 4 tại Nay Pyi Taw, Mi-an-ma, từ ngày 14 - 16 tháng 10 năm 2014;

- Kỳ họp thứ 5 tại Putrajaya, Ma-lay-xi-a, từ ngày 3 - 5 tháng 11 năm 2015;

- Kỳ họp thứ 6 tại Viêng-chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, từ ngày 1 - 3 tháng 11 năm 2016;

- Kỳ họp thứ 7 tại Ma-ni-la, Cộng hòa Phi-li-pin, từ ngày 11 - 13 tháng 10 năm 2017.

3.3. Ủy ban Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN

Năm 2011, Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 43 đã thông qua chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban ACSS (thay cho AHSOM trước đây).

Về chức năng

Ủy ban Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN (Ủy ban ACSS) là cơ quan hoạch định chính sách và điều phối cao nhất về thống kê của ASEAN, có trách nhiệm tăng cường hợp tác thống kê khu vực nhằm hỗ trợ tiến trình hội nhập và phát triển của Cộng đồng ASEAN, đồng thời đưa ra các định hướng về sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê của ASEAN. Ủy ban ACSS có sáu chức năng chính như sau:

- Đảm bảo cung cấp số liệu thống kê ASEAN kịp thời và có tính so sánh thông qua các chính sách và tiêu chuẩn thống kê của khu vực;

- Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thống kê ở cấp quốc gia, thúc đẩy quá trình xây dựng năng lực thể chế và nguồn nhân lực;

- Xây dựng hệ thống thống kê hoạt động có hiệu quả thông qua thiết lập các cơ chế phù hợp nhằm điều phối quá trình phát triển thống kê;

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ cho hoạt động thống kê, hướng tới tăng cường và hài hòa hóa số liệu thống kê ASEAN;

- Giám sát, đánh giá tiến trình thực hiện các chính sách, kế hoạch và chương trình thống kê trong nội khối ASEAN;

- Thiết lập và tăng cường mối liên kết thể chế với các cơ quan thống kê quốc tế để tăng cường hơn nữa chương trình nghị sự phát triển thống kê của ACSS.

Ủy ban ACSS quyết định các vấn đề chủ yếu sau:

- Sự phát triển và các hoạt động cần được ưu tiên trong Chiến lược phát triển thống kê ASEAN;

- Kế hoạch công tác hàng năm của Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN;

- Các vấn đề liên quan đến bảo mật thông tin thống kê;

- Các biện pháp mà các cơ quan/Nhóm công tác ASEAN thuộc 3 trụ cột của Cộng đồng ASEAN và Ban Thư ký ASEAN (ASEANstats) cần áp dụng trong việc sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN, các điều chỉnh dựa trên nguyên tắc hiệu quả chi phí, cách thức và thời gian hoàn thành các biện pháp nói trên;

- Những vấn đề khác, đặc biệt là vấn đề về phương pháp luận phát sinh từ việc hình thành hoặc thực hiện các chương trình thống kê do Chủ tịch các Nhóm công tác đề xuất hoặc theo yêu cầu của các quốc gia thành viên.

Về cơ cấu tổ chức

Ủy ban ACSS gồm Thủ trưởng Cơ quan thống kê quốc gia của tất cả các quốc gia thành viên ASEAN. Mỗi thành viên sẽ đại diện cho Hệ thống thống kê của quốc gia mình trong các cuộc họp của Ủy ban. Người đứng đầu của ASEANstats cũng là một thành viên của Ủy ban.

Hàng năm, Ủy ban ACSS sẽ được chủ trì bởi Thủ trưởng Cơ quan thống kê quốc gia của một quốc gia thành viên ASEAN trên nguyên tắc luân phiên, họp mặt mỗi năm một lần. Nếu có những vấn đề khẩn cấp cần thảo luận, có thể triệu tập một cuộc họp đặc biệt của Ủy ban.

Ủy ban ACSS thành lập ‘Ban Điều hành’, gồm Chủ tịch đương nhiệm, Chủ tịch tiền nhiệm và Chủ tịch kế nhiệm của 3 quốc gia thành viên ASEAN.

Ủy ban ACSS sẽ thành lập các Nhóm công tác và Nhóm chuyên trách khi cần.

Chi tiết về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban ACSS được trình bày ở *Phụ lục 6*.

3.4. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Nhóm công tác

3.4.1. Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối (SCPC) được thông qua tại kỳ họp lần thứ nhất của Ủy ban ACSS từ ngày 2 - 3 tháng 11 năm 2011.

SCPC có nhiệm vụ hỗ trợ quá trình ra quyết định của Ủy ban ACSS, làm đầu mối của cơ quan thống kê quốc gia về các vấn đề liên quan tới ACSS và Ủy ban ACSS. Tiểu ban này thay thế Nhóm chuyên trách về xây dựng Chiến lược phát triển thống kê ASEAN, hoạt động dưới sự chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan thống kê quốc gia và là cầu nối giữa Ủy ban ACSS với các Hệ thống thống kê quốc gia.

SCPC bao gồm các cán bộ có thâm niên từ cấp Vụ trở lên, thường xuyên làm việc với quản lý cấp cao, có quan hệ rộng và nhiều năm kinh nghiệm trong điều phối và truyền thông với các cơ quan sản xuất số liệu khác ở cấp quốc gia. Thành viên của SCPC do Thủ trưởng Cơ quan thống kê quốc gia của các quốc gia thành viên ASEAN tiến cử. Chủ tịch của SCPC là đại diện của quốc gia thành viên ASEAN đang làm Chủ tịch Ủy ban ACSS. Hai Phó Chủ tịch là đại diện của các quốc gia chủ trì tiên nhiệm và kế nhiệm.

SCPC sẽ họp định kỳ mỗi năm 2 lần. ASEANstats thực hiện nhiệm vụ thư ký cho SCPC.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối được trình bày chi tiết tại *Phụ lục 7*.

3.4.2. Nhóm công tác về Chia sẻ, phân tích, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê

Nhóm công tác về Chia sẻ, phân tích, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê (Nhóm WGDSA) do Ủy ban ACSS thành lập và chịu trách nhiệm báo cáo trước Ủy ban.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm WGDSA đã được Ủy ban ACSS thông qua tại kỳ họp lần thứ 2 tại Siem Riệp, Cam-pu-chia, từ ngày 27 - 28 tháng 10 năm 2012.

Nhóm WGDSA được thành lập nhằm mục đích:

- Xây dựng một hệ thống chia sẻ, phổ biến và truyền thông định kỳ các thông tin thống kê phù hợp với mục tiêu của Cộng đồng ASEAN, gồm phổ biến

và truyền thông thông tin thống kê nhằm nâng cao tính minh bạch và sử dụng rộng rãi số liệu thống kê trong quá trình hoạch định chiến lược, chính sách;

- Nâng cao năng lực phân tích, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê nhằm hỗ trợ việc thực hiện, giám sát và đánh giá các chương trình, chính sách cũng như giúp cải thiện khả năng giải trình trong ASEAN.

Nhóm WGDSA chịu trách nhiệm:

- Xây dựng mô hình phổ biến và truyền thông số liệu thống kê phù hợp với Khung hợp tác thống kê ASEAN;

- Xây dựng các chính sách, hướng dẫn và quy trình chia sẻ, phổ biến, truyền thông dữ liệu;

- Điều phối chung công tác cung cấp dữ liệu để cập nhật cơ sở dữ liệu thống kê và số liệu phục vụ xây dựng các ấn phẩm thống kê ASEAN;

- Cung cấp số liệu và tư vấn cho ASEANstats xây dựng các chỉ tiêu ASI và các sản phẩm thống kê quan trọng;

- Phát triển các sản phẩm để phổ biến và truyền thông số liệu thống kê;

- Thiết kế và hỗ trợ thực hiện các chương trình xây dựng năng lực cho các cơ quan chịu trách nhiệm biên soạn số liệu tại các quốc gia thành viên và Ban Thư ký ASEAN;

- Thúc đẩy, điều phối và giám sát thực hiện các chính sách và hướng dẫn trên.

Nhóm WGDSA sẽ báo cáo định kỳ lên Ủy ban ACSS về tiến độ thực hiện các chương trình, đề án. Ủy ban ACSS sẽ quyết định các chính sách, hướng dẫn mà Nhóm WGDSA đề xuất.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm WGDSA được trình bày chi tiết tại *Phụ lục 8*.

3.4.3. Nhóm công tác về Thống kê vốn đầu tư quốc tế

Nhóm công tác về Thống kê vốn đầu tư quốc tế (Nhóm WGIIS) là bộ phận kỹ thuật của Ủy ban ACSS về thống kê vốn đầu tư quốc tế. Nhóm WGIIS được thành lập nhằm xây dựng, biên soạn, phổ biến và báo cáo về số liệu thống kê vốn đầu tư quốc tế của các quốc gia thành viên ASEAN giúp xây dựng, thực hiện và giám sát các chương trình, chính sách đầu tư của Cộng đồng ASEAN.

Nhóm WGIIS chịu trách nhiệm:

- Xây dựng Kế hoạch hành động; biên soạn, phổ biến và báo cáo kịp thời, chính xác các số liệu thống kê vốn đầu tư quốc tế của Cộng đồng ASEAN phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế;

- Thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng thống kê hoặc các cơ chế thu thập, biên soạn số liệu thống kê vốn đầu tư quốc tế đảm bảo tính so sánh, bao gồm nhưng không giới hạn, số liệu thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDIS) ở các quốc gia thành viên ASEAN;

- Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, phương pháp luận và thông lệ quốc tế khi biên soạn số liệu thống kê vốn đầu tư quốc tế. Cụ thể, tuân thủ các khái niệm và phạm vi biên soạn FDIS theo định nghĩa chuẩn của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Cẩm nang Vị thế đầu tư quốc tế và Cán cân thanh toán của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF);

- Đề xuất các chính sách thống kê, hướng dẫn cách sử dụng các công cụ, đề xuất giải pháp cho các vấn đề liên quan đến thực hiện phương pháp luận hoặc cách thức thu thập dữ liệu, phương pháp ước tính, truyền đưa, sản xuất và phổ biến số liệu;

- Thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia thành viên ASEAN nhằm thu hẹp và xóa bỏ sự khác biệt về số liệu thống kê vốn đầu tư quốc tế của các quốc gia thành viên;

- Khuyến nghị lên Ủy ban ACSS các giải pháp liên quan đến biên soạn và phổ biến số liệu thống kê vốn đầu tư quốc tế của khu vực;

- Hợp tác, tham vấn với các cơ quan có liên quan trong khu vực, các tổ chức quốc tế để thực hiện các hoạt động liên quan đến vốn đầu tư, đồng thời đảm bảo tránh trùng lặp khi triển khai thực hiện, tối đa hóa các nguồn lực để đạt được mục tiêu đề ra.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm WGIIS được trình bày chi tiết tại Phụ lục 9.

3.4.4. Nhóm công tác về Thống kê thương mại hàng hóa quốc tế

Tại kỳ họp lần thứ 2 của Ủy ban ACSS ở Siem Riệp, Cam-pu-chia, từ ngày 27 - 28 tháng 9 năm 2012, Ủy ban đã thống nhất đổi tên Nhóm đặc trách về Thống kê thương mại hàng hóa quốc tế (TFIMTS) thành Nhóm công tác về Thống kê thương mại hàng hóa quốc tế (Nhóm WGIMTS) nhằm tăng cường vai trò của Nhóm trong quá trình ra quyết định của Ủy ban ACSS.

Mục tiêu chính của Nhóm WGIMTS nhằm tạo điều kiện phát triển và hài hòa hóa số liệu thống kê thương mại hàng hóa quốc tế (IMTS), tăng tính kịp thời và hiệu quả của việc chia sẻ, phổ biến số liệu IMTS cũng như đáp ứng tốt hơn các yêu cầu thông tin hỗ trợ hội nhập kinh tế và phát triển như đã được nêu trong Kế hoạch tổng thể của trụ cột AEC.

Nhiệm vụ của Nhóm WGIMTS gồm:

- Xác định, đề xuất các khung tham chiếu chung dựa trên những tiêu chuẩn quốc tế về biên soạn và báo cáo số liệu IMTS, đảm bảo tính kịp thời và khả năng so sánh của số liệu để trình cấp có thẩm quyền thông qua và triển khai thực hiện; Xây dựng các cơ chế cải thiện công tác thu thập, sản xuất và phổ biến số liệu IMTS;

- Thực hiện đánh giá toàn diện, định kỳ số liệu và dữ liệu đặc tả theo các đặc điểm kỹ thuật, phương pháp luận, chất lượng và tính kịp thời đã được thống nhất khi cung cấp số liệu thương mại quốc gia và các dữ liệu liên quan cho Ban Thư ký ASEAN; Đề xuất các biện pháp xử lý sự khác biệt trong số liệu giữa các quốc gia và tình trạng thiếu số liệu thống kê;

- Xác định các thay đổi về thủ tục và chính sách cũng như những tiến bộ mới về thống kê có thể ảnh hưởng đến việc sản xuất số liệu IMTS, thí dụ như các thông lệ/thủ tục hải quan quốc gia, các thỏa thuận kinh tế khu vực, những thay đổi trong khuôn khổ quốc tế và khu vực, các tiêu chuẩn và hệ thống phân loại giữa các quốc gia; Đề xuất phương pháp điều chỉnh phù hợp;

- Triển khai đánh giá thực hiện kế hoạch công tác hàng năm, các cơ chế hài hòa và hoàn thiện số liệu IMTS ở cấp quốc gia và khu vực;

- Đề trình các vấn đề và khuyến nghị lên Ủy ban ACSS để Ủy ban trình Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) và các cơ quan ASEAN liên quan khác thông qua Hội nghị Các quan chức kinh tế cấp cao;

- Xây dựng kế hoạch công tác hàng năm bao gồm chương trình xây dựng năng lực để hỗ trợ hài hòa hóa và phát triển số liệu IMTS.

Nhóm WGIMTS họp ít nhất mỗi năm một lần. Ở cấp quốc gia, các thành viên Nhóm WGIMTS chủ trì thực hiện các khuyến nghị, cơ chế, hoạt động cũng như cập nhật tiến độ của Nhóm cho đầu mỗi quốc gia ACSS/SCPC.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm WGIMTS được trình bày chi tiết tại *Phụ lục 10*.

3.4.5. Nhóm công tác về Thống kê thương mại dịch vụ quốc tế

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm chuyên trách về Thống kê thương mại dịch vụ quốc tế (TFSITS) được thông qua ngày 26 - 27 tháng 1 năm 2010 tại cuộc họp Thủ trưởng các cơ quan thống kê ASEAN lần thứ 10 ở Chiang-mai, Thái Lan.

Tại kỳ họp lần thứ 2 của Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối diễn ra vào tháng 7 năm 2012, Nhóm chuyên trách TFSITS được đề xuất đổi thành Nhóm công tác về Thống kê thương mại dịch vụ quốc tế (Nhóm WGSITS) nhằm thể hiện tính thường trực của Nhóm trong khuôn khổ ra quyết định của Ủy ban ACSS.

Mục tiêu chung của Nhóm WGSITS nhằm thúc đẩy sự phát triển và hài hòa hóa số liệu thống kê thương mại dịch vụ quốc tế (SITS) để hỗ trợ ASEAN giám sát lưu lượng dịch vụ tự do trong nội bộ Cộng đồng Kinh tế ASEAN cũng như giữa ASEAN với nền kinh tế toàn cầu.

Nhiệm vụ của Nhóm WGSITS gồm:

- Xây dựng, đề xuất áp dụng các cơ chế và khung tham chiếu chung cho việc thu thập, biên soạn, phổ biến số liệu SITS định kỳ, đảm bảo tính kịp thời, chính xác và khả năng so sánh của số liệu để phục vụ các yêu cầu của ASEAN;

- Đánh giá định kỳ chất lượng số liệu và dữ liệu đặc tả quốc gia dựa trên phương pháp đánh giá của các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN; giám sát tiến độ thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật, phương pháp luận, chất lượng và tính kịp thời khi cung cấp dữ liệu quốc gia cho Ban Thư ký ASEAN; Đề xuất các biện pháp xử lý sự khác biệt trong số liệu giữa các quốc gia và tình trạng thiếu số liệu thống kê;

- Đáp ứng nhu cầu người dùng tin và xác định những tiến bộ mới về thống kê có thể ảnh hưởng đến sản xuất số liệu SITS, thí dụ như các thỏa thuận kinh tế khu vực, những thay đổi về khuôn khổ quốc tế và khu vực, các tiêu chuẩn và hệ thống phân loại giữa các nước; Đề xuất phương pháp điều chỉnh phù hợp;

- Đề xuất, thúc đẩy để thông qua và triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình cải tiến và hài hòa hóa số liệu SITS;

- Đề trình các vấn đề và khuyến nghị lên SCPC để trình Ủy ban ACSS thông qua.

Nhóm WGSITS họp ít nhất mỗi năm một lần. Ở cấp quốc gia, các thành viên Nhóm WGSITS chủ trì thực hiện các khuyến nghị, cơ chế và các hoạt động cũng như cập nhật tiến độ và những phát triển của Nhóm cho SCPC.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm WGSITS được trình bày chi tiết tại *Phụ lục 11*.

3.4.6. Nhóm công tác về Chỉ tiêu phát triển bền vững

Trong bối cảnh các chỉ tiêu phát triển bền vững (SDGs) toàn cầu khó có thể áp dụng hoàn toàn ở các nước, trên cơ sở các quốc gia cũng như khu vực cần xây dựng các chỉ tiêu giám sát khu vực, quốc gia và địa phương, việc thành lập Nhóm công tác về các Chỉ tiêu SDGs (Nhóm WGSDGI) là hết sức cần thiết.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhóm WGSDGI đã được thông qua tại kỳ họp lần thứ 6 của Ủy ban ACSS vào tháng 11 năm 2016.

Nhóm WGSDGI được thành lập nhằm đáp ứng yêu cầu giám sát, đánh giá quá trình thực hiện các chỉ tiêu SDGs ở các quốc gia thành viên và ASEAN, và đảm bảo sự tham gia của khu vực vào hoạt động giám sát và đánh giá SDGs toàn cầu.

Nhiệm vụ chính của Nhóm WGSDGI là xây dựng và phổ biến các chỉ tiêu SDGs của khu vực ASEAN. Để có thể hoàn thành tốt các nhiệm vụ này, Nhóm WGSDGI cần nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tăng cường phối hợp, xây dựng năng lực thống kê cũng như phổ biến các chỉ tiêu SDGs.

Nhóm WGSDGI họp ít nhất mỗi năm một lần. Nhóm WGSDGI có trách nhiệm báo cáo tiến độ xây dựng và phổ biến các chỉ tiêu SDGs lên Ủy ban ACSS để Ủy ban cập nhật cho các cơ quan ASEAN có liên quan.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm WGSDGI được trình bày chi tiết tại *Phụ lục 12*.

3.4.7. Nhóm công tác về Hệ thống tài khoản quốc gia

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm công tác về Hệ thống tài khoản quốc gia (Nhóm WGSNA) được Ủy ban ACSS thông qua tại kỳ họp lần thứ 6, từ ngày 1 - 3 tháng 11 năm 2016.

Nhóm WGSNA được thành lập nhằm thúc đẩy sản xuất và phổ biến số liệu thống kê tài khoản quốc gia (SNA), hỗ trợ giám sát quá trình phát triển kinh tế của các quốc gia thành viên ASEAN nói riêng và Cộng đồng ASEAN nói chung. WGSNA là diễn đàn chính để thảo luận về sự phát triển và hoàn

thiện tài khoản quốc gia của khu vực ASEAN, điều phối quá trình xây dựng năng lực của khu vực cũng như tư vấn thực hiện các khuyến nghị SNA 2008.

Nhiệm vụ của Nhóm WGSNA như sau:

- Hỗ trợ đánh giá định kỳ thực hiện SNA 2008;
- Tạo điều kiện áp dụng các khung, khái niệm, sổ tay hướng dẫn, phương pháp luận, các tiêu chuẩn mới; xác định các vấn đề liên quan đến sản xuất, phổ biến số liệu thống kê tài khoản quốc gia của các quốc gia thành viên ASEAN, đề xuất giải pháp;
- Đề xuất các chỉ tiêu kinh tế phục vụ công tác phân tích so sánh những vấn đề kinh tế trong khu vực và giám sát việc thực hiện Kế hoạch tổng thể của Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2025;
- Đánh giá kết quả nghiên cứu cấp khu vực về các vấn đề liên quan đến tài khoản quốc gia ở các quốc gia thành viên ASEAN;
- Đề xuất giải pháp xây dựng năng lực thể chế, công nghệ thông tin và nguồn nhân lực để hỗ trợ phát triển thống kê tài khoản quốc gia;
- Đề xuất các tiêu chuẩn, phương pháp và cơ chế phổ biến dữ liệu thường xuyên ở các quốc gia thành viên ASEAN;
- Rà soát định kỳ, toàn diện dữ liệu và dữ liệu đặc tả nhằm đảm bảo theo đúng phương pháp luận, đảm bảo chất lượng và tính kịp thời khi cung cấp số liệu tài khoản quốc gia cho Ban Thư ký ASEAN; đồng thời đề xuất giải pháp cho việc thiếu số liệu thống kê;
- Đề xuất các khuyến nghị để xây dựng Kế hoạch công tác hàng năm của Nhóm WGSNA theo Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025.

Nhóm WGSNA họp ít nhất mỗi năm một lần. Nhóm WGSNA hoạt động trong khuôn khổ hợp tác ASEAN về SNA, thực hiện các chức năng, hoạt động của Nhóm dưới sự điều hành của Ủy ban ACSS.

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm WGSNA tại *Phụ lục 13*.



PHẦN IV

CỘNG ĐỒNG ASEAN QUA NHỮNG CON SỐ



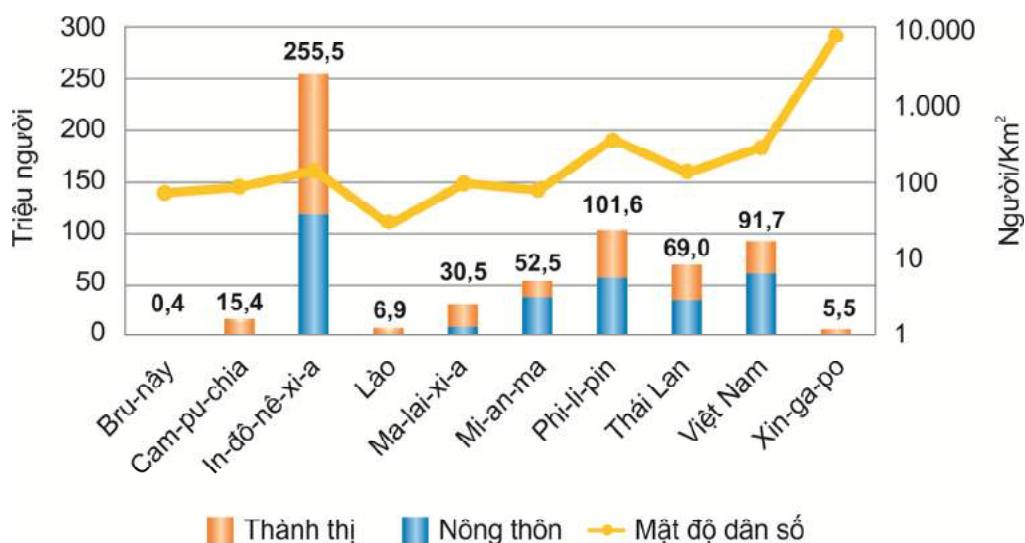
1. Dân số giữa năm của các quốc gia ASEAN

Đơn vị tính: Triệu người

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	551,4	591,0	598,0	605,8	613,6	621,0	628,9
Bru-nây	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4
Cam-pu-chia	13,8	14,3	14,5	14,7	15,0	15,2	15,4
In-đô-nê-xi-a	219,9	238,5	242,0	245,4	248,8	252,2	255,5
Lào	5,6	6,3	6,4	6,5	6,7	6,8	6,9
Ma-lai-xi-a	26,0	28,6	29,1	29,5	29,9	30,3	30,5
Mi-an-ma	48,7	50,5	50,1	50,7	51,2	51,5	52,5
Phi-li-pin	85,3	93,1	94,8	96,5	98,2	99,9	101,6
Thái Lan	65,1	67,3	67,6	67,9	68,3	68,6	69,0
Việt Nam	82,4	86,9	87,9	88,8	89,8	90,7	91,7
Xin-ga-po	4,3	5,1	5,2	5,3	5,4	5,5	5,5

Nguồn số liệu:
 Niên giám Thống kê Việt Nam
 Niên giám Thống kê ASEAN

Hình 5: Dân số giữa năm và Mật độ dân số năm 2015 của các quốc gia ASEAN



2. Tỷ lệ tăng dân số

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	1,3	1,9	1,2	1,3	1,3	1,2	1,3
Bru-nây	-0,3	1,8	1,7	1,6	1,6	1,4	1,3
Cam-pu-chia	2,0	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
In-đô-nê-xi-a	1,6	3,1	1,5	1,4	1,4	1,3	1,3
Lào	2,8	2,1	2,1	2,0	2,5	1,9	1,4
Ma-lai-xi-a	1,8	1,8	1,7	1,5	1,4	1,2	0,7
Mi-an-ma	0,7	0,9	-0,8	1,0	1,0	0,6	1,9
Phi-li-pin	2,0	1,0	1,8	1,8	1,7	1,7	1,7
Thái Lan	0,9	0,6	0,4	0,5	0,5	0,6	0,5
Việt Nam	1,2	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
Xin-ga-po	2,4	1,8	2,1	2,5	1,6	1,3	1,2

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Niên giám Thống kê ASEAN

3. Diện tích và mật độ dân số

	Diện tích (Nghìn km ²)	Mật độ dân số (Người/km ²)						
		2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	4435,6	123	133	135	137	139	140	142
Bru-nây	5,8	62	67	68	69	70	71	72
Cam-pu-chia	181,0	76	79	80	81	83	84	85
In-đô-nê-xi-a	1860,4	116	128	130	132	134	136	137
Lào	236,8	24	26	27	28	28	29	29
Ma-lai-xi-a	330,3	79	87	88	89	91	92	92
Mi-an-ma	676,6	77	79	80	80	81	82	78
Phi-li-pin	300,0	284	313	319	325	331	337	339
Thái Lan	513,1	127	131	132	132	133	134	134
Việt Nam	331,2	249	263	265	268	271	274	277
Xin-ga-po	0,7	6121	7146	7273	7419	7540	7638	7729

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Niên giám Thống kê ASEAN

4. Tỷ lệ dân số thành thị trong tổng số dân

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	39,6	44,6	45,0	45,2	45,9	46,8	
Bru-nây	73,5	75,5	75,9	76,2	76,6	76,9	77,2
Cam-pu-chia	19,2	19,8	20,0	20,1	20,3	20,5	20,7
In-đô-nê-xi-a	45,9	49,9	50,7	51,5	52,3	53,0	53,7
Lào	27,4	33,1	34,3	35,4	36,5	37,6	38,6
Ma-lai-xi-a	66,5	71,0	71,7	72,4	73,0	73,6	74,3
Mi-an-ma	28,9	31,4	31,9	32,5	33,0	29,2	29,2
Phi-li-pin	46,6	45,3	45,0	44,8	44,6	44,5	44,4
Thái Lan ^a	32,5	42,0	42,8	43,6	44,5	49,2	50,4
Việt Nam	27,1	30,5	31,6	31,8	32,2	33,1	33,9
Xin-ga-po	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

^a Năm 2014, 2015 sử dụng số liệu từ Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Niên giám Thống kê ASEAN

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

5. Tổng tỷ suất sinh

Đơn vị tính: Số con/phụ nữ

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	2,0	2,0	1,9	1,9	1,9	1,9	1,9
Cam-pu-chia	3,2	2,9	2,8	2,7	2,7	2,6	2,6
In-đô-nê-xi-a	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,4
Lào	3,7	3,3	3,2	3,1	3,1	3,0	2,9
Ma-lai-xi-a	2,2	2,0	2,0	2,0	2,0	1,9	1,9
Mi-an-ma	2,7	2,4	2,3	2,3	2,2	2,2	2,2
Phi-li-pin	3,5	3,1	3,1	3,0	3,0	3,0	2,9
Thái Lan	1,6	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
Việt Nam	2,1	2,0	2,0	2,1	2,1	2,1	2,1
Xin-ga-po	1,3	1,2	1,2	1,3	1,2	1,3	1,2

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

6. Tỷ suất sinh thô

Đơn vị tính: ‰

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	18,7	17,5	17,1	16,8	16,4	16,0	15,7
Cam-pu-chia	26,1	25,5	25,2	24,8	24,5	24,1	23,8
In-đô-nê-xi-a	21,5	21,0	20,8	20,6	20,3	20,0	19,6
Lào	29,1	28,1	27,8	27,4	27,1	26,7	26,3
Ma-lai-xi-a	18,0	16,8	16,8	16,8	16,8	16,8	16,8
Mi-an-ma	22,8	19,6	19,0	18,5	18,1	17,8	17,5
Phi-li-pin	27,2	24,6	24,3	24,0	23,8	23,6	23,3
Thái Lan	12,8	11,7	11,5	11,3	11,0	10,8	10,5
Việt Nam	18,6	17,1	16,6	16,9	17,0	17,2	16,2
Xin-ga-po	10,2	9,3	9,5	10,1	9,3	9,8	9,7

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

7. Tỷ suất chết thô

Đơn vị tính: ‰

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	2,9	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0
Cam-pu-chia	7,5	6,5	6,4	6,3	6,2	6,1	6,0
In-đô-nê-xi-a	7,3	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2
Lào	8,4	7,4	7,2	7,1	6,9	6,8	6,6
Ma-lai-xi-a	4,5	4,7	4,8	4,8	4,9	4,9	5,0
Mi-an-ma	8,7	8,4	8,3	8,3	8,3	8,3	8,3
Phi-li-pin	6,1	6,4	6,5	6,6	6,7	6,7	6,8
Thái Lan	7,1	7,4	7,5	7,6	7,8	7,9	8,0
Việt Nam	5,3	6,8	6,9	7,0	7,1	6,9	6,8
Xin-ga-po	4,4	4,4	4,5	4,5	4,6	4,7	4,8

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

8. Tỷ suất chết trẻ sơ sinh

Đơn vị tính: ‰

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	7,3	7,7	7,8	8,1	8,3	8,5	8,6
Cam-pu-chia	53,3	36,7	33,6	30,7	28,3	26,3	24,6
In-đô-nê-xi-a	33,4	27,4	26,3	25,3	24,4	23,6	22,8
Lào	70,2	59,0	57,1	55,4	53,7	52,3	50,7
Ma-lai-xi-a	7,0	6,8	6,7	6,6	6,4	6,2	6,0
Mi-an-ma	53,2	45,8	44,5	43,2	41,9	40,7	39,5
Phi-li-pin	27,4	24,9	24,4	23,9	23,3	22,8	22,2
Thái Lan	15,3	12,5	12,0	11,6	11,2	10,9	10,5
Việt Nam	17,8	15,8	15,5	15,4	15,3	14,9	14,7
Xin-ga-po	2,3	2,2	2,2	2,2	2,2	2,2	2,1

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

9. Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh

Đơn vị tính: Năm

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	76,2	77,6	77,9	78,3	78,5	78,8	79,0
Cam-pu-chia	63,0	66,4	66,9	67,3	67,8	68,2	68,7
In-đô-nê-xi-a	67,2	68,1	68,3	68,5	68,7	68,9	69,1
Lào	61,7	64,3	64,8	65,2	65,7	66,1	66,5
Ma-lai-xi-a	73,6	74,2	74,3	74,4	74,6	74,7	74,9
Mi-an-ma	63,6	64,9	65,2	65,4	65,7	65,9	66,0
Phi-li-pin	67,3	67,8	67,9	68,0	68,1	68,3	68,4
Thái Lan	72,2	73,7	73,9	74,1	74,2	74,4	74,6
Việt Nam	72,2	72,9	73,0	73,0	73,1	73,2	73,3
Xin-ga-po	80,0	81,5	81,7	82,0	82,2	82,5	82,6

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

10. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây			68,9			65,6	
Cam-pu-chia	74,6	87,0	87,5	84,2	83,0	82,6	
In-đô-nê-xi-a	66,8	67,7	67,7	66,8	67,8	66,6	65,8
Lào	66,6	79,2					
Ma-lai-xi-a	63,3	63,7	64,5	65,6	67,3	67,6	67,9
Mi-an-ma						63,4	64,7
Phi-li-pin	65,1	64,1	64,6	64,2	63,9	64,4	63,7
Thái Lan	72,5	72,3	72,1	71,8	71,1	70,3	69,8
Việt Nam		77,4	77,0	76,8	77,5	77,7	77,8
Xin-ga-po	63,0	66,2	66,1	66,6	66,7	67,0	68,3

Nguồn số liệu:

Các chỉ tiêu chủ yếu khu vực châu Á - Thái Bình Dương 2017 - Ngân hàng Phát triển châu Á

11. Tỷ trọng lao động ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia	60,3	72,3	71,3	71,1	64,3	64,3	
In-đô-nê-xi-a	44,0	38,3	35,9	35,1	35,0	34,0	32,9
Lào	76,3	72,2					
Ma-lai-xi-a	14,6	13,6	11,5	12,6	13,0	12,2	12,5
Mi-an-ma						52,2	53,4
Phi-li-pin	36,0	33,2	33,0	32,1	31,0	30,5	29,2
Thái Lan	38,6	38,2	38,0	38,9	41,7	33,4	32,3
Việt Nam	57,1	49,5	48,4	47,4	46,8	46,3	44,0
Xin-ga-po	0,1	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Các chỉ tiêu chủ yếu khu vực châu Á - Thái Bình Dương 2017 - Ngân hàng Phát triển châu Á

12. Tỷ trọng lao động ngành công nghiệp và xây dựng

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia	9,7	9,2	9,5	9,7	8,1	9,0	
In-đô-nê-xi-a	13,7	13,9	14,6	15,3	14,3	21,2	21,8
Lào		8,1					
Ma-lai-xi-a	20,2	18,2	18,7	18,1	17,6	28,0	27,5
Mi-an-ma						12,5	15,6
Phi-li-pin	10,0	9,0	8,8	9,0	8,9	16,0	16,2
Thái Lan	16,0	14,2	14,4	14,9	15,0	23,5	23,7
Việt Nam	18,2	21,0	21,3	21,3	21,2	21,4	22,8
Xin-ga-po	16,7	15,3	14,8	14,3	13,9	17,7	17,3

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Các chỉ tiêu chủ yếu khu vực châu Á - Thái Bình Dương 2017 - Ngân hàng Phát triển châu Á

13. Tỷ trọng lao động ngành dịch vụ

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia	30,0	18,6	19,2	19,3	27,6	26,6	
In-đô-nê-xi-a	42,3	47,7	49,5	49,6	50,6	44,8	45,3
Lào		19,7					
Ma-lai-xi-a	65,2	68,2	69,8	69,3	69,4	59,8	60,0
Mi-an-ma						35,3	31,3
Phi-li-pin	54,1	57,8	58,2	58,9	60,0	53,5	54,6
Thái Lan	45,4	47,6	47,6	46,2	43,2	43,0	44,0
Việt Nam	24,7	29,5	30,3	31,3	32,0	32,3	33,1
Xin-ga-po	83,1	84,5	85,1	85,5	86,0	82,3	82,7

Nguồn số liệu:

Các chỉ tiêu chủ yếu khu vực châu Á - Thái Bình Dương 2017 - Ngân hàng Phát triển châu Á

14. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015 ^c
Bru-nây	4,3	9,1	9,3	9,6		6,9	
Cam-pu-chia	0,8	0,3	0,2	0,2	0,3	0,2	
In-đô-nê-xi-a	10,3	7,1	6,6	6,1	6,3	5,9	6,2
Lào	1,3	1,9					
Ma-lai-xi-a	3,5	3,3	3,1	3,0	3,1	2,9	3,1
Mi-an-ma ^a	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0	0,8
Phi-li-pin	7,5	7,1	6,4	6,8	7,2	6,8	6,3
Thái Lan	1,8	1,0	0,7	0,7	0,7	0,6	0,9
Việt Nam ^b	5,3	2,9	2,2	2,0	2,2	2,1	2,3
Xin-ga-po	4,1	3,1	2,9	2,8	2,8	2,7	2,6

^a Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động từ 10 tuổi trở lên

^b Số liệu 2005 là tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị

^c Số liệu 2015 lấy từ nguồn Các chỉ tiêu chủ yếu khu vực châu Á - Thái Bình Dương 2017 - Ngân hàng Phát triển châu Á

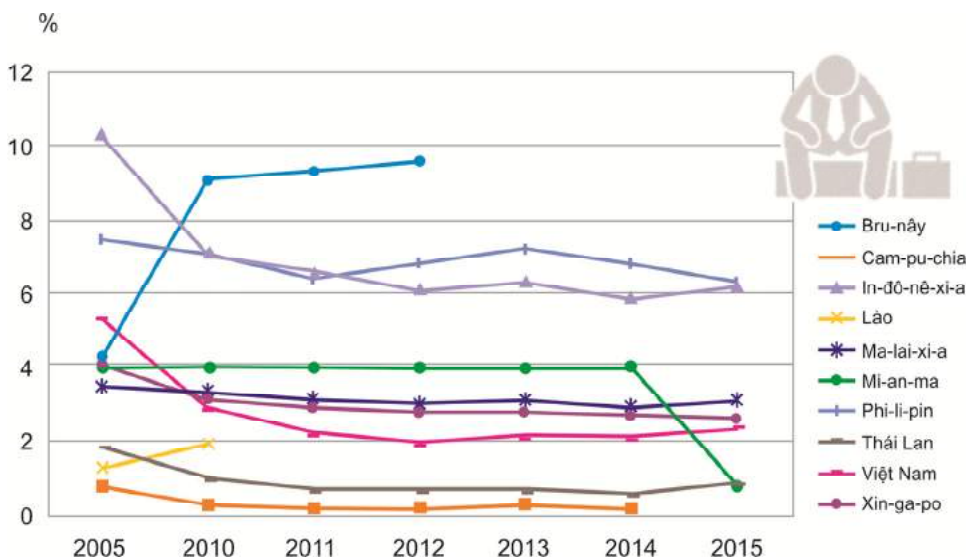
Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Niên giám Thống kê ASEAN

Các chỉ tiêu chủ yếu khu vực châu Á - Thái Bình Dương 2017 - Ngân hàng Phát triển châu Á

Hình 6: Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên



15. Tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	936023	1926263	2242015	2384289	2495502	2519396	2431975
Bru-nây	9525	12402	16691	16970	18100	17096	12909
Cam-pu-chia	6250	11229	12804	14027	15221	16771	18463
In-đô-nê-xi-a	284790	710068	846523	874639	904692	889058	857603
Lào	2872	6752	8061	9398	10771	11853	12639
Ma-lai-xi-a	143551	250773	298142	314895	322225	337497	294390
Mi-an-ma	11535	41004	56502	60282	61864	65750	65392
Phi-li-pin	103112	199976	224108	250603	268883	285108	289503
Thái Lan	189352	341338	370722	397495	420157	404280	395726
Việt Nam	57633	116299	133264	156706	173301	186205	193412
Xin-ga-po	127402	236422	275199	289274	300288	305778	291938

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Niên giám Thống kê ASEAN

Hình 7: Tăng trưởng GDP và GDP theo giá hiện hành năm 2015



16. Tổng sản phẩm trong nước theo sức mua tương đương

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	3495004	5000106	5351728	5781169	6177236	6579480	6964596
Bru-nây	26975	30674	32480	33380	33198	32951	33165
Cam-pu-chia	23268	35370	38652	42243	45573	50340	54463
In-đô-nê-xi-a	1377638	2003952	2171519	2344875	2515160	2688371	2849798
Lào	14966	23065	26229	29575	32464	35562	38558
Ma-lai-xi-a	424427	581371	624786	671129	713972	770448	817434
Mi-an-ma	98203	182865	197077	215424	237348	260903	282688
Phi-li-pin	367111	513961	543771	590801	642751	694465	744520
Thái Lan	671404	888079	914030	998289	1042129	1070488	1113829
Việt Nam	255657	382113	414339	444114	475755	513249	553422
Xin-ga-po	235355	358655	388845	411339	438886	462703	476720

Nguồn số liệu:

Các chỉ tiêu chủ yếu khu vực châu Á - Thái Bình Dương 2017 - Ngân hàng Phát triển châu Á

17. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người theo giá hiện hành

Đơn vị tính: USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	26569	32063	42431	42445	44560	41505	30942
Cam-pu-chia	453	785	882	952	1017	1105	1198
In-đô-nê-xi-a	1295	2977	3498	3564	3636	3526	3357
Lào	511	1079	1262	1443	1613	1741	1831
Ma-lai-xi-a	5511	8772	10259	10671	10771	11153	9657
Mi-an-ma	237	811	1127	1190	1209	1277	1246
Phi-li-pin	1209	2147	2363	2597	2738	2854	2850
Thái Lan	2909	5071	5484	5853	6156	5892	5737
Việt Nam	699	1273	1517	1748	1907	2052	2109
Xin-ga-po	29866	46570	53089	54453	55617	55904	52744

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Niên giám Thống kê ASEAN

18. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người theo sức mua tương đương

Đơn vị tính: USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	75245	79302	82568	83491	81729	79998	79494
Cam-pu-chia	1746	2504	2702	2915	3105	3387	3617
In-đô-nê-xi-a	6266	8402	8974	9554	10108	10661	11155
Lào	2662	3818	4279	4756	5146	5557	5939
Ma-lai-xi-a	16295	20336	21498	22742	23867	25178	26200
Mi-an-ma	1965	3535	3781	4100	4480	5018	5390
Phi-li-pin	4335	5518	5735	6122	6546	6953	7331
Thái Lan	10482	13472	13804	15014	15611	15977	16566
Việt Nam	3103	4396	4717	5001	5300	5657	6034
Xin-ga-po	55172	70647	75013	77430	81287	84594	86128

Nguồn số liệu:

Các chỉ tiêu chủ yếu khu vực châu Á - Thái Bình Dương 2017 - Ngân hàng Phát triển châu Á

19. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	5,8	7,5	5,0	6,1	5,2	4,7	4,7
Bru-nây	0,4	2,6	3,4	1,0	-2,1	-2,3	-0,6
Cam-pu-chia	13,6	6,0	7,1	7,3	7,4	7,0	7,1
In-đô-nê-xi-a	5,7	6,2	6,5	6,3	5,6	5,0	4,8
Lào	7,3	8,1	8,0	7,9	8,0	7,6	7,6
Ma-lai-xi-a	5,3	7,4	5,3	5,5	4,7	6,0	5,0
Mi-an-ma	13,6	9,6	5,6	7,3	8,4	8,7	7,1
Phi-li-pin	4,8	7,6	3,7	6,7	7,1	6,1	5,8
Thái Lan	4,2	7,5	0,8	7,2	2,7	0,8	2,8
Việt Nam	7,6	6,4	6,2	5,3	5,4	6,0	6,7
Xin-ga-po	7,4	15,3	6,2	3,7	4,6	3,3	2,0

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của ASEANstats

20. Tổng thu nhập quốc gia theo giá hiện hành

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	925557	2001768	2285330	2403102	2480161	2503938	2423656
Bru-nây	9531	13607	18027	18591	17893	17083	13553
Cam-pu-chia	6006	10728	12229	13325	14575	15826	16945
In-đô-nê-xi-a	271958	734988	868239	891961	885250	860947	833001
Lào	2670	6676	7669	9583	11300	12683	13750
Ma-lai-xi-a	137212	246904	290893	302839	312561	326700	287975
Mi-an-ma	11979	49529	59964	57974	58221	62852	58799
Phi-li-pin	129804	265931	268494	301388	330277	344879	354144
Thái Lan	180829	326816	361875	379344	393663	385377	378533
Việt Nam	56575	111513	129698	149569	163885	177361	183321
Xin-ga-po	118992	235076	268241	278527	292538	300231	283634

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

21. Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người theo giá hiện hành

Đơn vị tính: USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	23080	33300	35490	42290	45180	42890	38520
Cam-pu-chia	460	750	810	880	960	1020	1070
In-đô-nê-xi-a	1220	2520	3000	3570	3730	3620	3440
Lào	460	1000	1120	1350	1590	1840	2000
Ma-lai-xi-a	5280	8240	9040	10150	10760	11000	10440
Mi-an-ma	270	860	1020	1160	1230	1240	1190
Phi-li-pin	1520	2730	2620	2980	3300	3470	3520
Thái Lan	2790	4580	4950	5520	5730	5750	5690
Việt Nam	680	1225	1452	1679	1827	1954	2001
Xin-ga-po	28370	44790	48150	51110	54700	55720	52740

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

22. Tỷ trọng của ba khu vực kinh tế trong tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành

A. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	0,9	0,7	0,6	0,7	0,7	0,9	1,1
Cam-pu-chia	32,7	36,5	37,1	36,0	33,9	30,9	28,6
In-đô-nê-xi-a ^a				12,5	13,3	13,2	13,1
Lào	36,2	31,4	29,6	20,4	19,7	19,7	19,7
Ma-lai-xi-a	8,3	10,1	11,5	9,8	9,1	8,9	8,5
Mi-an-ma	46,7	36,9	32,5	30,6	29,5	27,8	26,7
Phi-li-pin	12,7	12,3	12,7	11,8	11,3	11,3	10,3
Thái Lan	9,2	10,5	11,6	11,5	11,3	10,1	8,7
Việt Nam	19,3	18,4	19,6	19,2	18,0	17,7	17,0
Xin-ga-po	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0

Lưu ý: Số liệu 0,0 là do làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy

B. Công nghiệp và Xây dựng

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	71,6	68,7	73,7	72,7	70,0	67,7	61,4
Cam-pu-chia	26,6	23,5	23,8	24,6	26,0	27,4	29,8
In-đô-nê-xi-a ^a				40,3	42,1	41,8	40,9
Lào	24,6	32,3	34,6	35,6	33,5	31,7	31,0
Ma-lai-xi-a	45,9	37,8	37,2	37,5	37,2	37,2	36,4
Mi-an-ma	17,5	26,5	31,3	32,4	32,4	34,5	34,5
Phi-li-pin	33,8	32,6	31,3	31,2	31,1	31,3	30,9
Thái Lan	38,6	40,0	38,1	37,4	37,0	36,9	36,4
Việt Nam	38,1	32,1	32,2	33,6	33,2	33,2	33,3
Xin-ga-po	32,4	27,7	26,3	26,4	24,8	25,6	26,2

C. Dịch vụ

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	27,5	30,6	25,8	26,7	29,3	31,4	37,5
Cam-pu-chia	40,6	40,0	39,1	39,4	40,1	41,7	41,5
In-đô-nê-xi-a ^a				47,2	44,7	45,1	46,0
Lào	39,2	36,3	35,8	44,1	46,8	48,6	49,4
Ma-lai-xi-a	45,8	52,1	51,3	52,7	53,7	54,0	55,1
Mi-an-ma	35,8	36,7	36,2	37,0	38,1	37,7	38,7
Phi-li-pin	53,5	55,1	55,9	56,9	57,6	57,3	58,8
Thái Lan	52,2	49,5	50,3	51,1	51,7	53,0	54,9
Việt Nam	42,6	49,5	48,2	47,2	48,9	49,1	49,8
Xin-ga-po	67,5	72,3	73,6	73,6	75,2	74,3	73,8

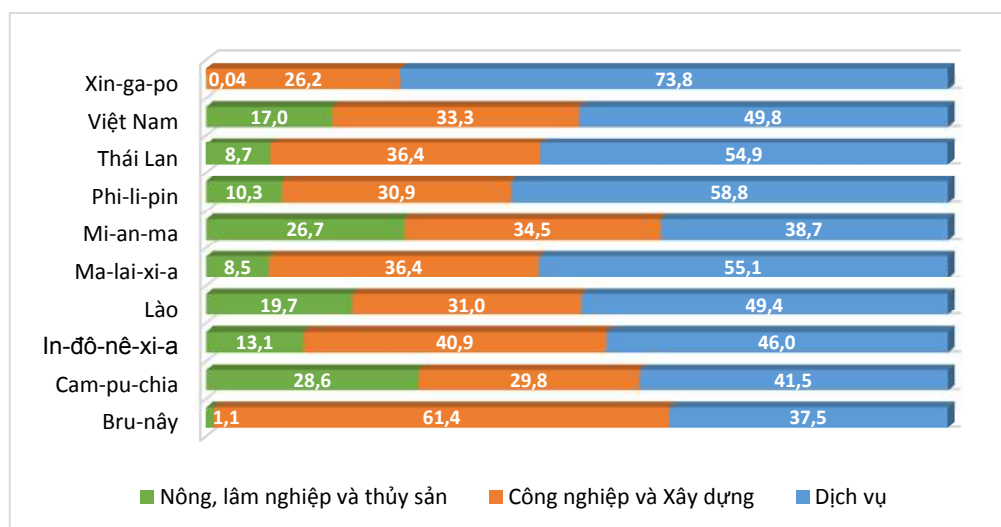
^a Theo Niên giám Thống kê ASEAN

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

Hình 8: Tỷ trọng 3 khu vực trong GDP theo giá hiện hành năm 2015 (%)



23. Tỷ trọng tiêu dùng cuối cùng trong tổng sản phẩm trong nước

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	45,8	36,9	34,5	32,4	35,3	34,6	45,2
Cam-pu-chia	90,2	88,1	88,3	86,3	85,5	82,4	82,0
In-đô-nê-xi-a	70,8	65,2	64,5	65,3	67,0	66,1	65,4
Lào	89,3	77,6	79,3	82,7	87,2	87,6	84,7
Ma-lai-xi-a	55,7	60,7	61,2	63,5	65,5	65,7	67,3
Phi-li-pin	84,1	81,3	83,2	85,1	84,2	83,1	84,7
Thái Lan	70,6	68,9	71,2	70,9	69,7	69,3	66,2
Việt Nam	71,0	72,6	72,3	70,4	71,6	72,1	74,3
Xin-ga-po	48,8	45,7	45,9	46,7	47,2	46,8	47,3

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

24. Tỷ trọng tổng tích lũy tài sản trong tổng sản phẩm trong nước

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	11,4	23,7	26,0	32,9	39,6	27,4	35,2
Cam-pu-chia	18,5	17,4	17,1	18,5	19,7	22,0	22,5
In-đô-nê-xi-a	25,1	32,9	33,0	35,1	33,8	34,6	34,2
Lào	23,1	25,0	26,5	29,0	27,3	26,4	28,2
Ma-lai-xi-a	22,4	23,4	23,2	25,7	25,9	25,0	25,1
Phi-li-pin	21,6	20,5	20,5	18,2	20,0	20,6	21,2
Thái Lan	30,4	25,4	26,8	28,0	27,4	24,0	22,2
Việt Nam	33,8	35,7	29,8	27,2	26,7	26,8	27,7
Xin-ga-po	21,4	28,2	27,1	29,9	30,5	28,6	26,8

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

25. Tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ trong tổng sản phẩm trong nước

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	70,2	67,4	69,5	70,2	68,0	68,6	52,2
Cam-pu-chia	64,1	54,1	54,1	58,0	61,5	62,3	61,7
In-đô-nê-xi-a	34,1	24,3	26,3	24,6	23,9	23,7	21,2
Lào	34,2	35,8	37,4	35,7	34,8	35,7	31,0
Ma-lai-xi-a	112,9	86,9	85,3	79,3	75,6	73,8	70,9
Mi-an-ma	0,2	0,1	0,1	11,5	19,6	20,1	20,8
Phi-li-pin	46,1	34,8	32,0	30,8	28,0	28,9	28,4
Thái Lan	68,4	66,5	70,9	69,8	68,1	69,4	69,1
Việt Nam	63,7	72,0	79,4	80,0	83,6	86,4	89,8
Xin-ga-po	226,2	199,7	203,3	197,2	194,2	193,4	177,9

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

26. Tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ trong tổng sản phẩm trong nước

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	27,3	28,0	30,0	35,5	42,9	30,6	32,7
Cam-pu-chia	72,7	59,5	59,5	62,8	66,7	66,7	66,1
In-đô-nê-xi-a	29,9	22,4	23,9	25,0	24,7	24,4	20,7
Lào	46,5	38,4	43,2	47,4	49,3	49,8	43,8
Ma-lai-xi-a	91,0	71,0	69,7	68,5	67,1	64,5	63,3
Mi-an-ma	0,1	0,1	0,1	10,9	18,9	22,2	26,5
Phi-li-pin	51,7	36,6	35,7	34,1	32,2	32,6	34,3
Thái Lan	69,5	60,8	68,8	68,7	65,3	62,6	57,5
Việt Nam	67,0	80,2	83,5	76,5	81,5	83,1	89,0
Xin-ga-po	196,4	173,7	176,3	173,8	171,8	168,9	152,0

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

27. Tỷ trọng tiết kiệm trong tổng sản phẩm trong nước

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	50,3	60,2	60,8	62,7	60,4	62,0	56,1
Cam-pu-chia	13,5	13,0	11,5	11,6	11,3	15,5	
In-đô-nê-xi-a	26,0	32,7	33,2	32,3	30,5	31,1	32,0
Lào	10,8	18,6	16,2	13,8	9,4	10,2	12,2
Ma-lai-xi-a	36,8	33,5	34,1	30,9	29,4	29,4	28,0
Phi-li-pin	53,2	60,8	44,9	43,2	45,1	46,1	44,2
Thái Lan	27,1	28,7	29,4	27,6	26,4	27,7	30,3
Việt Nam	38,3	30,7	29,9	30,8	29,5	28,7	27,2
Xin-ga-po	43,4	51,7	49,3	47,3	47,4	48,4	44,9

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

28. Dự trữ ngoại hối không kể vàng

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	297076	669893	737746	793411	782773	749534	713204
Bru-nây	492	1563	2487	3285	3399	3471	3211
Cam-pu-chia	953	3255	3450	4267	4516	5626	6883
In-đô-nê-xi-a	33140	92908	106539	108837	96364	108836	103268
Lào	234	703	741	799	722	875	1043
Ma-lai-xi-a	69858	104884	131780	137784	133444	114572	93979
Mi-an-ma	771	5717	7004	6964	8554	2012	3806
Phi-li-pin	15926	55363	67290	73478	75689	72057	73964
Thái Lan	50691	167530	167389	173328	161328	151253	151266
Việt Nam	9051	12467	13539	25573	25893	34189	28250
Xin-ga-po	115960	225503	237527	259094	272864	256643	247534

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

29. Dự trữ ngoại hối theo tháng nhập khẩu

Đơn vị tính: Tháng

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	2,2	3,8	4,4	5,1	4,8	6,4	7,6
Cam-pu-chia	2,8	6,1	5,3	5,6	4,8	5,4	
In-đô-nê-xi-a	4,1	6,9	6,1	5,6	5,0	5,7	6,4
Lào	3,7	5,4	4,9	4,3	3,4	3,0	2,0
Ma-lai-xi-a	5,9	6,3	6,9	7,0	6,7	5,7	5,5
Mi-an-ma	3,1	11,1	8,3	7,6	7,6	1,6	2,5
Phi-li-pin	4,6	10,4	11,6	11,5	11,6	9,9	9,9
Thái Lan	4,4	9,1	7,7	7,3	6,5	6,7	7,4
Việt Nam	2,7	1,6	1,4	2,5	2,1	2,5	1,9
Xin-ga-po	4,9	5,8	5,2	5,5	5,6	5,3	5,7

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

30. Dự trữ ngoại hối so với nợ nước ngoài

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia	41,8	103,6	96,1	78,5	70,1	77,2	78,4
In-đô-nê-xi-a	24,4	48,5	50,1	44,7	37,4	38,2	34,3
Lào	9,4	16,9	15,6	15,6	11,3	12,0	9,0
Ma-lai-xi-a	108,5	79,6	92,2	72,1	71,4	59,0	49,9
Mi-an-ma	13,3	73,6	89,9	93,8	121,8	36,6	63,3
Phi-li-pin	31,5	95,4	113,7	120,8	125,6	103,3	103,8
Thái Lan	89,1	161,7	159,1	135,2	121,8	116,2	120,7
Việt Nam	48,8	27,8	25,1	41,5	39,6	47,2	36,3

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

31. Tổng số nợ nước ngoài

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia	2769	3685	4227	6283	7132	7916	9319
In-đô-nê-xi-a	142120	198268	219619	252555	265453	292969	308540
Lào	3279	6525	7542	8181	9425	10188	11645
Ma-lai-xi-a	64911	133800	144898	193880	188795	196587	190951
Mi-an-ma	6674	8217	8192	7840	7251	6266	6401
Phi-li-pin	58693	65303	66063	69372	66202	77104	77725
Thái Lan	58467	106358	109943	134257	137353	135292	129654
Việt Nam		44349	50590	58274	63455	71017	80844

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

32. Nợ nước ngoài trong tổng thu nhập quốc gia

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia	46,1	34,3	34,6	47,2	48,9	50,0	54,6
In-đô-nê-xi-a	52,3	27,0	25,3	28,3	30,0	34,0	37,0
Lào	122,8	97,2	98,1	93,5	89,3	91,5	99,6
Ma-lai-xi-a	47,3	54,2	49,8	64,0	60,4	60,2	66,3
Mi-an-ma				10,6	12,6	10,1	
Phi-li-pin	45,2	24,6	24,6	23,0	20,0	22,3	22,0
Thái Lan	32,3	32,6	30,3	35,2	34,6	35,4	35,2
Việt Nam		40,3	41,5	41,2	39,9	40,9	42,5

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

33. Nợ nước ngoài so với trị giá xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ và thu nhập chính

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia	67,6	61,2	54,0	70,7	70,7	69,5	74,5
In-đô-nê-xi-a	146,5	117,6	101,9	118,2	127,8	145,8	177,9
Lào	430,1	282,7	307,6	280,4	302,3	293,3	317,3
Ma-lai-xi-a	38,9	57,2	53,4	73,7	72,8	74,0	85,6
Mi-an-ma	173,9	104,7	94,6	80,5	58,5	46,6	45,2
Phi-li-pin	152,4	106,6	102,0	92,4	86,9	91,7	94,8
Thái Lan	44,4	45,7	40,8	47,0	46,9	46,7	46,2
Việt Nam	50,1	56,0	50,7	49,4	45,8	44,8	44,8

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

34. Cán cân vãng lai

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	4033	5016	6430	5684	3778	5251	2071
Cam-pu-chia	-307	-798	-777	-1161	-1941	-1657	
In-đô-nê-xi-a	278	5144	1685	-24418	-29109	-27510	-17519
Lào	-174	29	-206	-413	-376	-1178	-2264
Ma-lai-xi-a	19980	25644	32492	16316	11205	14846	8960
Mi-an-ma	582	1574	-1561	-1260	-389	-1897	-2494
Phi-li-pin	1990	7179	5643	6949	11384	10756	7266
Thái Lan	-7642	11486	9427	-1620	-4845	15286	32149
Việt Nam	-560	-4276	236	9429	7745	9359	906
Xin-ga-po	28105	55421	61044	50252	51168	60819	53757

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

35. Cán cân thanh toán quốc tế trong tổng sản phẩm trong nước

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	42,9	39,4	39,5	34,7	25,1	38,0	19,5
Cam-pu-chia	-8,7	-5,4	-5,4	-4,8	-5,2	-4,4	-4,4
In-đô-nê-xi-a	4,1	1,9	2,5	-0,4	-0,8	-0,7	0,4
Lào	-12,3	-2,6	-5,8	-11,7	-14,5	-14,0	-12,8
Ma-lai-xi-a	21,9	15,9	15,6	10,8	8,5	9,3	7,7
Mi-an-ma	0,1	0,0	-0,0	0,6	0,7	-2,1	-5,8
Phi-li-pin	-5,6	-1,8	-3,6	-3,3	-4,2	-3,6	-5,9
Thái Lan	-1,0	5,7	2,0	1,1	2,8	6,8	11,6
Việt Nam	-3,3	-8,2	-4,1	3,5	2,2	3,3	0,8
Xin-ga-po	29,8	26,1	27,0	23,4	22,4	24,6	25,9

Lưu ý: Số liệu 0,0 là do làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

36. Độ sâu tài chính (Cung tiền M2 so với tổng sản phẩm trong nước)

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	57,8	67,3	59,4	58,7	62,6	67,5	80,8
Cam-pu-chia	19,5	41,4	45,4	50,5	53,3	62,7	66,5
In-đô-nê-xi-a	43,4	36,0	36,7	38,4	39,1	39,5	39,4
Lào	18,7	38,0	42,1	43,8	44,5	49,0	51,2
Ma-lai-xi-a	123,8	132,2	136,2	139,3	142,6	140,4	137,8
Mi-an-ma	21,6	23,6	28,9	30,3	33,4	37,5	44,7
Phi-li-pin	41,2	47,6	47,2	47,5	58,0	58,5	60,6
Thái Lan	104,1	109,0	119,9	121,1	124,3	127,3	128,4
Việt Nam	75,6	129,3	112,4	114,1	122,8	131,5	143,6
Xin-ga-po	103,6	125,0	128,1	131,6	131,0	131,2	127,5

Nguồn số liệu:

Các chỉ tiêu chủ yếu khu vực châu Á - Thái Bình Dương 2017 - Ngân hàng Phát triển châu Á

37. Tỷ lệ lãi suất cho vay

Đơn vị tính: %

	2005 ^a	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	5,5	5,5	5,5	5,5	5,5	5,5	5,5
Cam-pu-chia	23,1	22,5	19,4	11,8	15,8	16,8	
In-đô-nê-xi-a	15,1	12,8	12,2	11,5	12,1	12,8	12,5
Lào	19,8	14,5	12,3	13,5	12,9	13,1	
Ma-lai-xi-a	6,7	6,3	6,5	6,5	6,5	6,5	6,8
Mi-an-ma	17,0	17,0	15,0	13,0	13,0	13,0	13,0
Phi-li-pin	9,2	6,7	6,0	5,5	5,7	5,6	5,6
Thái Lan	7,5-8,0	6,1-6,5	7,3-7,6	7,0-7,5	7,0-7,4	7,3-7,9	7,1-7,9
Việt Nam	10,0	14,5	18,7	13,5	11,5-13,0	9,5-11,0	9,0-10,0
Xin-ga-po	5,3	5,4	5,4	5,4	5,4	5,4	5,4

^a Số liệu năm 2006

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của ASEANstats

38. Tỷ lệ lạm phát bình quân năm

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015 ^a
Bru-nây	1,2	0,4	2,0	0,5	-2,8	-2,0	-1,0
Cam-pu-chia	5,8	4,0	5,5	2,9	2,9	3,9	2,8
In-đô-nê-xi-a	10,5	5,1	5,4	4,2	8,1	8,4	3,4
Lào	6,8	6,0	7,6	4,2	6,5	4,2	0,9
Ma-lai-xi-a	3,0	1,7	3,2	1,7	3,2	4,2	2,7
Mi-an-ma	10,5	7,7	5,0	1,5	4,3	1,0	10,3
Phi-li-pin	7,6	3,8	4,6	3,2	4,0	4,2	1,5
Thái Lan	4,5	3,3	3,8	3,0	1,7	1,9	-0,9
Việt Nam	8,3	9,2	18,6	9,2	6,6	4,1	0,6
Xin-ga-po	0,4	2,8	5,2	5,0	2,4	1,0	-0,6

^a Số liệu cuối năm 2015

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của ASEANstats

39. Tỷ giá hối đoái chính thức bình quân năm

Đơn vị tính: Tiền nội tệ mỗi quốc gia/1 USD

	Đơn vị nội tệ	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	(Đô la Bru-nây)	1,36	1,26	1,25	1,25	1,27	1,38
Cam-pu-chia	(Riêng)	4189,75	4066,63	4040,92	4029,00	4041,00	4058,50
In-đô-nê-xi-a	(Ru-pi)	9085,76	8767,58	9410,58	10585,92	11885,00	13457,58
Lào	(Kíp)	8248,50	8030,06	8006,89	7852,00	8049,00	8113,00
Ma-lai-xi-a	(Ring-gít)	3,30	3,06	3,08	3,16	3,28	3,94
Mi-an-ma	(Ki-át)	970,00	820,00	850,00	938,00	995,00	1136,14
Phi-li-pin	(Pê-sô)	45,11	43,31	42,23	42,89	44,34	45,85
Thái Lan	(Bạt)	31,69	30,49	31,08	30,73	32,48	34,25
Việt Nam	(Đồng)	18626,00	20517,00	20828,00	20937,00	21154,00	21679,00
Xin-ga-po	(Đô la Xin-ga-po)	1,36	1,26	1,25	1,25	1,27	1,38

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của ASEANstats

40. Chỉ số giá tiêu dùng

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	95,53	100,00	102,02	102,49	102,88	102,68	102,25
Cam-pu-chia	67,76	100,00	105,48	108,57	111,77	116,08	117,49
In-đô-nê-xi-a	68,68	100,00	105,36	109,86	116,91	124,39	132,30
Lào	78,50	100,00	107,58	112,16	119,30	124,23	125,81
Ma-lai-xi-a	87,70	100,00	103,20	104,90	107,10	110,50	112,80
Mi-an-ma	44,53	100,00	105,02	106,56	112,45	118,61	129,86
Phi-li-pin	78,67	100,00	104,65	107,97	111,20	115,77	117,43
Thái Lan	86,57	100,00	103,81	106,94	109,28	111,35	110,35
Việt Nam	59,93	100,00	118,58	129,50	138,05	143,69	144,60
Xin-ga-po		100,00	105,25	110,02	112,64	113,77	113,21

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của ASEANstats

41. Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu theo giá hiện hành

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
In-đô-nê-xi-a	81428	360388	390107	428223	346674	422127	353271
Ma-lai-xi-a	180518	408689	395624	466588	500387	459004	382977
Phi-li-pin	39799	157321	165066	229317	217320	261841	238820
Thái Lan	123885	277732	268489	389756	354367	430427	348798
Việt Nam		30115	21574		40061	46067	51877
Xin-ga-po	257340	647226	598273	765078	744413	752831	639956

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

42. Số máy ATM trên 100 nghìn người trưởng thành

Đơn vị tính: Máy

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	43,6	80,3	78,8	90,2	80,5	79,3	77,1
Cam-pu-chia	0,0	5,2	6,0	7,2	8,4	10,9	13,3
In-đô-nê-xi-a	9,3	13,1	16,5	35,8	42,2	49,5	53,3
Lào		8,8	10,9	13,0	18,0	19,9	23,2
Ma-lai-xi-a	27,4	53,3	53,4	53,1	54,4	52,2	51,1
Mi-an-ma				0,1	0,6	1,6	1,9
Phi-li-pin	11,5	15,2	16,9	19,0	22,1	23,4	25,3
Thái Lan	29,4	82,5	88,0	95,5	103,0	111,3	113,5
Việt Nam	3,0	17,2	19,8	20,9	22,1	23,0	24,0
Xin-ga-po	48,7	61,5	62,0	61,4	60,3	59,5	60,0

Lưu ý: Số liệu 0,0 là do làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

43. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN theo quốc gia tiếp nhận

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005 ^a	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	54980	108176	87321	117099	124865	129994	120818
Bru-nây	434	625	1208	865	725	568	171
Cam-pu-chia	483	783	892	1557	1275	1727	1701
In-đô-nê-xi-a	4914	13771	19242	19138	18444	21810	16917
Lào	187	333	467	294	427	913	1079
Ma-lai-xi-a	6072	9156	12001	9400	12297	10875	11290
Mi-an-ma	428	2249	2058	1354	2621	946	2824
Phi-li-pin	2921	1298	1816	2797	3860	5815	5724
Thái Lan	9460	14747	2474	12899	15936	3720	8027
Việt Nam	2400	8000	8000	8368	8900	9200	11800
Xin-ga-po	27681	57214	39163	60427	60380	74420	61285

^a Số liệu năm 2006

Nguồn số liệu:
Niên giám Thống kê ASEAN

44. Tỷ trọng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN theo quốc gia tiếp nhận

Đơn vị tính: %

	2005 ^a	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	100	100	100	100	100	100	100
Bru-nây	0,8	0,6	1,4	0,7	0,6	0,4	0,1
Cam-pu-chia	0,9	0,7	1,0	1,3	1,0	1,3	1,4
In-đô-nê-xi-a	8,9	12,7	22,0	16,3	14,8	16,8	14,0
Lào	0,3	0,3	0,5	0,3	0,3	0,7	0,9
Ma-lai-xi-a	11,0	8,5	13,7	8,0	9,8	8,4	9,3
Mi-an-ma	0,8	2,1	2,4	1,2	2,1	0,7	2,3
Phi-li-pin	5,3	1,2	2,1	2,4	3,1	4,5	4,7
Thái Lan	17,2	13,6	2,8	11,0	12,8	2,9	6,6
Việt Nam	4,4	7,4	9,2	7,1	7,1	7,1	9,8
Xin-ga-po	50,3	52,9	44,8	51,6	48,4	57,2	50,7

^a Số liệu năm 2006

Nguồn số liệu:
Niên giám Thống kê ASEAN

45. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN theo quốc gia đầu tư

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005 ^a	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Nội khối ASEAN	7596	16307	15198	23961	19562	22134	22232
Ô-xtrây-li-a	303	3959	4656	610	2588	6282	5247
Ca-na-đa	465	1303	931	3499	817	1679	898
Trung Quốc	1016	3489	7160	8070	6426	6990	8256
Liên minh Châu Âu (28)	10672 ^b	21145	24190	1670	24511	24990	20128
Ấn Độ	-448	3801	-1962	6629	2101	606	1584
Nhật Bản	10230	12987	8284	14851	24750	15705	17559
Hàn Quốc	1254	4319	1687	1344	4303	5751	5710
Niu Di-lân	-198	339	44	-1488	336	550	2241
Pa-ki-xtan	10	29	9	46	-2	6	-11
Liên bang Nga	7	54	10	189	608	-113	-29
Hoa Kỳ	3419	13682	9040	19845	7157	14749	13646
Phần còn lại của thế giới	20654	26762	18074	37873	31708	30665	23357
Tổng số	54980	108176	87321	117099	124865	129994	120818

^a Số liệu năm 2006

^b Số liệu của 25 nước thành viên

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê ASEAN

46. Tỷ trọng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN theo quốc gia đầu tư

Đơn vị tính: %

	2005 ^a	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Nội khối ASEAN	13,8	15,1	17,5	20,5	15,7	17,0	18,4
Ô-xtrây-li-a	0,6	3,7	5,4	0,5	2,1	4,8	4,3
Ca-na-đa	0,8	1,2	1,1	3,0	0,7	1,3	0,7
Trung Quốc	1,8	3,2	8,2	6,9	5,1	5,4	6,8
Liên minh Châu Âu (28)	19,4 ^b	19,5	27,9	1,4	19,6	19,2	16,7
Ấn Độ	-0,8	3,5	-2,3	5,7	1,7	0,5	1,3
Nhật Bản	18,6	12,0	9,5	12,7	19,8	12,1	14,5
Hàn Quốc	2,3	4,0	1,9	1,1	3,4	4,4	4,7
Niu Di-lân	-0,4	0,3	0,1	-1,3	0,3	0,4	1,9
Pa-ki-xtan	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Liên bang Nga	0,0	0,1	0,0	0,2	0,5	-0,1	0,0
Hoa Kỳ	6,2	12,6	10,4	16,9	5,7	11,3	11,3
Phần còn lại của thế giới	34,7	24,7	20,3	32,3	25,4	23,6	19,3
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

^a Số liệu năm 2006

^b Số liệu của 25 nước thành viên

Lưu ý: Số liệu 0,0 là do làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê ASEAN

47. Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người

Đơn vị tính: Kg/người

	2005	2010	2011	2012	2013	2014
ASEAN	358,7	404,1	402,1	411,3	408,4	400,8
Bru-nây	2,3	2,8	3,8	4,4	4,6	4,7
Cam-pu-chia	469,8	630,3	653,2	693,1	686,8	646,6
In-đô-nê-xi-a	294,1	349,6	339,4	355,4	356,3	352,2
Lào	511,0	655,0	657,1	719,3	712,7	823,4
Ma-lai-xi-a	93,1	89,4	92,0	92,0	90,6	90,4
Mi-an-ma	601,8	688,8	614,8	555,7	556,1	554,2
Phi-li-pin	230,2	236,3	248,3	262,6	262,2	267,1
Thái Lan	528,9	589,8	614,1	638,8	616,9	553,0
Việt Nam	470,0	504,5	528,1	538,5	538,1	542,2

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Bộ phận Thống kê - Tổ chức nông lương Liên hợp quốc

48. Sản lượng tôm bình quân đầu người

Đơn vị tính: Kg/người

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Cam-pu-chia	1,0	0,5	0,6	0,6	0,6	0,7	0,7
In-đô-nê-xi-a	2,1	2,5	2,7	2,5	3,4	3,4	3,3
Ma-lai-xi-a	3,4	7,2	6,2	6,0	5,3	5,6	5,5
Mi-an-ma	1,4	1,5	1,6	1,6	1,5	1,3	1,5
Phi-li-pin	1,0	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
Thái Lan	7,3	9,2	9,8	9,6	5,3	4,7	4,8
Việt Nam	5,2	5,3	5,6	5,3	6,5	8,2	7,7
Xin-ga-po	0,1	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1

Lưu ý: Số liệu 0,0 là do làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Bộ phận Thống kê - Tổ chức nông lương Liên hợp quốc

49. Sản lượng than khai thác

Đơn vị tính: Nghìn tấn

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
In-đô-nê-xi-a	152722	275164	353271	361028	345933	402552	406539
Lào	320	502	512	510			
Ma-lai-xi-a	789	2397	2397	2916	2951	2894	2687
Mi-an-ma	224	240	351	471	380	387	420
Phi-li-pin	2879	6650	6911	7340	7100	7601	7378
Việt Nam	34093	44835	46611	42083	41064	41086	41664

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Các chỉ tiêu chủ yếu khu vực châu Á - Thái Bình Dương 2017 - Ngân hàng Phát triển châu Á

50. Sản lượng dầu thô khai thác

Đơn vị tính: Nghìn tấn

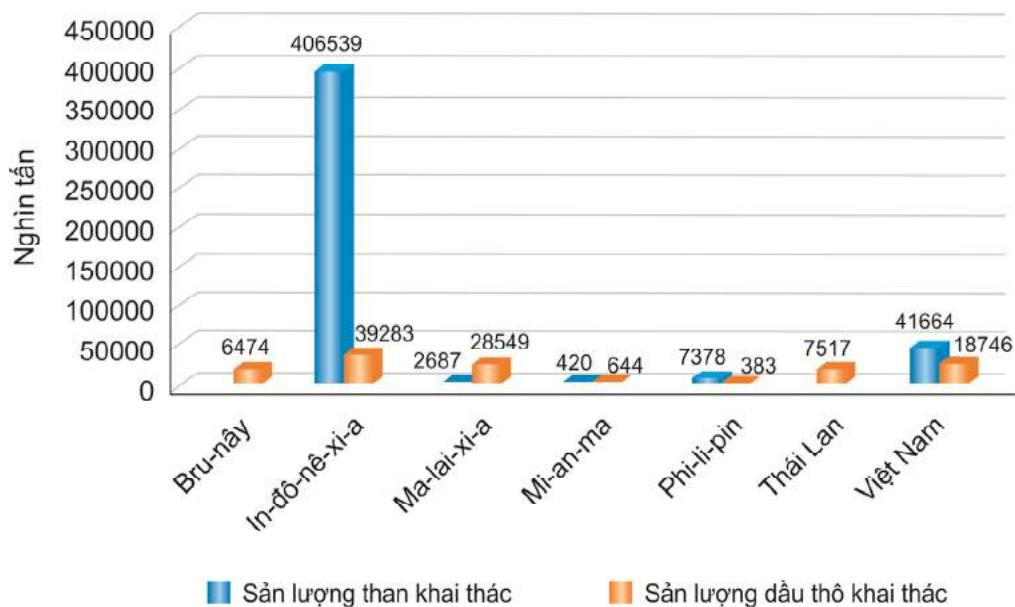
	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	9054	8114	7922	7615	6902	6457	6474
In-đô-nê-xi-a	52882	54684	52235	42972	37624	39556	39283
Ma-lai-xi-a	33787	30653	30653	27370	28133	27612	28549
Mi-an-ma	1098	1079	1053	848	838	789	644
Phi-li-pin	920	486	370	260	299	489	383
Thái Lan	5618	7555	6905	7348	7373	6833	7517
Việt Nam	18519	15014	15185	16739	16705	17392	18746

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Các chỉ tiêu chủ yếu khu vực châu Á - Thái Bình Dương 2017 - Ngân hàng Phát triển châu Á

Hình 9: Sản lượng than và dầu thô khai thác năm 2015



51. Sản lượng phôi thép sản xuất

Đơn vị tính: Nghìn tấn

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
In-đô-nê-xi-a	3675	3664	3621	2254	2644	4428	4854
Ma-lai-xi-a	5296	5694	5941	5612	4693	4316	3784
Mi-an-ma	25	25	25	25	30	35	35
Phi-li-pin	470	1050	1200	1260	1308	1196	968
Thái Lan	5161	4145	4238	3328	3579	4095	3718
Việt Nam	474	2906	2931	2965	3484	3954	4093
Xin-ga-po	572	728	752	688	434	540	501

Nguồn số liệu:

Tổng cục Thống kê

Niên giám Thống kê Thép - Hiệp hội Thép Thế giới

52. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa ngoại thương

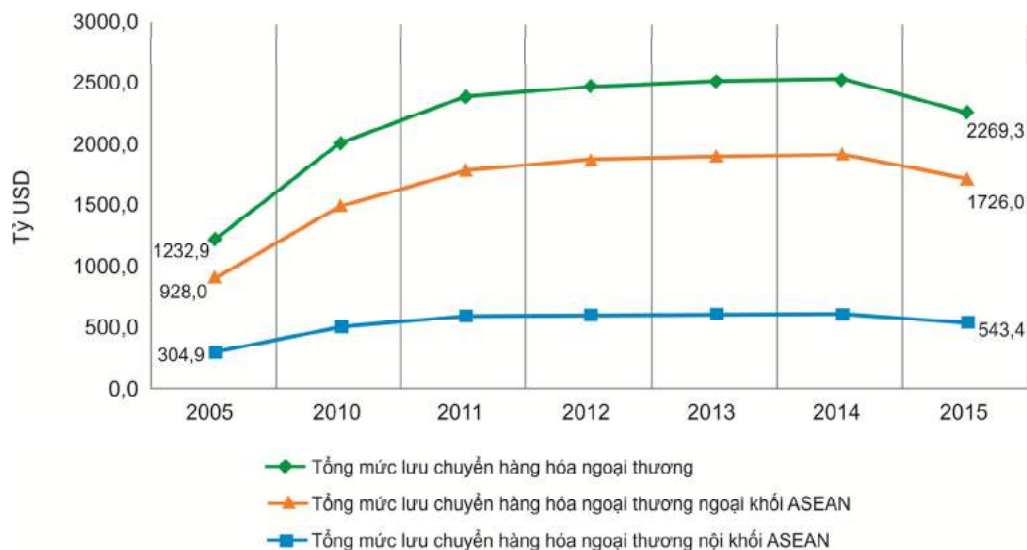
Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	1232927	2009196	2392517	2476944	2510807	2532906	2269346
Bru-nây	7872	10999	14822	16856	15057	14181	9592
Cam-pu-chia	5916	10480	12844	18664	18324	29655	19676
In-đô-nê-xi-a	143361	293442	380932	381721	369180	354471	293061
Lào	876	4509	3956	6159	5885	5389	6763
Ma-lai-xi-a	254684	363534	415559	423930	434229	442778	375169
Mi-an-ma	4757	11798	14925	18503	23445	27257	28092
Phi-li-pin	88673	109660	111752	117382	119109	129567	128944
Thái Lan	227613	385041	458904	477302	478247	455526	417147
Việt Nam	69208	157075	203656	228310	264066	298066	327793
Xin-ga-po	429967	662658	775167	788117	783265	776016	663109

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam
ASEAN qua các con số

Hình 10: Tổng mức luân chuyển hàng hóa ngoại thương của khối ASEAN



53. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa ngoại thương với một số đối tác chủ yếu

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Nội khối ASEAN	304893	511020	598377	602048	608558	608207	543351
Ô-xtrây-li-a	31239	55389	59685	69499	68057	70373	51742
Ca-na-đa	5974	9864	10774	12335	13466	13155	11714
Trung Quốc	113394	231856	280150	319485	350508	366526	345443
Liên minh Châu Âu (28)	140706	208588	234621	242599	246228	248308	227587
Ấn Độ	23001	55384	68191	71816	67862	67708	58498
Nhật Bản	153834	206534	273867	262884	240767	229042	237988
Hàn Quốc	47972	98560	124403	131030	134963	131439	122458
Niu Di-lân	4089	7331	8244	9225	9785	10708	8348
Pa-ki-xtan	2323	6254	6763	6306	6138	6698	6356
Liên bang Nga	4704	9056	13927	18158	19950	22543	13381
Hoa Kỳ	153918	186543	198767	200027	206855	212429	212335
Phần còn lại của thế giới	246880	422817	514748	531532	537670	545770	430145
Tổng số	1232927	2009196	2392517	2476944	2510807	2532906	2269346

Nguồn số liệu:
ASEAN qua các con số

54. Tỷ trọng tổng mức lưu chuyển hàng hóa ngoại thương với một số đối tác chủ yếu

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Nội khối ASEAN	24,7	25,4	25,0	24,3	24,2	24,0	23,9
Ô-xtrây-li-a	2,5	2,8	2,5	2,8	2,7	2,8	2,3
Ca-na-đa	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
Trung Quốc	9,2	11,5	11,7	12,9	14,0	14,5	15,2
Liên minh Châu Âu (28)	11,4	10,4	9,8	9,8	9,8	9,8	10,0
Ấn Độ	1,9	2,8	2,9	2,9	2,7	2,7	2,6
Nhật Bản	12,5	10,3	11,4	10,6	9,6	9,0	10,5
Hàn Quốc	3,9	4,9	5,2	5,3	5,4	5,2	5,4
Niu Di-lân	0,3	0,4	0,3	0,4	0,4	0,4	0,4
Pa-ki-xtan	0,2	0,3	0,3	0,3	0,2	0,3	0,3
Liên bang Nga	0,4	0,5	0,6	0,7	0,8	0,9	0,6
Hoa Kỳ	12,5	9,3	8,3	8,1	8,2	8,4	9,4
Phần còn lại của thế giới	20,0	21,0	21,5	21,5	21,4	21,5	19,0
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn số liệu:
ASEAN qua các con số

55. Trị giá xuất khẩu hàng hóa

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	652017	1051660	1243739	1254599	1270496	1294526	1181018
Bru-nây	6369	8615	12362	13182	11445	10584	6354
Cam-pu-chia	3091	5584	6711	7435	9148	10681	8839
In-đô-nê-xi-a	85660	157779	203497	190032	182552	176293	150366
Lào	174	2433	1746	2655	2593	2640	3714
Ma-lai-xi-a	140470	198801	228086	227538	228331	233927	199158
Mi-an-ma	3124	7600	8119	9315	11436	11031	11179
Phi-li-pin	41255	51432	48042	51995	53978	61810	58648
Thái Lan	109623	195312	228821	229524	228730	227574	214396
Việt Nam	32447	72237	96906	114529	132033	150217	162020
Xin-ga-po	229804	351867	409449	408394	410250	409769	366344

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

ASEAN qua các con số

56. Trị giá xuất khẩu hàng hóa tới một số đối tác chủ yếu năm 2015

Đơn vị tính: Tỷ USD

	Ô-xtrây-li-a	Ca-na-đa	Trung Quốc	EU-28	Ấn Độ	Nhật Bản	Hàn Quốc	Niu Di-lân	Pa-ki-xtan	LB Nga	Hoa Kỳ
ASEAN	32,96	6,93	133,93	127,53	39,04	113,64	45,78	4,94	5,36	3,99	129,16
Bru-nây	0,22	0,00	0,09	0,02	0,58	2,31	0,99	0,33	0,00	0,00	0,05
Cam-pu-chia	0,09	0,59	0,43	3,39	0,01	0,59	0,14	0,01	0,00	0,04	2,18
In-đô-nê-xi-a	3,70	0,72	15,05	14,84	11,73	18,02	7,66	0,44	1,99	0,99	16,24
Lào	0,01	0,00	0,75	0,10	0,02	0,07	0,04	0,00	0,00	0,00	0,02
Ma-lai-xi-a	7,21	0,79	25,98	20,20	8,12	18,68	6,32	1,02	1,06	0,59	18,85
Mi-an-ma	0,01	0,01	4,51	0,34	0,96	0,43	0,27	0,00	0,03	0,01	0,06
Phi-li-pin	0,45	0,56	6,39	7,17	0,37	12,38	2,51	0,05	0,06	0,05	8,80
Thái Lan	6,88	1,10	16,38	19,63	4,13	31,79	4,42	1,04	0,70	0,43	27,11
Việt Nam	2,83	2,41	16,65	30,97	2,47	14,14	8,94	0,33	0,42	1,44	33,49
Xin-ga-po	11,55	0,75	47,70	30,87	10,65	15,23	14,50	1,73	1,09	0,44	22,35

Lưu ý: Số liệu 0,00 là do làm tròn đến 2 chữ số sau dấu phẩy

Nguồn số liệu:

ASEAN qua các con số

57. Trị giá nhập khẩu hàng hóa

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	580910	957539	1148782	1222344	1240312	1238379	1088331
Bru-nây	1503	2384	2460	3674	3612	3597	3238
Cam-pu-chia	2825	4897	6134	11229	9176	18973	10838
In-đô-nê-xi-a	57701	135663	177436	191689	186629	178179	142695
Lào	702	2076	2209	3504	3292	2749	3049
Ma-lai-xi-a	114213	164733	187473	196393	205897	208850	176011
Mi-an-ma	1633	4199	6809	9188	12009	16226	16913
Phi-li-pin	47418	58229	63709	65386	65131	67757	70295
Thái Lan	117991	189728	230084	247778	249517	227952	202751
Việt Nam	36761	84839	106750	113780	132033	147849	165776
Xin-ga-po	200163	310791	365718	379723	373016	366247	296765

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam
ASEAN qua các con số

58. Trị giá nhập khẩu hàng hóa từ một số đối tác chủ yếu năm 2015

Đơn vị tính: Tỷ USD

	Ô-xtrây-li-a	Ca-na-đa	Trung Quốc	EU-28	Ấn Độ	Nhật Bản	Hàn Quốc	Niu Di-lân	Pa-ki-xtan	LB Nga	Hoa Kỳ
ASEAN	18,78	4,79	211,52	100,06	19,45	124,35	76,68	3,40	1,00	9,39	83,17
Bru-nây	0,05	0,01	0,38	0,35	0,04	0,25	0,30	0,01	0,00	0,00	0,34
Cam-pu-chia	0,03	0,03	4,04	0,40	0,11	0,43	0,46	0,00	0,04	0,00	0,24
In-đô-nê-xi-a	3,81	1,14	23,55	8,48	2,63	37,51	10,15	0,51	0,15	0,74	6,01
Lào	0,01	0,01	1,00	0,16	0,03	0,06	0,01	0,00	0,00	0,00	0,02
Ma-lai-xi-a	4,54	0,70	33,12	17,91	3,90	13,78	8,02	0,78	0,23	0,76	14,18
Mi-an-ma	0,06	0,01	6,43	0,36	0,47	1,53	0,41	0,02	0,01	0,03	0,10
Phi-li-pin	0,85	0,40	11,49	6,64	1,29	6,77	4,56	0,39	0,06	0,32	7,65
Thái Lan	4,22	0,93	39,84	17,79	2,56	31,08	6,99	0,60	0,12	1,62	13,64
Việt Nam	2,00	0,45	49,56	10,22	2,64	14,35	27,59	0,38	0,16	0,74	7,80
Xin-ga-po	3,22	1,11	42,10	37,76	5,78	18,59	18,19	0,72	0,23	5,17	33,20

Lưu ý: Số liệu 0,00 là do làm tròn đến 2 chữ số sau dấu phẩy

Nguồn số liệu:

ASEAN qua các con số

59. Cán cân thương mại của các quốc gia thành viên ASEAN

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	4866	6232	9902	9508	7834	6988	3116
Cam-pu-chia	267	687	577	-3794	-28	-8292	-1999
In-đô-nê-xi-a	27959	22116	26061	-1658	-4077	-1886	7672
Lào	-528	356	-463	-848	-699	-109	665
Ma-lai-xi-a	26257	34067	40613	31145	22434	25077	23147
Mi-an-ma	1491	3401	1313	127	-573	-5195	-5734
Phi-li-pin	-6163	-6797	-15667	-13391	-11152	-5947	-11647
Thái Lan	-8368	5584	-1263	-18254	-20787	-379	11645
Việt Nam	-4314	-12602	-9844	749	0	2363	-3554
Xin-ga-po	29641	41076	43731	28670	37234	43521	69579

Lưu ý: Số liệu bằng 0 là do làm tròn

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam
ASEAN qua các con số

60. Cán cân thương mại của khối ASEAN với một số đối tác chủ yếu

Đơn vị tính: Triệu USD

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Nhật Bản	-8322	-831	17.516	-9870	4959	11406	-10714
Hoa Kỳ	31966	14260	13795	16044	22164	32321	45990
Liên minh Châu Âu (28)	21355	21572	18848	7184	2640	-1841	27474
Trung Quốc	-8879	-6021	-24953	-35701	-45417	-65713	-77592
Hàn Quốc	753	-8666	-15706	-20970	-29317	-28191	-30893
Ô-xtrây-li-a	8053	15052	15240	21949	22995	20316	14175
Ấn Độ	7096	16598	16831	16295	16009	18944	19592
Ca-na-đa	308	536	-183	818	1028	1785	2139
Niu Di-lân	1177	1156	909	1899	1583	2055	1542
Liên bang Nga	-1766	-3879	-8610	-8407	-9463	-11713	-5403
Pa-ki-xtan	1962	3970	5232	4206	4410	4636	4359

Nguồn số liệu:

ASEAN qua các con số

61. Cán cân thương mại so với tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	12,4	9,8	8,4	2,7	2,5	4,5	8,5
Bru-nây	323,8	261,4	402,5	258,8	216,9	194,3	96,2
Cam-pu-chia	9,5	14,0	9,4	-33,8	-0,3	-43,7	-18,4
In-đô-nê-xi-a	48,5	16,3	14,7	-0,9	-2,2	-1,1	5,4
Lào	-75,2	17,1	-21,0	-24,2	-21,2	-4,0	21,8
Ma-lai-xi-a	23,0	20,7	21,7	15,9	10,9	12,0	13,2
Mi-an-ma	91,3	81,0	19,3	1,4	-4,8	-32,0	-33,9
Phi-li-pin	-13,0	-11,7	-24,6	-20,5	-17,1	-8,8	-16,6
Thái Lan	-7,1	2,9	-0,5	-7,4	-8,3	-0,2	5,7
Việt Nam	-11,7	-14,9	-9,2	0,7	0,0	1,6	-2,1
Xin-ga-po	14,8	13,2	12,0	7,6	10,0	11,9	23,4

Lưu ý: Số liệu 0,0 là do làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

ASEAN qua các con số

62. Số khách quốc tế đến các nước thành viên ASEAN

Đơn vị tính: Nghìn lượt người

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	51297	73752	81228	89225	102198	105169	108903
Bru-nây	127	214	242	209	3279	3886	218
Cam-pu-chia	1422	2508	2882	3584	4210	4503	4775
In-đô-nê-xi-a	5002	7003	7650	8044	8802	9435	10407
Lào	1095	2513	2724	3330	3779	4159	4684
Ma-lai-xi-a	16431	24577	24714	25033	25716	27437	25721
Mi-an-ma	660	792	816	1059	2044	3081	4681
Phi-li-pin	2623	3520	3917	4273	4681	4833	5361
Thái Lan	11517	15936	19098	22354	26547	24780	29881
Việt Nam	3478	5050	6014	6848	7572	7960	7944
Xin-ga-po	8942	11639	13171	14491	15568	15095	15231

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Niên giám Thống kê ASEAN

63. Tốc độ tăng số khách quốc tế đến các nước thành viên ASEAN

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
ASEAN	4,5	12,3	23,8	9,8	14,5	2,8	3,6
Bru-nây	7,0	36,1	7,2	-13,6		18,5	
Cam-pu-chia	34,7	16,0	35,6	24,4	17,5	7,0	6,1
In-đô-nê-xi-a	-6,0	10,7	19,0	5,2	9,4	7,2	10,3
Lào	22,4	25,1	35,9	22,3	13,5	10,0	12,6
Ma-lai-xi-a	4,6	3,9	12,1	1,3	2,7	6,7	-6,3
Mi-an-ma	0,5	3,8	23,5	29,7	93,0	50,7	51,9
Phi-li-pin	14,5	16,7	24,8	9,1	9,6	3,2	10,9
Thái Lan	-1,9	12,6	30,8	17,0	18,8	-6,7	20,6
Việt Nam	18,8	34,8	19,1	13,9	10,6	5,1	-0,2
Xin-ga-po	6,8	20,2	30,2	10,0	7,4	-3,0	0,9

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Niên giám Thống kê ASEAN

64. Số khách quốc tế đến ASEAN theo một số quốc tịch

Đơn vị tính: Nghìn người

	2005 ^a	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Nội khối ASEAN	25397	34820	37733	39845	46154	49223	45992
Liên minh Châu Âu	6428	6971 ^b	7355	8079	8695	9215	9570
Trung Quốc	3335	5416	7316	9283	12651	13059	18596
Ô-xtrây-li-a	2063	3465	3926	4060	4303	4384	4191
Nhật Bản	3368	3351	3664	4275	4724	4634	4703
Hàn Quốc	3353	3286	3862	4011	4873	5018	5839
Hoa Kỳ	2490	2680	2838	2984	3178	3254	3382
Ấn Độ	1470	2478	2711	2840	2946	3071	3308
Phần còn lại của Thế giới	9012	9535	11853	14886	14674	13225	13323
Tổng số	56914	72002	81229	89225	102199	105084	108904

^a Số liệu năm 2006

^b EU-27

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Niên giám Thống kê ASEAN

65. Số lượt hành khách vận chuyển bằng đường sắt

Đơn vị tính: Triệu lượt người

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
In-đô-nê-xi-a	151,5	201,9	191,7	202,9	220,4	277,7	328,0
Lào		0,1	0,1	0,3	0,3	0,4	0,4
Ma-lai-xi-a	3,7	4,2	3,7	3,1	2,7	2,2	2,0
Mi-an-ma	65,4	68,8	66,9	54,8	53,7	49,5	42,7
Phi-li-pin	278,0	381,9	395,5	431,2	439,2	436,1	360,2
Thái Lan	49,0	44,5	44,1	41,8	37,3	36,4	35,1
Việt Nam	12,8	11,2	11,9	12,2	12,1	12,0	11,2
Xin-ga-po	507,4	792,1	879,7	969,9	1005,6	1131,5	

Lưu ý: Số liệu 0,0 là do làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Niên giám Thống kê ASEAN

66. Khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường sắt

Đơn vị tính: Nghìn tấn.km

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia		0,0	8,2	0,0	0,0	0,0	0,0
In-đô-nê-xi-a	4,2	7,0	6,5	7,3	8,2	9,5	6,8
Ma-lai-xi-a	1177,6	1483,0	1535,0	1564,0	1760,0	1741,0	1474,0
Mi-an-ma	922,0	1085,2	1159,6	1041,0	841,3	812,4	770,3
Thái Lan	3002,0	2582,0	2455,0	2342,0	2527,0	2231,0	2395,0
Việt Nam	2949,3	3960,9	4162,0	4023,4	3804,1	4311,5	4035,5

Lưu ý: Số liệu 0,0 là do làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Niên giám Thống kê ASEAN

67. Số lượt hành khách vận chuyển bằng đường thủy

Đơn vị tính: Nghìn lượt người

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây		1057,9	998,8	230,0	222,0	203,0	
Cam-pu-chia	4,0	97,4	61,0	97,7			
In-đô-nê-xi-a	28401,0	36586,5	39701,6	50347,3	45311,1	44375,3	44117,4
Ma-lai-xi-a	2459,0	4348,0	3050,0	2137,0	2547,0	2641,0	
Mi-an-ma	4,0	2,0	8,0	7,0	8,0	19,0	
Phi-li-pin	17,7	37,0	58,0	54,0	42,0	43,0	
Thái Lan	324,0	486,0	552,0	612,0	705,0	659,1	
Việt Nam	156900,0	157500,0	142400,0	145000,0	150400,0	156900,0	163500,0
Xin-ga-po	1364,0	1266,3	1328,1	1463,9	1517,6	1543,3	1602,5

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Hệ thống Giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN

68. Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy

Đơn vị tính: Nghìn tấn

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	1769,0	1050,0	1044,0	1212,0	1041,0	845,0	
Cam-pu-chia	1659,0	2735,0	3023,0	790,0			
In-đô-nê-xi-a	523993,0	703024,0	978720,0	1198223,0	1240155,0	1228070,0	1029504,0
Ma-lai-xi-a	127499,0	138957,0	168999,0	187997,0	187237,0	189868,0	200896,0
Mi-an-ma	9799,0	19066,0	19798,0	21541,0	24584,0	24921,0	27276,0
Phi-li-pin	75832,0	96599,0	103657,0	118325,0	124098,0	133292,0	
Thái Lan	119569,0	130316,0	157174,0	178362,0	170435,0		
Việt Nam	153197,4	205820,2	224069,0	236079,6	239914,3	249500,0	262330,7
Xin-ga-po	423267,6	503342,1	531175,6	538012,1	560887,9	581268,0	575845,8

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Hệ thống Giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN

69. Số lượt hành khách vận chuyển bằng đường hàng không

Đơn vị tính: Nghìn lượt người

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	1261,0	1929,0	2017,0	1681,0	1715,0	1647,0	
Cam-pu-chia	1769,0	3052,0	3481,0	3997,0	4606,0	5169,0	5606,0
In-đô-nê-xi-a		36745,8	42007,7	46964,3	50386,2	50199,5	49046,3
Lào	255,0	472,0	372,1	642,0	728,7	921,2	1073,0
Ma-lai-xi-a	16583,0	27574,0	30462,0	32397,0	38032,0	40762,0	
Mi-an-ma	733,2	1212,3	1455,6	2034,7	2651,8	3187,2	3428,1
Phi-li-pin	9756,9	12380,6	12969,5	16421,1	15957,8	19914,0	
Thái Lan	28077,0	35132,0	39979,0	46324,0	54005,0	51150,5	
Việt Nam	6500,0	14200,0	15100,0	15000,0	16900,0	24400,0	31100,0
Xin-ga-po	32431,0	42039,0	46544,0	51182,0	53726,0	54093,0	55449,0

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Hệ thống Giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN

70. Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không

Đơn vị tính: Nghìn tấn

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	14,0	16,0	17,0	15,0	10,0	12,0	
Cam-pu-chia	6,0	9,0	10,0	12,0	16,8	15,7	17,9
In-đô-nê-xi-a		410,5	435,5	471,5	473,2	488,4	490,7
Lào	0,5	0,4	0,9	1,0	0,1	0,6	0,2
Ma-lai-xi-a	424,0	393,0	375,0	361,0	356,0	388,0	
Mi-an-ma	4,7	9,3	9,6	7,2	8,3	9,5	8,4
Phi-li-pin	186,0	130,0	164,0	157,0	159,0	131,0	144,0
Thái Lan	647,0	752,0	714,0	720,0	664,0	704,2	
Việt Nam	111,0	190,1	200,3	191,0	183,7	202,0	229,6
Xin-ga-po	1833,7	1813,8	1865,3	1829,1	1837,7	1843,8	1853,1

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Hệ thống Giám sát tiến bộ cộng đồng ASEAN

71. Tỷ lệ người dân sử dụng Internet

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	36,5	53,0	56,0	60,3	64,5	68,8	71,2
Cam-pu-chia	0,3	1,3	3,1	4,9	6,8	14,0	19,0
In-đô-nê-xi-a	3,6	10,9	12,3	14,5	14,9	17,1	22,0
Lào	0,9	7,0	9,0	10,7	12,5	14,3	18,2
Ma-lai-xi-a	48,6	56,3	61,0	65,8	57,1	63,7	71,1
Mi-an-ma	0,1	0,3	1,0	1,4	1,8	11,5	21,8
Phi-li-pin	5,4	25,0	29,0	36,2	37,0	39,7	40,7
Thái Lan	15,0	22,4	23,7	26,5	28,9	34,9	39,3
Việt Nam	12,7	30,7	35,1	39,5	43,9	48,3	52,7
Xin-ga-po	61,0	71,0	71,0	72,0	80,9	79,0	82,1

Nguồn số liệu:

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

72. Số thuê bao điện thoại cố định trên 100 dân

Đơn vị tính: Thuê bao

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	22,8	19,9	19,6	17,2	13,6	11,4	9,0
Cam-pu-chia	0,2	2,5	3,6	3,9	2,8	2,3	1,6
In-đô-nê-xi-a	6,0	17,0	15,8	15,4	12,3	10,4	8,8
Lào	1,6	1,6	1,7	6,8	10,4	13,4	13,7
Ma-lai-xi-a	16,9	16,3	15,7	15,7	15,3	14,6	14,6
Mi-an-ma	1,0	0,9	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
Phi-li-pin	3,9	3,6	3,7	3,6	3,2	3,1	3,2
Thái Lan	10,7	10,3	10,0	9,5	9,0	8,5	7,9
Việt Nam	8,6	14,7	12,3	10,8	7,5	7,1	6,4
Xin-ga-po	41,0	39,3	38,9	37,5	36,3	36,2	35,9

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

73. Số thuê bao điện thoại di động trên 100 dân

Đơn vị tính: Thuê bao

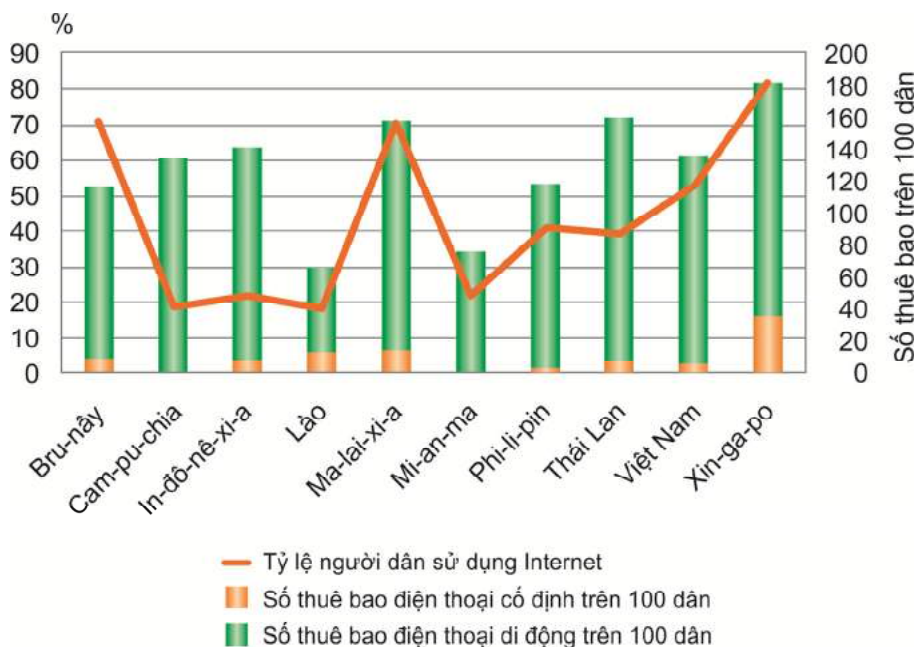
	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	63,3	108,6	109,0	113,9	112,2	106,8	108,1
Cam-pu-chia	8,0	56,7	94,2	128,5	133,9	132,7	133,0
In-đô-nê-xi-a	20,9	87,8	102,5	114,2	125,4	128,8	132,3
Lào	11,4	62,6	84,0	64,7	68,1	67,0	53,1
Ma-lai-xi-a	75,6	119,7	127,5	141,3	144,7	148,8	143,9
Mi-an-ma	0,3	1,1	2,4	7,1	12,8	54,0	75,7
Phi-li-pin	40,5	89,0	99,1	105,5	104,5	111,2	115,8
Thái Lan	46,5	108,0	116,3	127,3	140,1	144,4	152,7
Việt Nam	10,6	128,3	144,9	148,3	137,9	150,1	131,2
Xin-ga-po	97,5	145,4	150,1	152,1	155,9	146,9	146,5

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

Hình 11: Tỷ lệ người sử dụng Internet và Số thuê bao điện thoại trên 100 dân năm 2015



74. Tỷ lệ người lớn biết chữ

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015 ^a
Bru-nây		96,0	96,4	96,8	97,2	97,6	96,7
Cam-pu-chia		76,7	79,9	79,7	80,7	78,1	78,3
In-đô-nê-xi-a	90,9	92,9	93,0	90,1	93,9	95,9	95,4
Lào	72,7	75,3			79,0		79,9
Ma-lai-xi-a	91,6	93,1	93,9	94,1	94,2		94,6
Mi-an-ma	94,1	95,0	95,0	95,6	95,1		93,1
Phi-li-pin					90,2		96,6
Thái Lan	93,5	96,1					94,0
Việt Nam ^b		93,7	94,2	94,7	94,8	94,7	94,9
Xin-ga-po	94,1	95,9	96,2	96,4	96,5	96,7	96,8

^a Năm 2015 sử dụng số liệu từ Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

^b Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ (%)

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Niên giám Thống kê ASEAN

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

75. Tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp tiểu học

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	97,4	97,4					98,0
Cam-pu-chia	91,9	94,8	95,2	97,0	95,6		94,0
In-đô-nê-xi-a	93,3	94,8	91,0	92,5	95,6	99,0	97,0
Lào	84,0	92,7	94,1	95,2			98,0
Ma-lai-xi-a	95,5	96,2	95,9	96,4	97,3		98,0
Mi-an-ma	82,3	84,1	84,6	84,6	86,4		99,0
Phi-li-pin	84,4	89,4	89,9				91,0
Thái Lan	87,0	86,0		97,6	98,8		96,0
Việt Nam	95,0	94,9	95,3	96,5	96,6	97,9	99,0
Xin-ga-po	97,3	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

76. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng Sởi

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	97,4	94,4	91,0	98,6	96,0	97,0	96,0
Cam-pu-chia	76,9	81,9	93,0	93,0	93,0	94,0	70,0
In-đô-nê-xi-a	72,5	77,7	76,9	78,0	77,9	78,7	82,0
Lào	69,0	78,0	69,0	72,0	82,0	87,0	76,0
Ma-lai-xi-a		96,1	95,2	95,5	95,3	94,0	93,0
Mi-an-ma	72,0	88,0	84,9	84,0	86,0	88,0	84,0
Phi-li-pin	80,0	88,0	79,0	85,0	90,0	88,0	77,0
Thái Lan	96,0	98,0	98,0	98,0	98,0	99,0	100,0
Việt Nam	95,0	97,8	96,5	96,4	97,7	86,2	97,0
Xin-ga-po ^a	96,0	95,0	95,0	95,0	94,0		95,0

^a Xin-ga-po: Tỷ lệ trẻ em dưới 2 tuổi được tiêm phòng

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê ASEAN

Báo cáo Thống kê ASEAN về các mục tiêu thiên niên kỷ

77. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	99,7	95,4	97,0	95,4	99,6	99,0	
Cam-pu-chia	82,0	92,0	94,0	95,0	92,0	97,0	98,0
In-đô-nê-xi-a	90,0	83,0	83,0	73,0	86,0	95,0	84,0
Lào	49,0	74,0	78,0	79,0	87,0	88,0	89,0
Ma-lai-xi-a	54,4	89,2	94,0	108,2	101,2	92,6	106,0
Mi-an-ma	73,0	90,0	86,0	84,0	75,0	88,0	89,0
Phi-li-pin	89,0	79,0	87,0	88,0	89,0	96,0	60,0
Thái Lan	98,0	99,0	99,0	99,0	99,0	99,0	99,0
Việt Nam	95,0	93,0	95,0	97,0	59,0	95,0	97,0
Xin-ga-po ^a	96,1	96,1	96,0	96,7	96,8	96,3	97,8

^a Xin-ga-po: Tỷ lệ trẻ em dưới 2 tuổi được tiêm phòng

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê ASEAN

Hệ thống Giám sát tiến độ Cộng đồng ASEAN

78. Tỷ lệ nhiễm HIV của người từ 15-49 tuổi

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Cam-pu-chia	1,1	0,8	0,8	0,7	0,7	0,7	0,6
In-đô-nê-xi-a	0,2	0,4	0,4	0,4	0,4	0,5	0,5
Ma-lai-xi-a	0,6	0,5	0,5	0,5	0,5	0,4	0,4
Mi-an-ma	0,9	0,9	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8
Phi-li-pin	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
Thái Lan	1,4	1,3	1,3	1,2	1,2	1,2	1,1
Việt Nam	0,4	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
Xin-ga-po	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2

Lưu ý: Số liệu 0,0 là do làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy

Nguồn số liệu:

Hệ thống Giám sát tiến độ Cộng đồng ASEAN 2017

79. Tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia		48,2	50,5	50,7	54,2	54,5	59,2
In-đô-nê-xi-a			63,5	64,9	67,9	68,4	71,0
Lào	56,8	67,5	69,5	71,5	73,5	75,5	75,7
Ma-lai-xi-a				93,7		94,6	
Mi-an-ma	75,0	83,0				82,0	
Phi-li-pin	88,6	90,1	90,5	90,8	91,1	91,5	91,8
Thái Lan		90,4	92,3	92,6	93,2	94,7	
Việt Nam	85,0	90,5	92,6	91,0	95,1	93,0	93,4
Xin-ga-po	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn số liệu:

Tổng cục Thống kê

Hệ thống Giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN

80. Tỷ lệ dân số sống dưới chuẩn nghèo quốc gia

Đơn vị tính: %

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia		21,1	19,8	18,9	16,0	13,5	
In-đô-nê-xi-a	12,4	13,3	12,5	12,0	11,4	11,3	11,2
Lào				23,2			
Ma-lai-xi-a				1,7		0,6	
Mi-an-ma	32,0	25,6					
Phi-li-pin				25,2			21,6
Thái Lan		16,4	13,2	12,6	10,9	10,5	
Việt Nam		20,7		17,2		13,5	9,8 ^a

^a Số liệu năm 2016 (Tỷ lệ nghèo tính theo chi tiêu)

Nguồn số liệu:

Tổng cục Thống kê

Hệ thống Giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN

81. Hệ số GINI

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia	0,380	0,340	0,310	0,290	0,270	0,300	
In-đô-nê-xi-a	0,355	0,378	0,410	0,410	0,413	0,406	0,408
Lào				0,380			
Ma-lai-xi-a				0,430		0,400	
Lào				0,380			
Ma-lai-xi-a				0,430		0,400	
Phi-li-pin				0,460			0,440
Thái Lan			0,480		0,470		0,450
Việt Nam	0,424	0,433		0,424		0,430	0,436 ^a
Xin-ga-po	0,465	0,472	0,473	0,478	0,463	0,464	0,463

^a Số liệu năm 2016

Nguồn số liệu:

Tổng cục Thống kê

Hệ thống Giám sát tiến bộ cộng đồng ASEAN

82. Xếp hạng Chỉ số phát triển con người

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây	30	37	33	30	30	31	30
Cam-pu-chia	131	124	139	138	136	143	143
In-đô-nê-xi-a	107	108	124	121	108	110	113
Lào	130	122	138	138	139	141	138
Ma-lai-xi-a	63	57	61	64	62	62	59
Mi-an-ma	132	132	149	149	150	148	145
Phi-li-pin	90	97	112	114	117	115	116
Thái Lan	78	92	103	103	89	93	87
Việt Nam	105	128	128	127	121	116	115
Xin-ga-po	25	27	26	18	9	11	5

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Báo cáo phát triển con người - Chương trình Phát triển Liên hợp quốc

83. Xếp hạng Chỉ số bất bình đẳng giới^a

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cam-pu-chia	83	95	99	96	105	104	112
In-đô-nê-xi-a		100	100	106	103	110	105
Lào		88	107	100	118		106
Ma-lai-xi-a	65	50	43	42	39	42	59
Mi-an-ma			96	80	83	85	80
Phi-li-pin	45	78	75	77	78	89	96
Thái Lan	73	69	69	66	70	76	79
Việt Nam	52	58	48	48	58	60	71
Xin-ga-po	16	10	8	13	15	13	11

^a Số liệu của năm 2005 là Chỉ số vai trò phụ nữ (GEM) của năm 2007/2008. Năm 2010 sử dụng số liệu Chỉ số bất bình đẳng giới (GII) năm 2008.

Nguồn số liệu:

Niên giám Thống kê Việt Nam

Báo cáo phát triển con người - Chương trình Phát triển Liên hợp quốc

84. Xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu

	2006- 2007	2010- 2011	2011- 2012	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016
Bru-nây		28	28	28	26		
Cam-pu-chia	105	109	97	85	88	95	90
In-đô-nê-xi-a	54	44	46	50	38	34	37
Lào					81	93	83
Ma-lai-xi-a	19	26	21	25	24	20	18
Mi-an-ma					139	134	131
Phi-li-pin	75	85	75	65	59	52	47
Thái Lan	28	38	39	38	37	31	32
Việt Nam	64	59	65	75	70	68	56
Xin-ga-po	8	3	2	2	2	2	2

Nguồn số liệu:

Báo cáo cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới

85. Xếp hạng môi trường kinh doanh

	2005 ^a	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Bru-nây		96	112	83	79	59	101
Cam-pu-chia	133	145	147	138	133	137	135
In-đô-nê-xi-a	115	122	121	129	128	120	114
Lào	147	167	171	165	163	159	148
Ma-lai-xi-a	21	23	21	18	12	6	18
Mi-an-ma						182	177
Phi-li-pin	113	144	148	136	138	108	95
Thái Lan	20	12	19	17	18	18	26
Việt Nam	99	93	78	98	99	99	78
Xin-ga-po	2	1	1	1	1	1	1

^a Số liệu năm 2006

Nguồn số liệu:

Báo cáo thường niên về chỉ số thuận lợi kinh doanh - Ngân hàng Thế giới



PHỤ LỤC

Phụ lục 1

CÁC NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ CỦA ASEAN

(Được Ủy ban ACSS thông qua tại kỳ họp lần thứ 2 diễn ra tại Siem Riệp, Cam-pu-chia ngày 27 tháng 9 năm 2012)

BỐI CẢNH

Khung hợp tác thống kê ASEAN giai đoạn 2010 - 2015 được thông qua vào tháng 10 năm 2010 đòi hỏi phải xây dựng một nguyên tắc hoạt động chung của ASEAN nhằm đảm bảo sự tin tưởng, khả năng giải trình và đưa ra các chuẩn mực chuyên môn cao nhất cho công tác sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN.

Các nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN (CoP) đưa ra những hướng dẫn và tiêu chuẩn, bao gồm những tiêu chuẩn căn bản giúp đảm bảo độ tin cậy của các sản phẩm, dịch vụ thống kê của Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN và Ban Thư ký ASEAN. Đồng thời, CoP giúp tối ưu hóa dịch vụ cung cấp cho người dùng tin nhằm nâng cao tính minh bạch của số liệu, khả năng tiếp cận thông tin và trên hết là sự hài lòng của người dùng tin. Cụ thể:

- Cung cấp bộ hướng dẫn về cách thức thực hiện;
- Hỗ trợ nâng cao hiểu biết về cách thức đào tạo, giám sát và cung cấp hỗ trợ khi được yêu cầu;
- Cải thiện niềm tin của người dùng tin thông qua cung cấp thông tin về cách thức sản xuất thông tin;
- Giúp người dùng tin hiểu về phạm vi thống kê và các hạn chế của số liệu.

CoP được xây dựng trên cơ sở các Nguyên tắc hoạt động thống kê của thống kê nhà nước do Liên hợp quốc xây dựng năm 1994, phản ánh các giá trị được thể hiện trong Chiến lược phát triển thống kê ASEAN được thông qua vào tháng 7 năm 2011, thể hiện trên ba nhóm chính, gồm: Môi trường thể chế, Quy trình thống kê và Các sản phẩm/đầu ra thống kê.

CÁC NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ CỦA ASEAN

Mỗi nguyên tắc đều có một bộ chỉ tiêu thực hiện nhằm hỗ trợ đánh giá quá trình thực hiện các nguyên tắc. CoP bao gồm 8 nguyên tắc thuộc ba nhóm chính như sau:

(A) Môi trường thể chế

1. Trách nhiệm thu thập số liệu
2. Tính chuyên nghiệp và trung thực
3. Tính bảo mật
4. Khả năng giải trình
5. Hợp tác và điều phối thống kê

(B) Quy trình thống kê

6. Đảm bảo tính hiệu quả về chi phí
7. Giảm gánh nặng cho người cung cấp thông tin

(C) Các sản phẩm/đầu ra thống kê

8. Cam kết đảm bảo chất lượng (Tính phù hợp, Độ tin cậy, Tính kịp thời, Khả năng so sánh và dễ tiếp cận của số liệu thống kê)

Các nguyên tắc của CoP sẽ được cập nhật nhằm đảm bảo phù hợp với môi trường hoạt động thống kê không ngừng thay đổi.

A. Môi trường thể chế: gồm 5 nguyên tắc chính sau:

Nguyên tắc 1. Trách nhiệm thu thập số liệu

Trách nhiệm của Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN (AMS) được quy định rõ ràng để thu thập thông tin và chia sẻ cho Bộ phận Thống kê ASEAN (ASEANstats) nhằm phục vụ công tác biên soạn số liệu thống kê chung của ASEAN.

Các chỉ tiêu

1.1. Nhiệm vụ thu thập thông tin để sản xuất và phổ biến số liệu thống kê quốc gia của Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN được quy định trong luật và/hoặc các văn bản pháp lý;

1.2. Số liệu thống kê quốc gia do các Bộ, ngành tại các quốc gia thành viên ASEAN sản xuất được cung cấp cho ASEANstats thông qua sự điều phối của Cơ quan thống kê quốc gia để phục vụ công tác biên soạn số liệu thống kê chung của ASEAN;

1.3. ASEANstats sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê chung của ASEAN theo yêu cầu của Cộng đồng ASEAN dưới sự hướng dẫn của Ủy ban ACSS.

Nguyên tắc 2. Tính chuyên nghiệp và trung thực

Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats quyết định các bước khác nhau của hoạt động thống kê từ thu thập đến phổ biến số liệu dựa trên sự xem xét chặt chẽ về mặt chuyên môn, phương pháp và quy trình thống kê.

Các chỉ tiêu

2.1. Các quyết định được đưa ra dựa trên cân nhắc mang tính nghiệp vụ về trách nhiệm, thẩm quyền và kiến thức chuyên môn;

2.2. Cơ quan thống kê quốc gia áp dụng những tiêu chuẩn, hướng dẫn và thông lệ quốc tế phù hợp với phương pháp luận tổng thể của khu vực;

2.3. Cơ quan thống kê quốc gia đảm bảo đội ngũ công chức được tham gia các khóa đào tạo và hội thảo để nâng cao kỹ năng và kiến thức thống kê;

2.4. Với sự hỗ trợ của ASEANstats, các Nhóm công tác và Nhóm chuyên trách có trách nhiệm xây dựng các chính sách, khuôn khổ và hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến sản xuất số liệu thống kê nhằm đảm bảo tính kịp thời, khả năng so sánh của số liệu.

Nguyên tắc 3. Tính bảo mật

Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats có trách nhiệm bảo mật thông tin của các hộ gia đình, doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp và những đối tượng cung cấp thông tin khác.

Các chỉ tiêu

3.1. Luật và/hoặc các văn bản pháp lý quy định cụ thể trách nhiệm của Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN trong việc bảo mật thông tin được cung cấp;

3.2. Có các chính sách, hướng dẫn, điều khoản và điều kiện nhằm đảm bảo tính bảo mật thông tin thống kê trong quá trình sản xuất, phổ biến thông tin thống kê ở cả cấp quốc gia và cấp khu vực ASEAN;

3.3. Có sẵn cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng để bảo đảm an ninh và tính đồng bộ của cơ sở dữ liệu và lưu trữ thông tin thống kê.

Nguyên tắc 4. Khả năng giải trình

Số liệu thống kê ASEAN được trình bày với hình thức rõ ràng, dễ hiểu, đồng thời cung cấp các thông tin về nguồn số liệu và phương pháp tính,

được phổ biến theo cách thức thích hợp, thuận tiện cho người sử dụng và nêu rõ những hạn chế của số liệu.

Các chỉ tiêu

4.1. Số liệu thống kê ASEAN được trình bày dễ hiểu để người dùng tin có thể hiểu đúng số liệu và so sánh được số liệu;

4.2. Cung cấp đầy đủ nguồn số liệu, phương pháp tính và thông tin về những hạn chế của số liệu;

4.3. Khi phát hiện các số liệu thống kê đã công bố có sai sót, cần kịp thời chỉnh sửa và thông báo để người dùng tin biết;

4.4. Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN có trách nhiệm phản hồi đối với việc hiểu sai và sử dụng sai mục đích số liệu thống kê;

4.5. Các Nhóm công tác và Nhóm chuyên trách xác định rõ những số liệu mà các quốc gia thành viên ASEAN cần cung cấp cho ASEANstats và được ghi rõ trong biên bản của các cuộc họp.

Nguyên tắc 5. Hợp tác và điều phối thống kê

Hợp tác và điều phối thống kê góp phần hoàn thiện Hệ thống thống kê các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats.

Các chỉ tiêu

5.1. Có cơ chế điều phối quốc gia nhằm điều phối quá trình sản xuất, phổ biến số liệu thống kê và đảm bảo chất lượng thông tin thống kê;

5.2. Có các cơ chế điều phối quốc gia để giúp đầu mối thống kê quốc gia trong việc xây dựng, hài hòa và cung cấp số liệu thống kê theo yêu cầu của ASEAN nhằm phục vụ công tác biên soạn số liệu thống kê ASEAN;

5.3. Thiết lập mối quan hệ hợp tác, phối hợp chặt chẽ trong nội bộ các cơ quan sản xuất số liệu thống kê quốc gia và giữa Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN với ASEANstats nhằm sản xuất số liệu thống kê ASEAN đảm bảo tính so sánh;

5.4. Thiết lập các cơ chế để các cơ quan khác nhau của ASEAN và các đối tác tư vấn cho ACSS trong xác định các ưu tiên thống kê;

5.5. Có cơ chế phù hợp để phục vụ việc trao đổi số liệu giữa các quốc gia thành viên ASEAN với ASEANstats, tạo điều kiện cho việc sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN nhằm đáp ứng nhu cầu dùng tin ngày càng tăng cao;

5.6. Tăng cường hợp tác với cộng đồng thống kê quốc tế nhằm cải thiện phương pháp luận, tính hiệu quả của các phương pháp thống kê và các công cụ phục vụ cho hoạt động thống kê;

5.7. Điều phối hỗ trợ của các nhà tài trợ cho các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats nhằm tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực.

B. Các quy trình thống kê: gồm 2 nguyên tắc chính sau:

Nguyên tắc 6. Bảo đảm tính hiệu quả về chi phí

Có đủ nguồn lực và sử dụng hiệu quả các nguồn lực này.

Các chỉ tiêu

6.1. Xây dựng các quy trình để tối ưu hóa nguồn lực được sử dụng cho việc sản xuất và phổ biến số liệu thống kê ASEAN;

6.2. Xây dựng các quy trình để đánh giá, xác định nhu cầu mới về số liệu thống kê của ASEAN có tính đến yếu tố chi phí; Tiến hành đánh giá nếu phải ngừng sản xuất số liệu thống kê do thiếu nguồn lực;

6.3. Tối ưu hóa tiềm năng của công nghệ thông tin và truyền thông để phục vụ công tác thu thập, sản xuất và phổ biến số liệu;

6.4. Có đủ nhân lực, vật lực và công nghệ cả về quy mô và chất lượng để đáp ứng nhu cầu về số liệu thống kê ASEAN.

Nguyên tắc 7. Giảm gánh nặng cho người cung cấp thông tin

Gánh nặng trả lời nên tương ứng với nhu cầu của người dùng tin và không nên yêu cầu vượt quá khả năng của họ.

Các chỉ tiêu

7.1. Cần xác định giới hạn nhu cầu về số liệu thống kê ASEAN để giảm tải gánh nặng cho người trả lời;

7.2. Tăng cường sử dụng dữ liệu hành chính để tránh những yêu cầu trùng lặp về thông tin;

7.3. Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN cần tăng cường chia sẻ thông tin thống kê để tránh thực hiện quá nhiều cuộc điều tra;

7.4. Đánh giá lại nguồn số liệu hiện có khi cần sản xuất thêm số liệu thống kê hoặc nên áp dụng các kỹ thuật thống kê để ước lượng những thông tin cần thu thập trước khi tiến hành các cuộc điều tra mới.

C. Các sản phẩm/đầu ra thống kê: gồm nguyên tắc chính sau:

Nguyên tắc 8. Cam kết đảm bảo chất lượng

Cơ quan thống kê quốc gia các nước thành viên ASEAN và ASEANstats cần cam kết đảm bảo chất lượng của thông tin thống kê; thường xuyên rà soát, cải tiến chất lượng của các sản phẩm và quy trình thống kê. Các tiêu chí về chất lượng của số liệu thống kê ASEAN gồm: Tính phù hợp, Độ tin cậy, Tính kịp thời, Khả năng so sánh và Dễ tiếp cận của số liệu thống kê.

Các chỉ tiêu

8.1. Tính phù hợp: ACSS sản xuất thông tin thống kê đáp ứng được các yêu cầu thống kê của Cộng đồng ASEAN trên cơ sở tham vấn với các đối tượng sản xuất và sử dụng thông tin;

8.2. Độ tin cậy: Hình thành các cơ chế giám sát để thường xuyên rà soát và cải thiện chất lượng của quy trình và sản phẩm thống kê;

8.3. Tính kịp thời: Xây dựng lịch phổ biến thông tin thống kê ASEAN ở cả cấp quốc gia và khu vực ASEAN, chu kỳ công bố số liệu thống kê cần tính đến nhu cầu của người dùng tin;

8.4. Khả năng so sánh: Số liệu thống kê ASEAN phải đảm bảo so sánh được và đảm bảo sự tương thích trong phân tổ chi tiết giữa hệ thống phân ngành quốc gia và hệ thống phân ngành tương ứng của ASEAN;

8.5. Dễ tiếp cận: Thông tin thống kê ASEAN sản xuất ra cần được phổ biến thông qua việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại cũng như các xuất bản phẩm truyền thống.

Phụ lục 2

CHIẾN LƯỢC THÀNH LẬP HỆ THỐNG THỐNG KÊ CỘNG ĐỒNG ASEAN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Chiến lược thành lập Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN giai đoạn 2011 - 2015 (sau đây gọi tắt là Chiến lược phát triển thống kê ASEAN) nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Thống kê ASEAN. Dự thảo Chiến lược được trình bày lần đầu tiên tại Hội nghị nội bộ Thủ trưởng các Cơ quan Thống kê ASEAN (AHSOM) tại Hà Nội, Việt Nam ngày 08 tháng 12 năm 2010. Hội nghị đã nêu lên các vấn đề mấu chốt cần được xem xét trong suốt thời gian hoàn thiện Chiến lược, bao gồm kênh báo cáo của Ủy ban ACSS, mối quan hệ và vai trò của các cơ quan ASEAN có liên quan, nhu cầu hỗ trợ cụ thể từ Hệ thống thống kê các quốc gia thành viên ASEAN và từ các Lãnh đạo cấp cao của Ban Thư ký ASEAN. Hội nghị nhất trí với đề cương dự kiến bao gồm ba nội dung chính cần thực hiện, yêu cầu Nhóm chuyên trách xây dựng Chiến lược tiếp tục xây dựng Kế hoạch chi tiết để AHSOM thông qua. Hội nghị cũng thông qua tiến độ hoàn thành Chiến lược trước giữa năm 2011. Nhóm chuyên trách đã hoàn thiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2015, cũng như xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị.

CÁC THÁCH THỨC

Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 12 diễn ra vào tháng 1 năm 2007, các nhà lãnh đạo khẳng định cam kết sẽ thành lập Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 với Tầm nhìn ASEAN 2020, gồm ba trụ cột: Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC) và Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC).

Cộng đồng AEC có các đặc trưng sau: (i) Là thị trường và khu vực sản xuất chung; (ii) Khu vực kinh tế cạnh tranh; (iii) Phát triển kinh tế công bằng; (iv) Hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

- Mục tiêu của AEC là tạo ra một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và cạnh tranh cao, theo đó thúc đẩy dòng chảy tự do của hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, dòng chảy vốn mạnh mẽ hơn, phát triển kinh tế công bằng, xóa đói giảm nghèo và bất bình đẳng kinh tế - xã hội.

- Cộng đồng sẽ đẩy mạnh tham vấn để xây dựng các chính sách tài chính và kinh tế vĩ mô, thúc đẩy hội nhập và hợp tác kinh tế thông qua thực hiện đầy đủ Khu vực mậu dịch tự do ASEAN, thúc đẩy tự do hóa thương mại về dịch vụ và đầu tư.

- AEC tập trung vào việc thành lập một thị trường và khu vực sản xuất chung cho các lĩnh vực ưu tiên hội nhập, tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi thông qua phát triển cơ sở hạ tầng (vận tải, công nghệ thông tin, truyền thông, năng lượng), du lịch, nông nghiệp và lâm nghiệp. AEC cũng thúc đẩy chính sách cạnh tranh hiệu quả, quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ người tiêu dùng.

Cộng đồng ASCC có các đặc trưng quan trọng sau: (i) Phát triển con người; (ii) Phúc lợi và bảo trợ xã hội; (iii) Công bằng xã hội và đảm bảo các quyền con người; (iv) Bảo đảm môi trường bền vững; (v) Xây dựng bản sắc ASEAN; và (vi) Thu hẹp khoảng cách phát triển. Các nhà lãnh đạo khẳng định trong Tuyên bố chung về các thành tựu của các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 14 tại Cha-am, Thái Lan vào tháng 3 năm 2009 sẽ không ngừng nỗ lực bảo đảm sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và môi trường bền vững để giảm thiểu và tránh những tác động tiêu cực đến việc đạt được các mục tiêu MDGs.

Cộng đồng APSC có các đặc trưng quan trọng sau: (i) Một cộng đồng dựa trên nguyên tắc chia sẻ các giá trị và chuẩn mực chung; (ii) Một khu vực gắn kết, hòa bình, ổn định và dễ phục hồi với việc chia sẻ trách nhiệm đối với an ninh toàn diện; và (iii) Một khu vực năng động và hướng ngoại trong một thế giới ngày càng hội nhập và phụ thuộc lẫn nhau.

Theo Hiến chương của ASEAN, Ban Thư ký ASEAN đã được tổ chức lại. Văn phòng Giám sát Hội nhập ASEAN (AIMO) được thành lập để giám sát tiến trình hội nhập của khu vực. Thống kê là đơn vị trực thuộc Văn phòng AIMO, theo đó Bộ phận thống kê ASEAN (ASEANstats) thực hiện chức năng thống kê của AIMO. Văn phòng AIMO sẽ đáp ứng các yêu cầu về số liệu thống kê của cả ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.

Việc sớm thành lập Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 đặt ra các yêu cầu mới về thống kê, theo đó cần đẩy mạnh quá trình hài hòa hóa, bổ sung thêm nhiều chỉ tiêu thống kê mới trong một thời gian tương đối ngắn. Do đó, cần xây dựng các chiến lược để đáp ứng các yêu cầu mới. Kế hoạch tổng thể của trụ cột AEC đòi hỏi phải chi tiết hóa Kế hoạch hoạt động của AEC giai đoạn 2008 -2015. Đặc biệt, Ban Thư ký ASEAN được giao nhiệm vụ xây dựng và tính toán các chỉ tiêu, xây dựng các hệ thống giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện các cấu thành và hoạt động khác nhau được mô tả trong Kế hoạch tổng thể.

Phát triển thống kê ASEAN đặt ra ba thách thức lớn cần phải giải quyết, gồm:

Thách thức 1. Nhu cầu số liệu thống kê ngày càng tăng và đa dạng

Hội nhập và phát triển sẽ làm tăng nhu cầu về dữ liệu chung của khu vực và dữ liệu tất cả các lĩnh vực hợp tác khác của ASEAN. Điều này sẽ đặt thêm

gánh nặng và áp lực lên Hệ thống thống kê của ASEAN với nguồn lực hạn chế hiện có: phải mở rộng thu thập dữ liệu, tăng cường xử lý dữ liệu ban đầu, tổng hợp, phổ biến số liệu rộng rãi hơn, hài hòa và phát triển thêm nhiều lĩnh vực thống kê.

Thách thức 2. Xây dựng khung thể chế vững chắc, tăng cường hợp tác thống kê và điều phối phát triển

Hệ thống thống kê của ASEAN có hầu hết yếu tố cần thiết của một Hệ thống thống kê quốc tế hiệu quả. Ngoài ra còn có các đối tác khác nhau trong ACSS, gồm:

- Các Cơ quan thống kê quốc gia (NSO);
- Các nhà sản xuất số liệu quốc gia khác;
- Hội nghị Thủ trưởng các Cơ quan thống kê quốc gia ASEAN (AHSOM)/Ủy ban Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN (Ủ ban ACSS);
- Ban Thư ký ASEAN (ASEANstats);
- Các cơ quan ASEAN có liên quan, trực thuộc các Hội đồng của Cộng đồng ASEAN.

NSO là nhà sản xuất chủ yếu số liệu thống kê chính thức. Một số NSO có trách nhiệm điều phối Hệ thống thống kê quốc gia trong khi các NSO khác được giao nhiệm vụ hạn chế hơn. Các NSO cung cấp trực tiếp một số dữ liệu thống kê cho ASEANstats trong khi các nhà sản xuất số liệu quốc gia khác cung cấp số liệu thống kê cho các bộ phận khác của Ban Thư ký ASEAN thông qua các cơ quan chính sách ASEAN.

Ban Thư ký ASEAN thông qua ASEANstats và các bộ phận chuyên môn thu thập, biên soạn số liệu từ các quốc gia thành viên ASEAN và trong phạm vi nhất định phân tích số liệu này để sử dụng trong các báo cáo chính sách.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại như:

- Ở cấp khu vực, Hội nghị Thủ trưởng Cơ quan thống kê quốc gia thành viên ASEAN (AHSOM) không giao nhiệm vụ rõ ràng về điều phối phát triển, hài hòa và chia sẻ số liệu thống kê trong nhiều lĩnh vực hợp tác và hội nhập ASEAN;
- Hiện nay AHSOM, thông qua Cuộc họp các quan chức kinh tế cấp cao, báo cáo tình hình phát triển và các vấn đề về hợp tác thống kê cho các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN và chỉ bàn về các vấn đề liên quan đến thống kê kinh tế;

- Do các nguồn lực hiện tại còn hạn chế nên Ban Thư ký ASEAN chưa thể hiện được vai trò chủ đạo trong việc điều phối các hoạt động thống kê trên tất cả các trụ cột của Cộng đồng ASEAN như mong muốn. Và hiện không có cơ sở phân công nhiệm vụ rõ ràng cho ASEANstats;

- Tại một số quốc gia thành viên, nhiệm vụ biên soạn số liệu thống kê do các cơ quan khác nhau chịu trách nhiệm, cần có sự ủng hộ chính trị mạnh mẽ để phân quyền và nâng cao năng lực cho NSO để điều phối thống kê một cách hiệu quả. Diễn đàn/hội thảo khu vực vừa qua đã chứng minh được với sự có mặt và ủng hộ của Ban Thư ký ASEAN, có thể hình thành mạng lưới trao đổi thông tin hiệu quả giữa các cơ quan của các quốc gia. Một số quốc gia thành viên đã bày tỏ nguyện vọng Ban Thư ký ASEAN tạo điều kiện tham vấn ở cấp quốc gia giữa người sử dụng và nhà sản xuất số liệu thống kê.

Hiện đang cần cải thiện sự phối hợp giữa NSO và các Bộ, cơ quan ngang bộ/các nhà sản xuất các số liệu khác. Ủy ban ACSS cần tăng cường quyền lực để phối hợp, chỉ đạo việc hài hòa và phát triển thống kê ASEAN, bao gồm cả những đơn vị trực thuộc các cơ quan ASEAN khác.

Thách thức 3. Cần hỗ trợ kỹ thuật để thu hẹp khoảng cách phát triển

Phát triển thống kê ở một số nước thành viên vẫn còn phụ thuộc nhiều vào hỗ trợ từ bên ngoài, trong đó phần lớn từ các nhà tài trợ, làm gia tăng mối quan ngại về tính bền vững của tiến trình phát triển thống kê khi không còn sự trợ giúp. Do đó, rất cần đến vai trò điều phối hỗ trợ kỹ thuật của Ban Thư ký ASEAN cho một số lĩnh vực thống kê chủ yếu nhằm duy trì tiến trình phát triển thống kê chung của khu vực.

KHUNG PHÁP LÝ

Tại Phiên họp năm 2009, AHSOM đã thông qua Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN. Khung này đưa ra các lĩnh vực thống kê cần được ưu tiên, các chiến lược và chương trình chung. Khung cũng chỉ rõ các cơ chế thực hiện và đầu ra thống kê cần thiết cho việc sản xuất, phổ biến, truyền thông số liệu thống kê kịp thời, có tính so sánh và đảm bảo chất lượng cao. AHSOM thống nhất cần thực hiện một qui trình lập kế hoạch nhằm xây dựng một Chiến lược của khu vực, trong đó xác định rõ tầm nhìn, sứ mệnh, nguyên tắc và các giá trị, cũng như các mục tiêu và cơ chế cụ thể để hình thành một Hệ thống thống kê ASEAN hoạt động hiệu quả.

Khung hợp tác thống kê ASEAN (AFCS) đã được AHSOM thông qua vào ngày 19 tháng 10 năm 2010. Mục tiêu chung của AFCS là tăng cường tổ chức và năng lực thống kê của ASEAN hướng tới thành lập Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN (ACSS) vào năm 2015.

ACSS được xác định là "quan hệ đối tác giữa các Hệ thống thống kê quốc gia của các quốc gia thành viên ASEAN và giữa Hệ thống thống kê quốc gia của các quốc gia thành viên ASEAN với các Hội đồng của Cộng đồng ASEAN và Ban Thư ký ASEAN"¹. AHSOM sẽ được tái cơ cấu thành Ủy ban ACSS vào năm 2011. Ủy ban này bao gồm Thủ trưởng cơ quan thống kê quốc gia của tất cả các nước thành viên ASEAN và Ban Thư ký ASEAN. Ủy ban ACSS sẽ thiết lập các cơ chế thúc đẩy hợp tác kỹ thuật trong khu vực. Bộ phận Thống kê ASEAN (ASEANstats) hoạt động với tư cách là bộ phận hỗ trợ kỹ thuật và giúp việc của Ủy ban ACSS.

MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG CỦA CHIẾN LƯỢC

Mục đích của Chiến lược là tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của Thống kê ASEAN, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin về tình hình kinh tế, xã hội, sinh thái và an ninh trong khu vực. Bền vững cũng có nghĩa là số liệu phải có chất lượng cao. Như vậy, số liệu cần kịp thời, phù hợp, đáng tin cậy, dễ tiếp cận và đảm bảo tính so sánh. Cần tăng cường tuân thủ và áp dụng các nguyên tắc, tiêu chuẩn, hướng dẫn thống kê được quốc tế khuyến nghị như được quy định trong AFCS.

Chiến lược thường bao gồm các phần như: đánh giá thực trạng Hệ thống thống kê, xác định tầm nhìn, sứ mệnh, kế hoạch hành động để thực hiện Chiến lược. Trong bản Chiến lược này, những thách thức trình bày ở trên chính là phần đánh giá thực trạng.

TẦM NHÌN CỦA HỆ THỐNG THỐNG KÊ CỘNG ĐỒNG ASEAN NĂM 2015

Tầm nhìn là kim chỉ nam cho sự phát triển, cho biết định hướng phát triển của Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN và những mục tiêu cần đạt được. Đồng thời làm mốc thời gian tham chiếu và tầm nhìn đầu tiên của Hệ thống thống kê vào năm 2015.

¹ Các Hội đồng của Cộng đồng ASEAN tham gia thông qua các cơ quan/Nhóm chuyên trách/Nhóm công tác của ASEAN.

Tầm nhìn năm 2015:

Đến năm 2015, Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN sẽ trở thành nhà cung cấp số liệu thống kê tiên tiến và đáng tin cậy nhằm đảm bảo cung cấp số liệu thống kê phù hợp, kịp thời, có thể so sánh để hỗ trợ Cộng đồng ASEAN.

SỨ MỆNH CỦA HỆ THỐNG THỐNG KÊ CỘNG ĐỒNG ASEAN

Sứ mệnh cho biết mục đích và đặc tính của Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN (ACSS).

Sứ mệnh:

Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN sẽ cung cấp số liệu thống kê ASEAN phù hợp, kịp thời và có thể so sánh nhằm hỗ trợ việc xây dựng chính sách và ra quyết định dựa vào bằng chứng và nâng cao năng lực thống kê của các quốc gia thành viên ASEAN và Ban Thư ký ASEAN.

CÁC GIÁ TRỊ VÀ NGUYÊN TẮC

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra và đạt được tầm nhìn, cần xây dựng quan điểm xây dựng Chiến lược. Các quan điểm này còn được gọi là các giá trị. Những giá trị này được thể hiện theo các đặc điểm sau:

Tính chuyên nghiệp

Tính phù hợp

Tính liêm chính

Tiên tiến

Làm việc theo nhóm

Khả năng giải trình

Hiệu quả chi phí

Cam kết chất lượng

Các giá trị này tương tự như Các nguyên tắc cơ bản của Thống kê nhà nước được Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc thông qua năm 1994.

LĨNH VỰC ƯU TIÊN

Chiến lược sẽ tập trung vào công tác sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN như: các chỉ tiêu thống kê trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN, kể cả các cơ chế được xác định trong AFCS.

CÁC NỘI DUNG CỦA CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Các nội dung chính của Chiến lược sẽ là định hướng cho công tác sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN, xác định các lĩnh vực chính và mục tiêu của các hoạt động cho một thời kỳ không quá 5 năm. Ủy ban ACSS quyết định, giám sát việc thực hiện các nội dung này.

Các nội dung của Chiến lược đưa ra các ưu tiên có liên quan đến nhu cầu thông tin phục vụ việc thực hiện và giám sát các hoạt động của Cộng đồng ASEAN. Những hoạt động/lĩnh vực ưu tiên này sẽ được xem xét trong mối tương quan chặt chẽ với nguồn lực hiện có của khu vực và từng quốc gia để cung cấp các số liệu thống kê cần thiết, cũng như trong mối tương quan về gánh nặng cung cấp thông tin và các chi phí có liên quan đến người trả lời.

Tăng cường thể chế

- Thành lập Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN để sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN.

- Ủy ban ACSS là cơ quan hoạch định chính sách và điều phối cao nhất trong khu vực về thống kê.

- Ủy ban ACSS sẽ phát triển thành một cơ quan khu vực cấp cao quan trọng nhất về thống kê, hoạt động dựa trên các quy trình của AHSOM trước đây. Nhiệm vụ chính của Ủy ban ACSS là điều phối các nỗ lực trong khu vực nhằm tăng cường hơn nữa tính so sánh của số liệu thống kê, thúc đẩy áp dụng các tiêu chuẩn/chuẩn mực quốc tế, nâng cao năng lực thống kê, xây dựng nguồn nhân lực, điều phối việc thu thập số liệu thống kê trong khu vực để phục vụ tốt cho Cộng đồng ASEAN. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban ACSS đang được xây dựng.

- Từ năm 2011, xây dựng các cơ chế nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Ủy ban ACSS và Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN trên cơ sở kế thừa các cơ chế hiện có, các Nhóm công tác, các Nhóm chuyên trách do AHSOM thành lập trước đây. Các cơ chế có thể gồm: (1) Các cơ chế tăng cường hơn nữa công tác điều phối giữa các cơ quan ở cả cấp quốc gia và cấp khu vực; (2) Các cơ chế thúc đẩy đối thoại giữa người sản xuất và sử dụng số liệu thống kê; (3) Các cơ chế hỗ trợ tiến trình ra quyết định của Ủy ban ACSS; và (4) Các cơ chế tổ chức các cuộc họp của ACSS và các cơ chế khác.

- Xây dựng các hệ thống giám sát khác nhau để giám sát việc thành lập Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN. Tiến trình cần được thực hiện theo

từng bước gồm hai loại giám sát sau: (1) Giám sát kết quả thực hiện và/hoặc việc tuân thủ tương tự như thể tính điểm đã được dùng trong trụ cột về kinh tế; và (2) Giám sát chất lượng. Có thể cân nhắc sử dụng công cụ Chỉ tiêu đo lường hiệu quả hoạt động (KPI) để giám sát.

Nên xây dựng các công cụ giám sát theo 2 chiều: (1) Đánh giá việc thực hiện các hoạt động và tiến độ thực hiện ở cấp quốc gia; và (2) Đánh giá tiến độ/việc thực hiện các hoạt động ở cấp khu vực.

Cập nhật định kỳ Báo cáo tóm tắt ASEAN và Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN là các ví dụ về giám sát cấp khu vực.

Tăng cường Thống kê ASEAN

- Tiếp tục ưu tiên phát triển và hài hòa hóa 4 lĩnh vực thống kê: Tài khoản quốc gia, Thương mại hàng hóa quốc tế (IMTS), các cấu phần có liên quan của Thương mại dịch vụ quốc tế (SITS), Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDIS).

- Mở rộng phạm vi thống kê khu vực ASEAN nhằm đáp ứng các nhu cầu của Cộng đồng ASEAN trong 3 trụ cột chính như đề ra trong Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN.

- Xây dựng một bộ chỉ tiêu mới phục vụ công tác giám sát quá trình phát triển của Cộng đồng ASEAN theo 3 trụ cột chính.

- Xây dựng và biên soạn siêu dữ liệu/dữ liệu đặc tả; Xây dựng cơ sở dữ liệu đặc tả.

- Quản lý cơ sở dữ liệu tích hợp thống kê ASEAN; Xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ số liệu và các chỉ tiêu thống kê khác nhau; Hoàn thành phần chạy nền cho cơ sở dữ liệu tích hợp để hỗ trợ cập nhật số liệu thống kê hàng tháng trên trang chủ ASEANstats; Cài đặt chương trình máy tính chuyển giao số liệu như: Eurotrace và REXDBS.

- Tăng cường phổ biến số liệu thống kê thông qua trang web và các hình thức khác.

- Xây dựng báo cáo thống kê phục vụ các lãnh đạo cấp cao của ASEAN, trong đó có các chỉ tiêu cảnh báo sớm.

- Xây dựng chính sách và khuôn khổ để thúc đẩy phổ biến và truyền thông số liệu thống kê.

Thu hẹp khoảng cách phát triển

- Tích cực phối hợp/điều phối cũng như cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các quốc gia thành viên ASEAN hiện đang phụ thuộc vào sự hỗ trợ bên ngoài trên một số lĩnh vực thống kê chủ yếu.

- Tất cả các quốc gia thành viên ASEAN đều cần hỗ trợ dưới nhiều hình thức khác nhau. Các lĩnh vực mà các quốc gia thành viên ASEAN cần hỗ trợ trong việc nâng cao năng lực phải là những lĩnh vực nằm trong Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN. Cần xác định chênh lệch trình độ giữa các quốc gia thành viên trong các lĩnh vực để có hỗ trợ thích hợp.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Các nội dung của Chiến lược cần được cụ thể hóa trong Kế hoạch hành động chi tiết. Kế hoạch hành động/Kế hoạch nhiều năm cần nêu rõ những công việc và lộ trình thực hiện cho giai đoạn 2011 - 2015. Một số hoạt động cần ưu tiên thực hiện ngay trong khi các hoạt động khác có thể thực hiện sau. Kế hoạch công tác hàng năm cần đưa ra các hoạt động chi tiết. Lý do ưu tiên hoạt động này hơn hoạt động khác xuất phát từ nguồn kinh phí hoặc ngân sách hạn hẹp hoặc do mức độ cần thiết của lĩnh vực thống kê đó đối với sự phát triển của xã hội. Các hoạt động nên thực hiện theo từng bước và xác định theo các lĩnh vực sau:

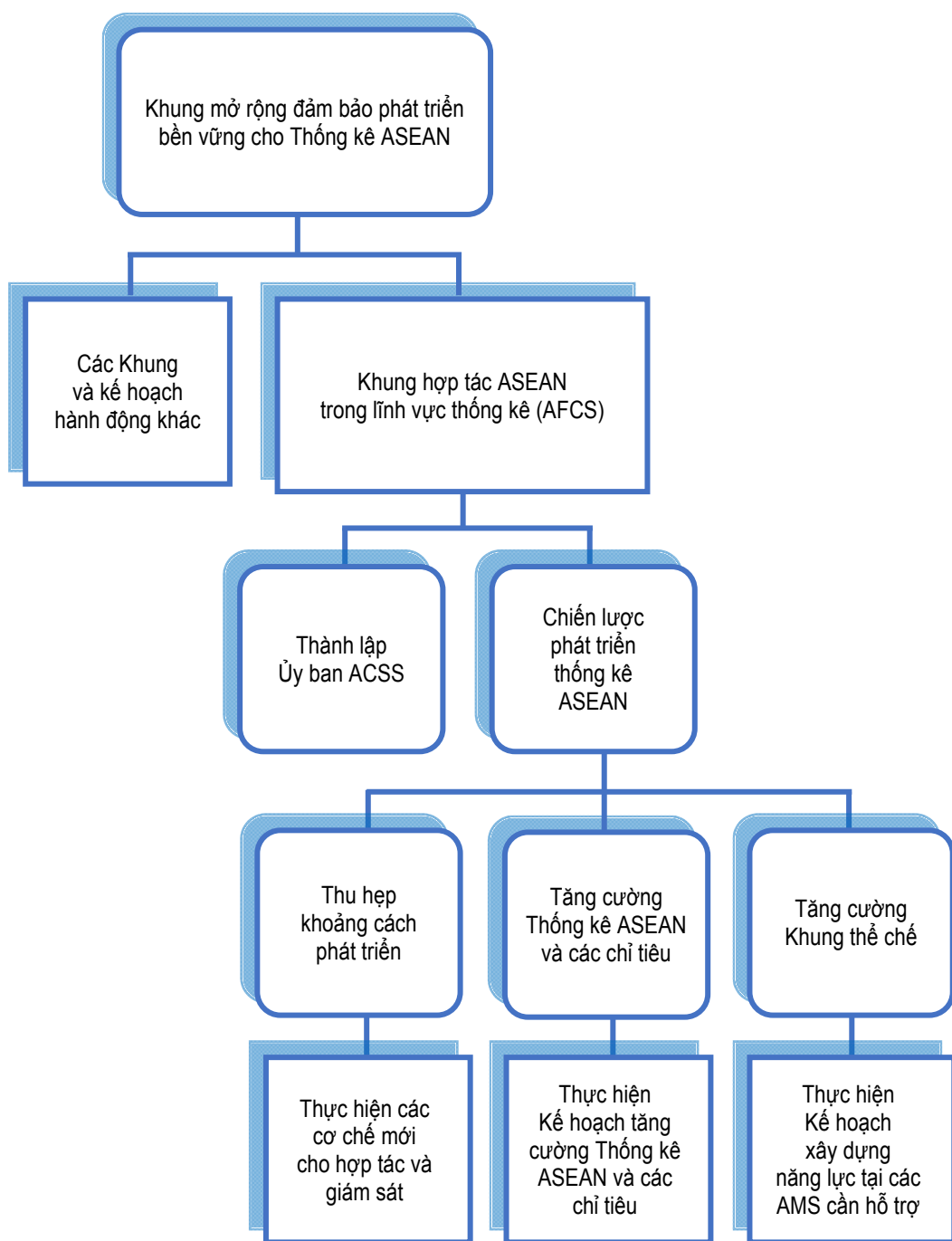
- Tăng cường khung thể chế (bao gồm tổ chức và nguồn nhân lực của ASEANstats);

- Tăng cường Thống kê ASEAN;

- Thu hẹp khoảng cách phát triển.

KÊNH BÁO CÁO

Ủy ban ACSS có trách nhiệm báo cáo các kế hoạch, tiến trình và các vấn đề còn tồn tại cho Hội nghị các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) thông qua Cuộc họp các quan chức kinh tế cấp cao (SEOM). Tuy nhiên, khi cần thêm thông tin từ các trụ cột nào, Ủy ban ACSS cần tham vấn với đại diện các cơ quan/nhóm công tác của trụ cột đó và báo cáo kết quả cho AEM.



Hình 12: Mối quan hệ giữa Khung mở rộng, các chiến lược và thực hiện các chiến lược

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

HOẠT ĐỘNG	NHÓM HOẠT ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN	CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP KHU VỰC	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP QUỐC GIA	CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH CẤP KHU VỰC	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP QUỐC GIA TỪ NĂM 2012 ¹	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP KHU VỰC TỪ NĂM 2012 ²
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
TĂNG CƯỜNG KHUNG THỂ CHẾ								
1. Hoàn thành Chiến lược	Nhóm chuyên trách xây dựng Chiến lược (TFSP) hoàn thiện dự thảo Chiến lược	Tiếp tục hoàn thiện dự thảo Chiến lược	Tháng 03/2011	Nhóm chuyên trách xây dựng Chiến lược ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia		1	1 EASCAB hỗ trợ
		Góp ý của các bên có liên quan	Tháng 05/2011	ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia		1	1 EASCAB hỗ trợ
		Hoàn thiện bản dự thảo cuối cùng của Chiến lược	Tháng 07/2011	ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia		1	1 EASCAB hỗ trợ
	AHSOM phê duyệt Chiến lược	AHSOM phê duyệt Chiến lược tại Hội nghị đánh giá giữa kỳ	Tháng 07/2011	AHSOM		AHSOM	1	1
2. Cập nhật Khung mở rộng (Khung mở rộng là một văn bản linh hoạt, được cập nhật khi các ưu tiên mới được người dùng tin xác định)	Cập nhật Khung mở rộng	Cập nhật Khung mở rộng, xây dựng định hướng Chiến lược và xác định các lĩnh vực ưu tiên trong Chiến lược chi tiết, bao gồm sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê	Tháng 07/2011	Nhóm chuyên trách xây dựng Chiến lược ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	AHSOM	1	1 EASCAB hỗ trợ

¹ Cột (8) Nguồn lực cấp quốc gia: 1 = cần ít nguồn lực; 2 = không ảnh hưởng tới nguồn lực; 3 = sẽ cần thêm nguồn lực

² Cột (9) Nguồn lực cấp khu vực: 1 = cần ít nguồn lực; 2 = không ảnh hưởng tới nguồn lực; 3 = sẽ cần thêm nguồn lực

(Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG	NHÓM HOẠT ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN	CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP KHU VỰC	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP QUỐC GIA	CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH CẤP KHU VỰC	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP QUỐC GIA TỪ NĂM 2012 ¹	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP KHU VỰC TỪ NĂM 2012 ²
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3. Thành lập Ủy ban ACSS	Nhóm chuyên trách xây dựng Chiến lược hoàn thiện dự thảo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban ACSS	Xây dựng dự thảo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban ACSS, gồm cơ cấu tổ chức và kênh báo cáo	Tháng 6/2011	Nhóm chuyên trách xây dựng Chiến lược ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	AHSOM	1	1 EASCAB hỗ trợ
	AHSOM thông qua chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban ACSS	Tham vấn với các bên hữu quan và được AHSOM chấp thuận, Bộ trưởng kinh tế các nước ASEAN (AEM) phê chuẩn, Ủy ban đại diện thường trực (CPR) chấp thuận tại Hội nghị các quan chức kinh tế cấp cao (SEOM)	Tháng 07/2011 (AHSOM và CPR) Tháng 08/2011 (AEM thông qua SEOM)	ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	AHSOM CPR AEM thông qua SEOM	1	1
		Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ủy ban ACSS	Tháng 11/2011	ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	2	2
4. Xây dựng các cơ chế vận hành để ACSS và Ủy ban ACSS hoạt động có hiệu quả cũng như giúp tăng cường tổ chức và nguồn nhân lực của ASEANstats	Khái niệm được xây dựng Nhóm chuyên trách/Nhóm công tác thông qua TOR cơ chế vận hành Cơ chế vận hành/TOR được AHSOM/Ủy ban ACSS phê duyệt	Xây dựng các khái niệm Xây dựng TOR/cơ chế Phê duyệt TOR/cơ chế	Tháng 07/2011 - tháng 07/2015	ASEANstats Các Nhóm chuyên trách có liên quan	Cơ quan TK quốc gia	AHSOM/Ủy ban ACSS	3	3

(Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG	NHÓM HOẠT ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN	CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP KHU VỰC	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP QUỐC GIA	CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH CẤP KHU VỰC	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP QUỐC GIA TỪ NĂM 2012 ¹	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP KHU VỰC TỪ NĂM 2012 ²
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5. Thành lập “Bộ phận chuyên trách” chuẩn bị cho các cuộc họp của Ủy ban ACSS	“Bộ phận chuyên trách” được thành lập (Ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận này)	Thành lập một Bộ phận chuyên trách trong đó thành viên bao gồm Lãnh đạo của 3 nước thành viên. Bộ phận này có trách nhiệm xây dựng chương trình họp cho từng cuộc họp của Ủy ban ACSS	Tháng 09/2011	Nhóm chuyên trách về xây dựng Chiến lược và ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	3	3
6. Xây dựng cơ chế giám sát việc thực hiện các hoạt động, chương trình ở cấp quốc gia và cấp khu vực	Xây dựng các phiếu tính điểm nhằm phục vụ công tác giám sát	Xây dựng các hệ thống giám sát khác nhau theo từng giai đoạn để giám sát ở cấp quốc gia và cấp khu vực theo hai loại: (1) Giám sát kết quả thực hiện; và (2) Giám sát chất lượng	2013 - 2015	Đơn vị đầu mối của AHSOM, ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS AEM thông qua SEOM	3 Từ 2013	3 Từ 2013
7. Hỗ trợ các nước thành viên xây dựng Chiến lược phát triển thống kê quốc gia, có tính đến các ưu tiên trong khu vực	Các nước thành viên thảo luận về các lĩnh vực cần ưu tiên trong khu vực Đưa một số lĩnh vực cần ưu tiên vào Chiến lược phát triển thống kê quốc gia	Xây dựng các khái niệm Thực hiện giai đoạn đầu	2011 - 2012 2012 - 2015	ASEANstats Đơn vị đầu mối của AHSOM	Cơ quan TK quốc gia	AHSOM/ Ủy ban ACSS	3	3

(Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG	NHÓM HOẠT ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN	CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP KHU VỰC	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP QUỐC GIA	CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH CẤP KHU VỰC	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP QUỐC GIA TỪ NĂM 2012 ¹	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP KHU VỰC TỪ NĂM 2012 ²
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
TĂNG CƯỜNG THÔNG KÊ ASEAN								
1. Hải hòa hóa số liệu thống kê thương mại hàng hóa quốc tế (IMTS)	Cài đặt Eurotrace và REXDBS Tiến hành điều tra thử nghiệm	Sử dụng Eurotrace để chuẩn bị xây dựng cơ sở dữ liệu. Tổng hợp và phổ biến số liệu thống kê hiệu quả và kịp thời hơn Cải thiện quá trình trao đổi, làm sạch, tổng hợp và xử lý số liệu thông qua cài đặt REXDBS Xuất bản tài liệu về IMTS	2011 - 2012 2012 Cuối 2011	ASEANstats, Nhóm chuyên trách về IMTS và EASCAB	Cơ quan TK quốc gia; Hải quan, Bộ Công Thương	Ủy ban ACSS, CCA, SEOM	3	3 EASCAB hỗ trợ. Cần thêm các nguồn lực để tiếp tục thực hiện công việc
2. Đẩy mạnh lĩnh vực thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDIS) và hỗ trợ tăng cường hợp tác khu vực và nâng cao năng lực thống kê đầu tư	Xây dựng khung số liệu FDI Tiến hành điều tra thử nghiệm Xây dựng dữ liệu đặc tả	Xây dựng khung số liệu FDI cấp khu vực và các chỉ tiêu có liên quan để hỗ trợ • AISR/ AIR • Hệ thống giám sát tiến độ hội nhập Cộng đồng ASEAN • Giám sát tác động của Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)	2011 - 2015	ASEANstats, Nhóm công tác về FDIS và EASCAB	Cơ quan TK quốc gia, Ngân hàng trung ương	CCI, SEOM, Hội đồng AEM - AIA	3	3 EASCAB hỗ trợ. Cần thêm các nguồn lực để tiếp tục thực hiện công việc

(Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG	NHÓM HOẠT ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN	CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP KHU VỰC	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP QUỐC GIA	CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH CẤP KHU VỰC	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP QUỐC GIA TỪ NĂM 2012 ¹	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP KHU VỰC TỪ NĂM 2012 ²
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3. Hải hòa hóa số liệu thống kê thương mại quốc tế về dịch vụ (SITS)	Xây dựng dữ liệu đặc tả Số liệu thương mại dịch vụ được tải về Cơ sở dữ liệu EUROTRACE Tiến hành điều tra thử nghiệm	Thu thập và biên soạn dữ liệu đặc tả liên quan đến các phương pháp biên soạn SITS tại các nước thành viên Xây dựng và áp dụng tất cả các công cụ biên soạn cần thiết để xử lý số liệu thu thập được trong giai đoạn đầu thu thập số liệu: xử lý ban đầu, tải số liệu vào cơ sở dữ liệu EUROTRACE, kiểm tra số liệu, biên soạn các chỉ tiêu tổng hợp ASEAN	2011 - 2015	ASEANstats và EASCAB	Cơ quan TK quốc gia; Ngân hàng trung ương và các bộ, ngành khác	Ủy ban ACSS, CCS, SEOM	3	3. EASCAB hỗ trợ Cần thêm các nguồn lực để tiếp tục thực hiện công việc
4. Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs)	Số liệu MDGs được đánh giá và giao nhận Hoàn thành Báo cáo đầu tiên	Đánh giá mức độ sẵn có và chất lượng số liệu MDGs ở các nước thành viên, xác định với Ban Thư ký ASEAN các chỉ tiêu MDGs phù hợp ở cấp ASEAN và chính sách giám sát MDGs	Báo cáo lần 1 năm 2011 Báo cáo lần 2 năm 2013 Báo cáo cuối cùng năm 2015	ASEANstats, đầu mối MDGs	Cơ quan TK quốc gia Bộ Kế hoạch	Ủy ban ACSS, SOMRDPE	2	3 EASCAB hỗ trợ Trong giai đoạn 1, cần thêm các nguồn lực hỗ trợ để hoàn thành công việc

(Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG	NHÓM HOẠT ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN	CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP KHU VỰC	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP QUỐC GIA	CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH CẤP KHU VỰC	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP QUỐC GIA TỪ NĂM 2012 ¹	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP KHU VỰC TỪ NĂM 2012 ²
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5. Xây dựng cơ sở dữ liệu	Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu và trao đổi thông tin nhanh (REXDBS), cập nhật website	Hoàn thành phần chạy nền tích hợp cơ sở dữ liệu hỗ trợ cập nhật số liệu thống kê tháng trên website ASEANstats, Eurotrace và cài đặt REXDBS	2012 - 2015	ASEANstats Nhóm chuyên trách về phổ biến thông tin	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	2	1 EASCAB hỗ trợ
6. Triển khai hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN (ASI)	Khung chỉ tiêu Thống kê ASEAN (ASI) được hoàn thiện	Hoàn thiện Khung ASI gồm các chỉ tiêu thống kê của tất cả các trụ cột của Cộng đồng ASEAN	Tháng 11/2011	Nhóm chuyên trách về phổ biến thông tin, Nhóm chuyên trách về xây dựng Chiến lược, ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	1	1 EASCAB hỗ trợ
	Đánh giá và cập nhật các chỉ tiêu	Cần xác định thêm khung hoạt động cho từng lĩnh vực chính làm cơ sở cho việc xây dựng các mục tiêu và điểm mốc và xác định khung thời gian. Ví dụ các chỉ tiêu về nghèo đói và thịnh vượng quốc gia là một dạng của khung hoạt động bổ sung	2012 - 2015	ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	3	3 Cần thêm các nguồn lực mở rộng

(Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG	NHÓM HOẠT ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN	CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP KHU VỰC	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP QUỐC GIA	CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH CẤP KHU VỰC	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP QUỐC GIA TỪ NĂM 2012 ¹	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP KHU VỰC TỪ NĂM 2012 ²
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7. Xây dựng Hệ thống giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN (ACPMS)	Cập nhật Cuốn Tóm lược về ASEAN Hệ thống giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN được xây dựng	Mục tiêu chung của Hệ thống giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN nhằm giám sát tiến bộ hướng tới các mục tiêu Cộng đồng ASEAN và góp phần hoạch định chính sách, quyết sách dựa vào bằng chứng của Ủy ban ACSS nhằm đưa ra định hướng chiến lược và tạo điều kiện cho quá trình thực hiện Các thành viên của Nhóm chuyên trách về phổ biến thông tin đóng vai trò là đầu mối ở các quốc gia; ASEANstats chịu trách nhiệm xử lý số liệu, phân tích và viết báo cáo	2012 - 2015	Nhóm chuyên trách về phổ biến thông tin, ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	3	3 Cần thêm các nguồn lực mở rộng; AUSAid
8. Thực hiện hợp tác khu vực ASEAN trong lĩnh vực tài khoản quốc gia (SNA)	Thành lập diễn đàn hợp tác	Điều phối và tăng cường công tác thống kê về SNA	2012 - 2015	Nhóm tư vấn của ASEAN về SNA, ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	3	3 Có khả năng nhận được hỗ trợ từ IMF, AUSAID

(Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG	NHÓM HOẠT ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN	CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP KHU VỰC	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP QUỐC GIA	CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH CẤP KHU VỰC	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP QUỐC GIA TỪ NĂM 2012 ¹	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP KHU VỰC TỪ NĂM 2012 ²
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
9. Điều phối và hỗ trợ hợp tác khu vực cũng như xây dựng năng lực cho lĩnh vực thống kê lao động	Tăng cường thống kê lao động	Điều phối và tăng cường công tác thống kê lao động	2012 - 2015	ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	3	3 Có khả năng nhận được hỗ trợ từ WB và ILO
10. Điều phối và hỗ trợ hợp tác khu vực cũng như xây dựng năng lực cho lĩnh vực thống kê giao thông vận tải	Phát triển thống kê giao thông vận tải	Điều phối và tăng cường công tác thống kê giao thông vận tải và logistics	2012 - 2015	ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	3	3
11. Thống kê công nghiệp chế biến, chế tạo	Cơ sở dữ liệu hoạt động	Điều phối và tăng cường công tác thống kê công nghiệp chế biến, chế tạo	2012	ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	3	3 Có khả năng nhận được hỗ trợ từ Nhật Bản
12. Thống kê thương mại phân phối (DTS)	Hợp tác khu vực về thống kê thương mại phân phối được khởi xướng	Điều phối công tác thống kê thương mại phân phối	2012	ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	3	3

(Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG	NHÓM HOẠT ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN	CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP KHU VỰC	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP QUỐC GIA	CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH CẤP KHU VỰC	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP QUỐC GIA TỪ NĂM 2012 ¹	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP KHU VỰC TỪ NĂM 2012 ²
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
13. Báo cáo thống kê dành cho lãnh đạo cấp cao	Hoàn thành báo cáo lần đầu	VD: các chỉ tiêu hệ thống cảnh báo sớm/giám sát VD: xuất bản sách về IMTS; Cuốn Tóm lược về ASEAN	2012	ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	2	3
14. Báo cáo thống kê về chỉ tiêu nghèo đói và thịnh vượng cũng như khuyến nghị cải tiến các chỉ tiêu nghèo đói và thịnh vượng	Xây dựng khái niệm Thực hiện chương trình	Xây dựng khái niệm Thực hiện chương trình	2012 - 2013	ASEANstats Nhóm chuyên trách về phổ biến thông tin	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	3	3
15. Chính sách và khuôn khổ phổ biến và truyền thông tin thống kê trong ASEAN	Xây dựng khái niệm Xây dựng chính sách và khuôn khổ Hình thành mạng lưới số liệu/hệ thống chia sẻ số liệu	Xây dựng chính sách và khuôn khổ phổ biến truyền thông số liệu thống kê	2011 2012 2013	ASEANstats Nhóm chuyên trách về phổ biến thông tin	Cơ quan TK quốc gia	AHSOM Ủy ban ACSS	3	3

(Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG	NHÓM HOẠT ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN	CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP KHU VỰC	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM CẤP QUỐC GIA	CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH CẤP KHU VỰC	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP QUỐC GIA TỪ NĂM 2012 ¹	TÁC ĐỘNG NGUỒN LỰC Ở CẤP KHU VỰC TỪ NĂM 2012 ²
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
THU HẬP KHOẢNG CÁCH PHÁT TRIỂN								
1. Tích cực điều phối hỗ trợ kỹ thuật cho một số lĩnh vực thống kê chủ yếu mà các nước thành viên ASEAN đang gặp khó khăn	Tăng cường số liệu thống kê kinh tế chủ yếu	Cần có các hoạt động khác nhau cho các nước thành viên, có tính đến khả năng cung cấp hỗ trợ kỹ thuật dài hạn cho một số nước thành viên ASEAN	2013 - 2015	ASEANstats	Cơ quan TK quốc gia	Ủy ban ACSS	3 Tại một số nước thành viên: hỗ trợ từ SIDA, JICA, WB, EU, GTZ, ADB	3

Phụ lục 3

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ ASEAN

GIAI ĐOẠN 2016 - 2025

(Ủy ban Thống kê Cộng đồng ASEAN đã thông qua Chiến lược tại kỳ họp lần thứ 5 tại Cyberjaya, Ma-lai-xi-a, từ ngày 03 - 05 tháng 11 năm 2015)

GIỚI THIỆU

Chiến lược phát triển thống kê ASEAN đầu tiên được Thủ trưởng các Cơ quan Thống kê ASEAN (AHSOM) thông qua năm 2011. AHSOM sau đó được tái cơ cấu thành Ủy ban Thống kê Cộng đồng ASEAN (Ủy ban ACSS). Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2011 - 2015 là cơ sở xây dựng kế hoạch công tác hàng năm từ năm 2011 và các năm tiếp theo.

Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2020 được Cơ quan Thống kê Phi-lip-pin cùng với Cơ quan Thống kê Bru-nây và Bộ phận Thống kê ASEAN (ASEANstats) dự thảo dựa trên đánh giá giữa kỳ thực hiện Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2011 - 2015, các ý kiến đóng góp tại các kỳ họp khác nhau của Ban Thư ký ASEAN. Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2020 được thông qua tại kỳ họp lần thứ 4 của Ủy ban ACSS tại Nay Pyi Taw, Mi-an-ma từ ngày 14 - 16 tháng 11 năm 2014.

Tại kỳ họp lần thứ 6 của Ủy ban Tổng hợp Cộng đồng Kinh tế ASEAN diễn ra ngày 22 tháng 1 năm 2015, Chủ tịch Nhóm chuyên trách cấp cao - Nhóm công tác về tổng hợp kinh tế đã yêu cầu toàn bộ các kế hoạch hành động phải đảm bảo giai đoạn 10 năm (2016 - 2025).

Theo đó, Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2020 đã được rà soát, sửa đổi thành Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025, có tính đến các sáng kiến phát triển toàn cầu và những ưu tiên của thống kê khu vực. Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025 được Ủy ban ACSS thông qua tại kỳ họp lần thứ 5 tại Cyberjaya, Ma-lai-xi-a, từ ngày 3 - 5 tháng 11 năm 2015.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ ASEAN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2011 - 2015 đã giải quyết các thách thức đặt ra thông qua 3 nội dung sau: (1) Tăng cường thể chế;

(2) Tăng cường năng lực thống kê ASEAN; và (3) Thu hẹp khoảng cách phát triển.

Theo đánh giá giữa kỳ, ACSS đã đạt được những bước tiến quan trọng trong tăng cường thể chế và tăng cường năng lực thống kê ASEAN. Tính đến cuối năm 2015, ACSS đã đạt được nhiều kết quả đặt ra trong Kế hoạch công tác 5 năm. Cụ thể như sau:

(1) Tăng cường thể chế

- Ban hành Khung mở rộng bảo đảm phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN (Khung mở rộng phiên bản 1) vào ngày 05 tháng 7 năm 2011;

- Thành lập Ủy ban ACSS ngày 05 tháng 7 năm 2011 thay cho AHSOM trước đây để trở thành cơ quan điều phối và hoạch định chính sách thống kê cao nhất của ASEAN, đồng thời là cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm về thống kê ASEAN và báo cáo với các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) thông qua Cuộc họp các quan chức kinh tế cấp cao (SEOM);

- Ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban ACSS vào ngày 03 tháng 11 năm 2011;

- Thành lập Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối (SCPC) trợ giúp cho Ủy ban ACSS vào ngày 03 tháng 11 năm 2011;

- Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược giai đoạn 2011 - 2015 và các Kế hoạch hoạt động hàng năm cho các năm 2012, 2013 và 2014 kể từ năm 2011;

- Ban hành các cơ chế giám sát thực hiện các hoạt động/chương trình ở cấp quốc gia và khu vực từ năm 2011;

- Thành lập Nhóm công tác về Chia sẻ, phân tích và phổ biến dữ liệu thống kê ASEAN từ năm 2012;

- Thông qua các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN (CoP) vào ngày 27 tháng 9 năm 2012 nhằm tạo được lòng tin đối với các đối tượng dùng tin, đảm bảo tính giải trình và đưa ra chuẩn mực chuyên môn cao nhất cho công tác sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN;

- Thực hiện tham vấn với các đối tượng dùng tin;

- Thông qua Chính sách chia sẻ số liệu, bảo mật, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê của khu vực ASEAN vào ngày 16 tháng 10 năm 2014 và Chiến lược truyền thông của ASEAN vào ngày 12 tháng 9 năm 2013;

- Thông qua Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2020 vào ngày 16 tháng 10 năm 2014.

(2) Tăng cường năng lực thống kê ASEAN

- Tiếp tục đạt được tiến bộ trong hài hòa hóa các lĩnh vực thống kê thương mại hàng hóa quốc tế (IMTS), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDIS) và thương mại dịch vụ quốc tế (SITS);

- Xây dựng Báo cáo các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) của ASEAN;

- Xây dựng các công cụ xử lý và phổ biến số liệu thống kê (REXDBS, trang thông tin điện tử của ASEANstats) từ năm 2013;

- Xuất bản thêm nhiều ấn phẩm thống kê từ năm 2012;

- Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN mở rộng vào ngày 16 tháng 10 năm 2014, bao gồm cả các chỉ tiêu trong Hệ thống giám sát tiến trình hội nhập của Cộng đồng ASEAN (ACPMS) và các chỉ tiêu kết nối Cộng đồng ASEAN, cũng như xây dựng được mẫu biểu báo cáo áp dụng thống nhất cho các quốc gia thành viên;

- Xây dựng chính sách phổ biến thông tin thống kê khu vực từ năm 2015;

- Tiếp tục tăng cường tổ chức và nhân lực của ASEANstats.

(3) Thu hẹp khoảng cách phát triển

- Từ năm 2012, đạt được một số tiến bộ trong lĩnh vực thống kê thương mại hàng hóa quốc tế, thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài và thống kê thương mại dịch vụ quốc tế ở 4 nước CLMV;

- Áp dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ sản xuất số liệu của một số lĩnh vực thống kê chính từ năm 2012;

- Tăng cường hợp tác giữa các quốc gia thành viên ASEAN (theo cơ chế ASEAN giúp ASEAN) từ năm 2015.

NHIỆM VỤ

Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 27 diễn ra ở Kuala Lumpur ngày 22 tháng 11 năm 2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN 2025, Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2025 và Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN 2025.

Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025 được xây dựng dựa trên Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và Kế hoạch tổng thể của 3 trụ cột nói trên.

Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 hướng tới hình thành một cộng đồng có năng lực thể chế cao thông qua cải thiện các quy trình làm việc và điều phối của ASEAN, nâng cao hiệu lực, hiệu quả làm việc của các cơ quan và tổ chức ASEAN, trong đó bao gồm việc tăng cường năng lực của Ban Thư ký ASEAN, củng cố thể chế ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế. Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 quyết tâm xây dựng Cộng đồng ASEAN “Một tầm nhìn, một bản sắc, một cộng đồng” lấy con người làm trung tâm, dựa trên những quy tắc và hướng tới con người.

Tầm nhìn đưa ra trong Kế hoạch tổng thể năm 2015 của trụ cột kinh tế ASEAN (AEC) vẫn còn nguyên giá trị. Mục tiêu của AEC là tạo ra một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và có khả năng cạnh tranh cao, theo đó tạo ra được luồng hàng hóa, dịch vụ, đầu tư tự do, luồng vốn ngày càng tự do, phát triển kinh tế bình đẳng và giảm đói nghèo, bất bình đẳng về kinh tế - xã hội. Kế hoạch tổng thể năm 2025 của AEC được xây dựng dựa trên Kế hoạch tổng thể năm 2015 với 5 đặc trưng tác động qua lại lẫn nhau, gồm: (a) Một nền kinh tế hội nhập cao và gắn kết; (b) Một ASEAN cạnh tranh, đổi mới và năng động; (c) Nâng cao kết nối và hợp tác chuyên ngành; (d) Một ASEAN tự cường, phát triển toàn diện, hướng tới con người và lấy con người làm trung tâm; và (e) Một ASEAN toàn cầu. Tác động và kết quả đầu ra của Kế hoạch tổng thể năm 2025 của trụ cột kinh tế sẽ được giám sát với sự hỗ trợ của Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN.

Tầm nhìn Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC) năm 2025 nhằm hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết, mang lại lợi ích cho người dân, hòa nhập, bền vững, tự cường và năng động. Tầm nhìn nhằm tạo ra một cộng đồng cam kết, có sự tham gia và có trách nhiệm xã hội; Một cộng đồng hòa nhập thúc đẩy cuộc sống có chất lượng cao, mọi người được tiếp cận bình đẳng với các cơ hội, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người của phụ nữ, trẻ em, thanh niên, người cao tuổi, người khuyết tật, lao động di cư và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi; Một cộng đồng bền vững thúc đẩy phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; Một cộng đồng tự cường được nâng cao năng lực và khả năng nhằm thích nghi và ứng phó với những tổn thương kinh tế và xã hội, thiên tai, biến đổi khí hậu cũng như các mối đe dọa và thách thức mới nổi; Một cộng đồng năng động và hài hòa với nhận thức và niềm tự hào về bản sắc, văn hóa và di sản, được tăng cường năng lực nhằm đổi mới và chủ động đóng góp cho cộng đồng toàn cầu.

Theo Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC), các chương trình/hoạt động phù hợp trong Kế hoạch tổng thể APSC (2009 - 2015) sẽ tiếp tục được triển khai, đi kèm với cách tiếp cận đậm nét và tiên tiến để bảo đảm Kế hoạch tổng thể APSC 2025 phù hợp, mang tính thời sự và đáp ứng được các thách thức của thời đại. Kế hoạch tổng thể APSC 2025 có những đặc trưng cơ bản sau: (a) Một cộng đồng lấy con người làm trung tâm, dựa trên quy tắc và hướng tới người dân; (b) Một cộng đồng hòa bình, an ninh và ổn định; (c) Một khu vực năng động và hướng ngoại, làm sâu sắc hợp tác với các đối tác bên ngoài, đề cao và củng cố vai trò trung tâm của ASEAN; và (d) Một cộng đồng với năng lực và hiện diện thể chế được tăng cường.

Kỳ họp lần thứ 5 của Ủy ban ACSS cũng ghi nhận Khung giám sát đánh giá thống kê SDGs đã được Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc thông qua vào tháng 3 năm 2016 với 17 mục tiêu chung, 169 mục tiêu cụ thể và 230 chỉ tiêu, cũng như các sáng kiến phát triển thống kê quốc tế quan trọng khác. Những sáng kiến này gồm Chương trình khu vực về hoàn thiện thống kê kinh tế, Chiến lược khu vực về nâng cao chất lượng thống kê sinh tử và đăng ký dân sự, Chiến lược toàn cầu về cải tiến dữ liệu khu vực nông nghiệp và nông thôn, Bộ dữ liệu cơ bản về thống kê dân số và xã hội.

Theo quy định trong Khung hợp tác thống kê ASEAN phiên bản 1, thống kê ASEAN sẽ bao gồm những số liệu thống kê do các Hệ thống thống kê quốc gia sản xuất, là những số liệu thống kê do Cơ quan thống kê quốc gia và các Bộ, ngành liên quan hoặc các cơ quan quốc gia có thẩm quyền sản xuất. Thống kê ASEAN cũng sẽ gồm cả những lĩnh vực thống kê rộng hơn, các chỉ tiêu ưu tiên và số liệu thống kê tương ứng với những quan tâm chính sách chủ yếu có liên quan trong Kế hoạch tổng thể AEC, ASCC và APSC.

Ủy ban ACSS nhất trí với cấu trúc của Khung mở rộng bảo đảm phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN (gọi tắt là Khung mở rộng) được thể hiện chi tiết trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN (ASI), toàn bộ các lĩnh vực thống kê mà các quốc gia thành viên ASEAN cam kết sản xuất. Do vẫn cần tham vấn để xác định các lĩnh vực thống kê chính phù hợp với trụ cột APSC, nên Khung mở rộng hiện tại chưa bao gồm những số liệu thống kê phục vụ cho giám sát APSC. Tuy nhiên, Khung mở rộng là một văn bản linh hoạt, có thể sửa đổi điều chỉnh khi thấy cần thiết.

THÁCH THỨC

- Việc thành lập Cộng đồng ASEAN đã đặt ra những yêu cầu mới về thống kê, do đó cần tăng cường hài hòa số liệu nhằm đáp ứng nhu cầu số liệu

thống kê ngày càng tăng. Đánh giá giữa kỳ thực hiện Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2011 - 2015 cho thấy vẫn còn tồn tại một số thách thức lớn, trong đó cần tăng cường hơn nữa vai trò của Ủy ban ACSS như là cơ quan khu vực cao nhất chịu trách nhiệm về hoạch định chính sách thống kê nhằm thu hút sự tham gia của các bên hữu quan cũng như tăng cường điều phối giữa các cơ quan sản xuất số liệu quốc gia;

- Quan hệ đối tác trong nội bộ Ủy ban ACSS và giữa Ủy ban ACSS với các cơ quan khác của ASEAN, các nước thành viên ASEAN và Ban Thư ký ASEAN được quy định trong Khung hợp tác thống kê ASEAN 2010 - 2015 cần được tăng cường, gồm cả việc xây dựng một cơ chế tham vấn với các đối tượng dùng tin;

- Ở một số quốc gia thành viên, Cơ quan thống kê quốc gia ở nhiều quốc gia thành viên ASEAN vẫn chưa thể hiện được vai trò điều phối quá trình phát triển thống kê, cung cấp số liệu thống kê cho Ban Thư ký ASEAN, cũng như vai trò đầu mối hợp tác thống kê trong khu vực;

- Chiến lược phát triển thống kê quốc gia cần được xây dựng thống nhất với Chiến lược phát triển thống kê ASEAN và cần đảm bảo các nguồn lực để thực hiện thành công Chiến lược;

- Đã có nỗ lực trong việc thực hiện giám sát đánh giá chất lượng số liệu. Tuy nhiên, cần nỗ lực hơn nữa nhằm xây dựng các biện pháp đánh giá các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN;

- Do hạn chế về nguồn lực và năng lực, ASEANstats chưa thực hiện tốt vai trò trợ giúp kỹ thuật, đầu mối thống kê trong khu vực, chưa thực hiện được chức năng chủ trì hài hòa hóa số liệu thống kê ASEAN và đầu mối thúc đẩy đối thoại chặt chẽ với các cơ quan khác của ASEAN, các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển và đối tác đối thoại trong tăng cường xây dựng năng lực thống kê;

- Công tác phổ biến thông tin thống kê ASEAN còn hạn chế, chủ yếu dưới hình thức ấn phẩm in. Chính sách phổ biến thông tin thống kê mới được ban hành gần đây, chưa có lịch phổ biến thông tin thống kê, chưa xây dựng cơ chế tiếp cận với cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN cũng như chưa thực hiện các biện pháp bảo mật khi chia sẻ dữ liệu tổng hợp;

- Hợp tác khu vực trong các lĩnh vực thống kê khác như Tài khoản quốc gia, Thị trường lao động, Thống kê công nghiệp chế biến chế tạo chỉ mới ở giai đoạn đầu, đặt ra những thách thức mới đối với thống kê ASEAN trong việc

đáp ứng các yêu cầu số liệu chi tiết và đa dạng phát sinh trong quá trình hội nhập sâu rộng của ASEAN cũng như để đáp ứng các sáng kiến liên quan đến giám sát hội nhập khu vực;

- Về thu hẹp khoảng cách phát triển, cần nỗ lực hơn nữa cũng như cần đẩy mạnh thực hiện sáng kiến ASEAN giúp ASEAN;

- Số liệu thống kê ASEAN còn mờ nhạt và sự hiện diện của ACSS trong quá trình hội nhập ASEAN và cộng đồng thống kê toàn cầu còn hạn chế. Trang thông tin điện tử thống kê ASEAN chưa làm nổi bật được vai trò của ACSS. Điều này đòi hỏi ACSS cần nỗ lực hơn nữa trong tìm kiếm ủng hộ chính trị của cấp cao, thực hiện hiệu quả chiến lược truyền thông thông qua tham vấn chặt chẽ với các đối tượng dùng tin và tăng cường điều phối giữa các cơ quan sản xuất số liệu;

- Những sáng kiến mới về thống kê như Các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) sau năm 2015, Cách mạng số liệu và các chương trình thống kê khu vực châu Á - Thái Bình Dương sẽ tạo thêm nhiều thách thức mới. Đồng thời, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN đến năm 2025 và chương trình phát triển bền vững của ASEAN đòi hỏi ACSS cam kết mạnh mẽ hơn;

- Sự khác nhau trong trình độ phát triển thống kê giữa các quốc gia thành viên ASEAN, cũng như sự phụ thuộc vào các đối tác bên ngoài của một số quốc gia ASEAN cũng đặt ra thách thức;

- Nguồn lực để thực hiện các chương trình khu vực, chương trình phát triển bền vững SDGs sau năm 2015 cũng như các sáng kiến khác ở cấp toàn cầu còn hạn chế;

- Thu hút sự tham gia hơn nữa của các cơ quan sản xuất số liệu có liên quan trong Hệ thống thống kê quốc gia cũng là một thách thức đối với một số quốc gia thành viên ASEAN;

- Đảm bảo đầu tư nhiều hơn cho thống kê, các nguồn tài trợ từ ngân sách nhà nước, sự ủng hộ và tham gia tích cực của các nhà quản lý cấp cao vẫn là thách thức đối với hầu hết các quốc gia thành viên ASEAN.

MỤC TIÊU

Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025 là kim chỉ nam cho việc thực hiện hiệu quả công tác điều phối, sản xuất, hài hòa, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN.

Chiến lược đặt ra những ưu tiên để đáp ứng nhu cầu thông tin hỗ trợ quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, giám sát hội nhập, đáp ứng và hỗ trợ nhu cầu xây dựng năng lực của các quốc gia thành viên ASEAN, đồng thời góp phần phát triển thống kê ở cấp khu vực và toàn cầu.

Những nhu cầu này sẽ được cân đối với các nguồn lực hiện có ở cấp quốc gia và khu vực nhằm cung cấp số liệu thống kê theo yêu cầu cũng như giảm gánh nặng cho người trả lời và các chi phí liên quan.

Mục tiêu chính của Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025 là tiếp tục tăng cường các cơ chế và hệ thống đã được xây dựng trong quá trình thực hiện Chiến lược phát triển thống kê giai đoạn 2011 - 2015 nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thống kê đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin và xây dựng năng lực bền vững cho các quốc gia thành viên ASEAN.

CÁC NỘI DUNG CHÍNH

Để giải quyết những thách thức nêu trên, Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025 tập trung vào 4 nội dung chính sau:

- (1) Tăng cường thể chế, nâng tầm ACSS và tính bền vững của tổ chức này;
- (2) Đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng tăng về số liệu thống kê ASEAN;
- (3) Tăng cường công tác phổ biến, truyền thông, sự hiện hữu và việc sử dụng số liệu thống kê ASEAN;
- (4) Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia thành viên.

Để đạt được bốn nội dung trên, cần thực hiện những hoạt động sau:

(1) Tăng cường thể chế, nâng tầm ACSS và tính bền vững của tổ chức này

Trong nội dung này, Chiến lược xác định các hoạt động cụ thể sau:

- Công nhận Ủy ban ACSS là cơ quan cấp cao nhất trong khu vực về thống kê, là cơ quan hoạch định chính sách và điều phối cao nhất về thống kê của ASEAN.

- Xây dựng đối tác và đối thoại chặt chẽ giữa các cơ quan sản xuất số liệu, ACSS và người dùng tin trong các cơ quan của ASEAN;

- Tăng cường điều phối giữa các cơ quan sản xuất số liệu;

- Công nhận ASEANstats là bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của Ủy ban ACSS, bộ phận đầu mối và điều phối của khu vực;

- Xây dựng Chiến lược phát triển thống kê quốc gia dựa trên chiến lược phát triển thống kê khu vực;

- Tăng cường tuyên truyền để thu hút sự hỗ trợ và đầu tư lớn hơn cho thống kê;

- Hình thành thêm các cơ chế giúp ACSS giám sát chất lượng và tiến độ triển khai các hoạt động.

(2) Đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng tăng về số liệu thống kê ASEAN

- Cải thiện tính sẵn có, tính kịp thời và khả năng so sánh của các số liệu thống kê khu vực ASEAN, gồm thống kê thương mại quốc tế về hàng hóa, thống kê thương mại quốc tế về dịch vụ, vốn đầu tư và các chỉ tiêu SDGs.

- Mở rộng phạm vi hợp tác khu vực nhằm đáp ứng tốt hơn những sáng kiến mới của ASEAN như giám sát tiến trình hội nhập ASEAN, Kế hoạch tổng thể kết nối ASEAN (MPAC), các mục tiêu phát triển trong Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và những sáng kiến khác của các tổ chức thống kê quốc tế.

(3) Tăng cường công tác phổ biến, truyền thông, sự hiện hữu và sử dụng số liệu thống kê ASEAN

- Tăng cường và củng cố cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN hướng tới hình thành một cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN tích hợp dựa trên sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông;

- Tăng cường khả năng tiếp cận số liệu thống kê ASEAN và chia sẻ dữ liệu tổng hợp, tuân thủ tính bảo mật và an ninh dữ liệu;

- Đẩy mạnh công tác phổ biến thông tin thống kê;

- Đẩy mạnh sự hiện diện của số liệu thống kê ASEAN và nâng cao nhận thức về thống kê;

- Hỗ trợ thống kê cho các cơ quan của ASEAN.

(4) Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia thành viên

- Cung cấp hỗ trợ đặc biệt cho các nước CLMV dưới hình thức đào tạo và chuyển giao kiến thức nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển;

- Triển khai thực hiện cơ chế ASEAN giúp ASEAN, kể cả dưới hình thức hợp tác song phương.

TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Tầm nhìn:

“Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN đáp ứng kịp thời yêu cầu số liệu thống kê với chất lượng cao”.

Sứ mệnh:

Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN sẽ cung cấp số liệu thống kê ASEAN phù hợp, kịp thời và có thể so sánh nhằm phục vụ công tác xây dựng chính sách và ra quyết định dựa vào bằng chứng cũng như nâng cao năng lực thống kê của các quốc gia thành viên ASEAN và Ban Thư ký ASEAN.

Giá trị và nguyên tắc:

- | | |
|------------------------------|-----------------------------------|
| <i>1. Tính phù hợp</i> | <i>5. Hướng đến tương lai</i> |
| <i>2. Cam kết chất lượng</i> | <i>6. Làm việc theo nhóm</i> |
| <i>3. Tính chuyên nghiệp</i> | <i>7. Có khả năng giải trình</i> |
| <i>4. Tính trung thực</i> | <i>8. Hiệu quả về mặt chi phí</i> |

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ ASEAN GIAI ĐOẠN 2016 - 2025

Cấu phần chính		Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính		Thời gian thực hiện
1 Tăng cường thể chế, nâng tầm ACSS và tính bền vững của tổ chức này						
1.1 Bảo đảm các quốc gia thành viên (AMS) cam kết thực hiện các chương trình công tác của ACSS						
a		Thực hiện cấp khu vực				
	1-5	1	Hỗ trợ hoàn thiện/sửa đổi Chiến lược phát triển thống kê quốc gia (NSDS) và Kế hoạch công tác hàng năm của các AMS, lồng ghép các hoạt động chính của Chiến lược phát triển thống kê khu vực (RSDS) vào NSDS và đảm bảo ngân sách cho một số các cuộc họp chính thức	1	Các hoạt động của Chiến lược phát triển thống kê khu vực được phản ánh trong Chiến lược phát triển thống kê quốc gia của các quốc gia thành viên	2016 - 2025
	1-7	2	Hỗ trợ hình thành cách tiếp cận quốc gia đi đầu và xây dựng quan hệ đối tác trong thực hiện các hoạt động/chương trình chính của một số Nhóm công tác	1	Cách tiếp cận quốc gia đi đầu được thực hiện trong một số lĩnh vực chính của kế hoạch công tác của ACSS	2016 - 2025
				2	Quan hệ đối tác của một số lĩnh vực chính trong kế hoạch công tác ACSS được thực hiện	2017 - 2025
	b		Thực hiện cấp quốc gia			
	1-5 và 1-6	1	Hỗ trợ hoàn thiện/sửa đổi NSDS và Kế hoạch công tác hàng năm của các AMS, lồng ghép với các hoạt động chính của RSDS, đồng thời đảm bảo ngân sách cho một số các cuộc họp chính thức	1	NSDS của các quốc gia thành viên được cập nhật theo RSDS 2016 - 2025, bao gồm cả kinh phí cần thiết để thực hiện NSDS	2017 - 2025
				2	Các quốc gia thành viên tự đài thọ kinh phí tham dự các cuộc họp thường kỳ của Ủy ban ACSS và tham dự ít nhất một cuộc họp thường kỳ của SCPC và 2 cuộc họp chính thức khác	2016 - 2025
				3	Nước chủ tịch ASEAN đang cai tổ chức cuộc họp của Ủy ban ACSS và ít nhất một cuộc họp của SCPC	2016 - 2025
1.2 Xây dựng quan hệ đối tác chặt chẽ giữa người sản xuất và người sử dụng số liệu thống kê ASEAN						
a		Thực hiện cấp khu vực				
	1-2 và 1-4	1	Tăng cường phối hợp giữa ACSS và người dùng tin ở cấp khu vực (ASEANstats hỗ trợ tài liệu, v.v.)	1	Các phiên họp tham vấn với người dùng tin được thực hiện thường kỳ	2016 - 2025
				2	Diễn đàn Người sản xuất - Người dùng tin chính thức được thành lập ở cấp khu vực	Năm 2018

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động	Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
1-1	1	Tăng cường phối hợp giữa ACSS và các cơ quan khác của ASEAN thông qua diễn đàn, hội nghị cấp cao và các hoạt động quảng bá (ở cả các cơ quan ASEAN cấp cao và cấp kỹ thuật)	1	Khái niệm về diễn đàn cấp cao được xây dựng và cập nhật	2016, 2019, 2022, 2025
			2	Diễn đàn cấp cao được tổ chức 3 năm một lần để tham vấn người dùng tin về yêu cầu thông tin thống kê (gồm các cơ quan khác nhau của ASEAN, các đối tác phát triển và các cơ quan sản xuất dữ liệu liên quan)	2016, 2019, 2022, 2025
			3	Hội nghị tham vấn về công tác lập ngân sách, lập kế hoạch và điều phối giữa ACSS và các cơ quan khác của ASEAN được tổ chức	2016 - 2025
			4	Chủ tịch và/hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban ACSS tham dự các cuộc họp tham vấn/điều phối ASEAN mở rộng (thí dụ như tham dự Ủy ban các vấn đề tổng hợp (COW))	2016 - 2025
b Thực hiện cấp quốc gia					
1-3	1	Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan sản xuất số liệu ở cấp quốc gia (ASEANstats hỗ trợ tài liệu, v.v...)	1	Ít nhất cơ chế điều phối không chính thức giữa các cơ quan sản xuất số liệu phải được hình thành	2016 - 2025
			2	Việc cung cấp số liệu được thực hiện thông qua Cơ quan thống kê quốc gia hoặc phối hợp với Cơ quan thống kê quốc gia	2016 - 2025
			3	Cơ chế phối hợp/tham vấn liên ngành, Biên bản ghi nhớ, v.v... được xây dựng ở cấp quốc gia tại các AMS	2017 - 2025
1-5	2	Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan sản xuất số liệu và người dùng tin ở cấp quốc gia (ASEANstats hỗ trợ tài liệu, v.v...)	1	Các cuộc họp tham vấn với người dùng tin được thực hiện thường kỳ	2016 - 2025
1.3 Thực hiện hiệu quả và tăng cường giám sát các chương trình công tác của ACSS					
a Thực hiện cấp khu vực					
1-7	1	Xây dựng, cập nhật và giám sát Chiến lược phát triển thống kê ASEAN, kế hoạch công tác nhiều năm, hàng năm	1	Việc thực hiện các kế hoạch công tác giai đoạn 2016 - 2025 được giám sát	Từ năm 2016
			2	Kế hoạch công tác năm tiếp theo và kế hoạch dự kiến cho năm sau đó được xây dựng	2016 - 2025

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
				3	Kế hoạch công tác năm trước đó được giám sát	2016 - 2025
				4	Khung mở rộng bảo đảm phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN được rà soát 3 năm một lần để bổ sung thêm những ưu tiên, nêu bật tầm quan trọng của cơ chế tham vấn và tuyên truyền, vai trò quan trọng của các tổ chức quốc tế	2017, 2020, 2023
				5	Đánh giá giữa kỳ thực hiện Chiến lược giai đoạn 2016 - 2025 được triển khai	2020
				6	Kinh phí cho giai đoạn 2021 - 2025 được đảm bảo	2020
				7	Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025 được cập nhật thành Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2021 - 2030, bao gồm cả phân bổ kinh phí	2020
	1-7	2	Giám sát các AMS và ASEANstats trong việc thực hiện các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN (CoP), giám sát chất lượng sản xuất số liệu (ASEANstats đảm bảo các AMS đánh giá CoP, xây dựng khái niệm kiểm tra chéo và tiến hành thí điểm kiểm tra chéo)	1	Tự đánh giá CoP được ASEANstats thực hiện theo từng bước	2016 - 2025
				2	Khái niệm kiểm tra chéo được xây dựng (bắt đầu với hoạt động phổ biến số liệu thống kê)	2016 - 2017
				3	Kiểm tra chéo được tiến hành thí điểm ở một số AMS tiên phong	2018 - 2025
	b Thực hiện cấp quốc gia					
	1-7	1	Giám sát các AMS trong việc thực hiện CoP, giám sát chất lượng sản xuất số liệu	1	Tự đánh giá CoP từng bước được thực hiện ở các AMS	2016 - 2025
				2	Kiểm tra chéo được tiến hành thí điểm ở các AMS tiên phong	2018 - 2025
1.4 Tăng cường năng lực của ASEANstats						
a Thực hiện cấp khu vực						
	1-4	1	Ủy ban ACSS ủng hộ ASEANstats cơ cấu lại tổ chức, bổ sung nhân sự nhằm kiện toàn tổ chức và giải quyết tình trạng thiếu nhân lực của ASEANstats.	1	Cơ cấu tổ chức và yêu cầu nhân sự của ASEANstats được lãnh đạo Ban Thư ký ASEAN và Ủy ban Thường trực ASEAN thông qua khi cần	Trước năm 2017
				2	Tổ chức ASEANstats được kiện toàn và nguồn nhân lực được tăng cường	2017

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động	Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
				3 Chương trình cử nhân sự biệt phái/làm việc tự nguyện tại ASEANstats được thực hiện	2016 - 2025
	1-4	2	Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ thống kê, vai trò điều phối và trình độ CNTT cho ASEANstats thông qua tổ chức các khóa đào tạo, tạo điều kiện để ASEANstats tham dự các khóa tập huấn/hội thảo khu vực/quốc tế	1 Chuyên môn thống kê của ASEANstats được tăng cường	2016 - 2025
				2 Tham dự một hội nghị/hội thảo quốc tế lớn ít nhất 2 năm một lần	2016 - 2025
	1-4	3	Hỗ trợ ASEANstats trong việc xây dựng tài liệu hướng dẫn công tác hài hòa, thu thập, tổng hợp và phổ biến số liệu thống kê ASEAN	1 Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ được đồng thuận bởi các Nhóm công tác tương ứng, đi kèm với biểu mẫu tương ứng	2016 - 2025
b			Thực hiện cấp quốc gia		
	1-4	1	Hỗ trợ ASEANstats cơ cấu lại tổ chức và bổ sung nhân sự, nhằm kiện toàn tổ chức và giải quyết tình trạng thiếu nhân lực của ASEANstats	1 Chương trình cử nhân sự biệt phái/làm việc tự nguyện tại ASEANstats được thực hiện	2016 - 2025
1.5 Tăng cường quan hệ đối tác trong khuôn khổ thúc đẩy chương trình nghị sự toàn cầu					
a			Thực hiện cấp khu vực		
	1-1 và 1-7	1	ASEANstats tham gia vào Ủy ban Thống kê UNESCAP và Ủy ban Thống kê LHQ	1 ASEANstats tham dự và đại diện cho khu vực tại các cuộc họp thường kỳ về thống kê của Ủy ban UNESCAP	2016 - 2025
				2 ASEANstats tham dự ít nhất 2 năm một lần và có bài trình bày tại kỳ họp thường kỳ của Ủy ban Thống kê LHQ	2016 - 2025
	1-1, 1-6 và 1-7	2	Tăng cường chia sẻ thông tin/nội dung của các sự kiện khu vực/quốc tế giữa các thành viên của Ủy ban ACSS	1 Các hoạt động của ACSS để đáp ứng các yêu cầu của chương trình nghị sự toàn cầu được chia sẻ (sau khi tham dự các cuộc họp/hội nghị quốc tế)	2016 - 2025
	1-4 và 1-6	3	Tăng cường quan hệ đối tác với SIAP để giải quyết các nhu cầu về đào tạo của ACSS	1 Quan hệ đối tác chiến lược giữa ACSS/ASEANstats và SIAP được xây dựng để đào tạo cho cán bộ thống kê của ACSS	2016 - 2025

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
b	Thực hiện cấp quốc gia					
	1-1 và 1-7	1	Phân đầu để các quốc gia thành viên tham gia vào Ủy ban Thống kê UNESCAP và Ủy ban Thống kê LHQ	1	Các quốc gia thành viên tham dự các cuộc họp thường kỳ về thống kê của Ủy ban UNESCAP	2016 - 2025
				2	Các quốc gia thành viên tham dự các cuộc họp thường kỳ về thống kê của Ủy ban Thống kê LHQ	2016 - 2025
	1-1, 1-6 và 1-7	2	Tăng cường chia sẻ thông tin/nội dung của các sự kiện khu vực/quốc tế giữa các thành viên của Ủy ban ACSS	1	Các hoạt động của ACSS để đáp ứng các yêu cầu của chương trình nghị sự toàn cầu được chia sẻ (sau khi tham dự các cuộc họp/hội nghị quốc tế)	2016 - 2025
2	Tăng cường đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với số liệu ASEAN					
2.1	Hoàn thiện phương pháp luận để nâng cao tính sẵn có, tính kịp thời và khả năng so sánh của các số liệu thống kê chủ yếu như IMTS, FDIS, SITS, các chỉ tiêu SDGs và ACPMS phục vụ tiến trình hội nhập của ASEAN					
a	Thực hiện cấp khu vực					
	2-1	1	Xác định các lĩnh vực cần hoàn thiện/lộ trình thực hiện IMTS, FDIS, SITS cũng như các chỉ tiêu SDGs và ACPMS	1	Lộ trình/lĩnh vực cần hoàn thiện được xác định	2016 - 2025
				2	Danh mục hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN (ASI) được cập nhật khi cần dựa trên điều tra nhu cầu người dùng tin và các yêu cầu mới từ các cơ quan khác của ASEAN	2016 - 2025
	2-2	2	Hỗ trợ ASEANstats xây dựng các tài liệu hướng dẫn để hài hòa hóa, thu thập, tổng hợp và phổ biến số liệu thống kê ASEAN trong các lĩnh vực IMTS, SITS, FDIS, cũng như các chỉ tiêu MDGs/SDGs và ACPMS	1	Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ được đồng thuận bởi các Nhóm công tác tương ứng, đi kèm với biểu mẫu tương ứng	2016 - 2025
				2	Báo cáo MDGs năm 2015 của ASEAN	2016
				3	Khung SDGs ASEAN (gồm các chỉ tiêu ASEAN ưu tiên)	2016
				4	Báo cáo định kỳ về SDGs của ASEAN	2017 - 2025
				5	Số liệu IMTS, SITS, FDIS, các chỉ tiêu MDGs/SDGs và ACPMS được cung cấp kịp thời và có khả năng so sánh	2016 - 2025

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động	Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
2-1 và 2-2	3	Đẩy mạnh thực hiện các tiêu chuẩn thống kê quốc tế; cải thiện tính sẵn có, tính kịp thời và khả năng so sánh của các số liệu thống kê chủ yếu phục vụ giám sát hội nhập ASEAN và Tầm nhìn sau năm 2015 của Cộng đồng ASEAN	1	Tính sẵn có, tính kịp thời và khả năng so sánh của các số liệu thống kê chủ yếu phục vụ giám sát hội nhập ASEAN và Tầm nhìn sau năm 2015 của Cộng đồng ASEAN tuân thủ các khái niệm và tiêu chuẩn đã được quốc tế công nhận	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)
			2	Tài liệu về những tiêu chuẩn quốc tế mới được cập nhật	2017 - 2025
			3	Tài liệu về phương pháp luận và dữ liệu đặc tả được cập nhật và cải thiện	2016 - 2025
			4	Xây dựng năng lực thống kê: các cuộc họp và hội thảo khu vực, tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật để cải thiện việc thu thập, sản xuất dữ liệu và đảm bảo chất lượng được thực hiện	2016 - 2025
b Thực hiện cấp quốc gia					
2-1 và 2-2	1	Đẩy mạnh thực hiện các tiêu chuẩn thống kê quốc tế; cải thiện tính sẵn có, tính kịp thời và khả năng so sánh của các số liệu thống kê chủ yếu phục vụ giám sát hội nhập ASEAN và Tầm nhìn sau năm 2015 của Cộng đồng ASEAN	1	Tính sẵn có, tính kịp thời và khả năng so sánh của các số liệu thống kê chủ yếu phục vụ giám sát hội nhập ASEAN và Tầm nhìn sau năm 2015 của Cộng đồng ASEAN tuân thủ các khái niệm và tiêu chuẩn đã được quốc tế công nhận	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào năng lực của Hệ thống thống kê quốc gia của các AMS)
			2	Tài liệu về những tiêu chuẩn quốc tế mới được cập nhật	2017 - 2025
			3	Tài liệu về phương pháp luận và dữ liệu đặc tả được cập nhật và cải thiện	2016 - 2025
			4	Xây dựng năng lực thống kê: các cuộc họp và hội thảo khu vực, tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật để cải thiện việc thu thập, sản xuất dữ liệu và đảm bảo chất lượng được thực hiện	2016 - 2025

(Tiếp theo)

Cấu phần chính		Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
2.2	Cải thiện tính sẵn có, tính kịp thời và khả năng so sánh của các số liệu thống kê nhằm phục vụ các sáng kiến về giám sát hội nhập ASEAN của trụ cột AEC				
a	Thực hiện cấp khu vực				
2-2	1	Xác định nhiệm vụ, khung, cơ chế thực hiện các chỉ tiêu mới nhằm phục vụ các sáng kiến về giám sát hội nhập ASEAN của AEC, như báo cáo giám sát tiến độ hội nhập ASEAN, giám sát thực hiện Kế hoạch tổng thể kết nối ASEAN, AFEED, SME SAP 2016 - 2025 và các nhu cầu số liệu ASEAN khác để phục vụ cho việc thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025	1	Các sáng kiến về thu thập thông tin được Ủy ban ACSS thông qua - dựa trên yêu cầu của các cơ quan khác của ASEAN	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)
			2	Các chỉ tiêu/số liệu thống kê mới được bổ sung vào ASI như chỉ tiêu kết nối và giám sát hội nhập ASEAN, các nhu cầu số liệu khác	2016 - 2025
2-2	2	Xây dựng cơ chế, phương pháp luận, biểu mẫu để thu thập và tính toán các chỉ tiêu mới nhằm phục vụ các sáng kiến về giám sát hội nhập ASEAN của AEC, như báo cáo giám sát tiến độ hội nhập ASEAN, giám sát thực hiện Kế hoạch tổng thể kết nối ASEAN, AFEED, SME SAP 2016 - 2025 và các nhu cầu số liệu ASEAN khác để phục vụ cho việc thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025	1	Các biểu mẫu số liệu được xây dựng	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)
			2	Phương pháp luận biên soạn các chỉ tiêu thống kê mới được Ủy ban ACSS thông qua, dữ liệu đặc tả cho các chỉ tiêu này được xây dựng/cập nhật	2016 - 2025
			3	Cơ chế thu thập dữ liệu cho các sáng kiến mới về hội nhập ASEAN (như ACPMS, Kết nối, AFEED, SDGs/MDGs, Kế hoạch tổng thể AEC 2025) được xây dựng và thực hiện (ví dụ Điều khoản tham chiếu/Biên bản Ghi nhớ được xây dựng)	2016 - 2025
2-2	3	Tổ chức Diễn đàn Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và khởi động lại hợp tác khu vực trong lĩnh vực SNA	1	Diễn đàn SNA được tổ chức thường kỳ và cuộc họp Nhóm tư vấn ASEAN về SNA (AAGSNA) được tổ chức	2016 - 2025
			2	Kế hoạch công tác của Nhóm SNA được xây dựng và một số chỉ tiêu tài khoản quốc gia mới được cập nhật	2016 - 2025

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
b	Thực hiện cấp quốc gia					
	2-2	1	Xây dựng cơ chế, phương pháp luận, biểu mẫu để thu thập và tính toán các chỉ tiêu mới nhằm phục vụ các sáng kiến về giám sát hội nhập ASEAN của AEC, như báo cáo giám sát tiến độ hội nhập ASEAN, giám sát thực hiện Kế hoạch tổng thể kết nối ASEAN, AFEED, SME SAP 2016 - 2025 và các nhu cầu số liệu ASEAN khác để phục vụ cho việc thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025	1	Phương pháp luận biên soạn các chỉ tiêu mới được xây dựng, dữ liệu đặc tả được xây dựng/cập nhật	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào năng lực của Hệ thống thống kê quốc gia của các AMS)
				2	Cơ chế thu thập dữ liệu cho các sáng kiến mới về hội nhập ASEAN (như ACPMS, Kết nối, AFEED, SDGs/MDGs, Kế hoạch tổng thể AEC 2025) được xây dựng và thực hiện (ví dụ Điều khoản tham chiếu/Biên bản Ghi nhớ được xây dựng)	2016 - 2025
	2-2	2	Tổ chức Diễn đàn SNA và khởi động lại hợp tác khu vực trong lĩnh vực SNA	1	Tham dự Diễn đàn SNA và cuộc họp Nhóm tư vấn ASEAN về SNA (AAGSNA)	2016 - 2025
				2	Kế hoạch công tác của Nhóm SNA được xây dựng và một số chỉ tiêu tài khoản quốc gia mới được cập nhật	2016 - 2025
2.3	Đáp ứng tốt hơn các sáng kiến của các trụ cột ASCC và APSC cũng như các sáng kiến toàn cầu về thống kê					
a	Thực hiện cấp khu vực					
	2-2	1	Hỗ trợ các sáng kiến về thống kê dân số, lao động, nhân khẩu và thống kê xã hội do các trụ cột Cộng đồng ASEAN và các tổ chức quốc tế liên quan khởi xướng (như ILO, UNESCAP, v.v...)	1	ASEANstats/các Nhóm công tác thống kê có liên quan thu thập dữ liệu phục vụ các sáng kiến do các cơ quan khác của ASEAN khởi xướng (như thống kê giới và giáo dục)	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)
	2-2	2	Chuẩn bị để đáp ứng yêu cầu của những sáng kiến mới về thống kê như các chỉ tiêu SDGs, thống kê di cư, thống kê giới và các yêu cầu số liệu khác của các trụ cột ASCC và	1	Tiến hành hội thảo về chỉ tiêu SDGs; Kế hoạch công tác được xây dựng	2016
				2	Khung chỉ tiêu SDGs của ASEAN được xây dựng	2016 - 2017

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
			APSC			
b Thực hiện cấp quốc gia						
	2-2	1	Hỗ trợ các sáng kiến về thống kê dân số, lao động, nhân khẩu và thống kê xã hội do các trụ cột Cộng đồng ASEAN và các tổ chức quốc tế liên quan khởi xướng (như ILO, UNESCAP, v.v...)	1	Hợp tác và điều phối giữa các AMS với các cơ quan sản xuất số liệu liên quan	2016 - 2025
	2-2	2	Chuẩn bị để đáp ứng yêu cầu của những sáng kiến mới về thống kê như các chỉ tiêu SDGs, thống kê di cư, thống kê giới và các yêu cầu số liệu khác của các trụ cột ASCC và APSC	1	Tham dự Hội thảo về chỉ tiêu SDGs	2016 - 2017
2.4 Đánh giá chất lượng (gồm khả năng tiếp cận, tính so sánh và tính kịp thời) của các lĩnh vực thống kê chính của ASEAN						
a Thực hiện cấp khu vực						
	2-1	1	Đánh giá định kỳ chất lượng số liệu, gồm khả năng tiếp cận, tính kịp thời và tính so sánh của số liệu IMTS, FDIS và SITS, sử dụng các công cụ giám sát đánh giá (GSDG) có sẵn	1	Khả năng tiếp cận, tính kịp thời và tính so sánh của số liệu thống kê IMTS, FDIS và SITS được các Nhóm công tác tương ứng đánh giá	2016 - 2025
	2-2	2	Đánh giá định kỳ chất lượng số liệu, gồm khả năng tiếp cận, tính kịp thời và tính so sánh của các chỉ tiêu ACPMS, SDGs và các khung số liệu khác thuộc Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, Kế hoạch tổng thể AEC 2025, ASCC 2025 và APSC 2025, sử dụng các công cụ GSDG có sẵn	2	Khả năng tiếp cận, tính kịp thời và tính so sánh của các chỉ tiêu ACPMS, SDGs và những chỉ tiêu khác được các Nhóm công tác/Nhóm đặc trách tương ứng đánh giá	2017 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)
b Thực hiện cấp quốc gia						
	2-1	1	Đánh giá định kỳ chất lượng số liệu, gồm khả năng tiếp cận, tính kịp thời và tính so sánh của số liệu IMTS, FDIS và SITS, sử dụng các công cụ giám sát đánh giá (GSDG) có sẵn	1	Khả năng tiếp cận, tính kịp thời và tính so sánh của số liệu thống kê IMTS, FDIS và SITS được các AMS đánh giá	2016 - 2025
	2-2	2	Đánh giá định kỳ chất lượng số liệu, gồm khả năng tiếp cận, tính kịp thời và tính so sánh của các chỉ tiêu ACPMS, SDGs và các khung số liệu khác thuộc Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, Kế hoạch tổng thể AEC 2025, ASCC 2025, và APSC 2025, sử dụng các công cụ GSDG có sẵn	2	Khả năng tiếp cận, tính kịp thời và tính so sánh của các chỉ tiêu ACPMS, SDGs và những chỉ tiêu khác được các AMS đánh giá	2017 - 2025 (Phụ thuộc vào năng lực của Hệ thống thống kê quốc gia của các AMS)

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính		Thời gian thực hiện
2.5 Sử dụng hồ sơ hành chính							
a Thực hiện cấp khu vực							
2-2	1	Sử dụng hồ sơ hành chính để bổ sung nguồn số liệu cho các chỉ tiêu thống kê mới	1	Các khuyến nghị chính sách của Ủy ban ACSS	2016 - 2025		
b Thực hiện cấp quốc gia							
2-2	1	Sử dụng hồ sơ hành chính để bổ sung nguồn số liệu cho các chỉ tiêu thống kê mới	1	Các quyết định chính sách của Hệ thống thống kê quốc gia ở các AMS trong việc sử dụng hồ sơ hành chính	2017 - 2025		
			2	Tăng cường sử dụng hồ sơ hành chính trong sản xuất và phổ biến số liệu thống kê chính thức	2017 - 2025		
3 Tăng cường công tác phổ biến, truyền thông, sự hiện hữu và sử dụng số liệu thống kê ASEAN							
3.1 Phát triển CNTT, cơ sở dữ liệu và công nghệ chia sẻ số liệu							
a Thực hiện cấp khu vực							
3-1, 3-2 và 3-3	1	Xây dựng kiến trúc tổng thể cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN, có sự phân tách rõ ràng giữa CSDL sản xuất và CSDL phổ biến	1	Kiến trúc tổng thể CSDL thống kê ASEAN được xác định	2016		
3-1 và 3-5	2	Tăng cường, thống nhất và tích hợp CSDL thống kê ASEAN	1	Biểu mẫu số liệu ASEAN được cập nhật dựa trên ASI mở rộng	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)		
			2	CSDL thống kê ASEAN tích hợp được xây dựng đi kèm với công nghệ hỗ trợ phù hợp	2016 - 2025		
3-2 và 3-4	3	Đẩy mạnh cơ chế và cách thức chia sẻ dữ liệu, cho phép chuẩn hóa hơn nữa các quy trình, phân tích và ứng dụng số liệu thống kê	1	Công tác chia sẻ và truyền gửi dữ liệu được thực hiện thông qua áp dụng các biện pháp an ninh và công nghệ phù hợp	2016 - 2025		
			2	Khung truyền đưa dữ liệu (DTF) và Quy trình truyền tải dữ liệu (DTP) được hoàn thiện	2016 - 2025		

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
b	Thực hiện cấp quốc gia					
	3-1 và 3-5	1	Tăng cường, thống nhất và tích hợp CSDL thống kê ASEAN	1	Biểu mẫu số liệu ASEAN được cập nhật dựa trên ASI mở rộng	2016 - 2025
3.2	Tăng cường phổ biến số liệu thông qua cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN và các trang thông tin điện tử (web)					
a	Thực hiện cấp khu vực					
	3-4	1	Tăng cường phổ biến số liệu thống kê thông qua các trang web được cải tiến để người dùng tin có thể tiếp cận và biết về số liệu thống kê ASEAN	1	Trang web/website thống kê ASEAN được cải tiến; Nhiều số liệu/thông tin thống kê được phổ biến	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)
				2	Phổ biến số liệu được thực hiện bằng cách sử dụng công nghệ và phương tiện truyền thông phù hợp, đồng thời tận dụng hệ thống phổ biến thông tin dựa trên trang web	2017 - 2025
				3	Các chính sách về dữ liệu mở, dữ liệu lớn, cách mạng dữ liệu, sử dụng dữ liệu GIS/địa lý không gian, dữ liệu tích hợp chi tiết, các sáng kiến khác cũng như các chính sách hỗ trợ được Ủy ban ACSS thảo luận và nhất trí	2016 - 2017
	3-2 và 3-3	2	Tăng cường xây dựng và thực hiện các chính sách về chia sẻ dữ liệu, bảo mật thông tin, phổ biến và truyền thông thông tin thống kê	1	Chính sách về lịch phổ biến thông tin, chỉnh sửa thông tin cho tất cả các lĩnh vực thống kê chính được xây dựng	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)
				2	Lịch phổ biến thông tin của ASEANstats được xây dựng và phổ biến	2016 - 2025
				3	Phổ biến thông tin được thực hiện theo lịch phổ biến và chính sách chỉnh sửa thông tin	2016 - 2025

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
3-3, 3-4 và 3-5	3	Cập nhật và cải thiện tính sẵn có của số liệu thống kê hội nhập ASEAN, gồm những số liệu hỗ trợ Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, Kế hoạch tổng thể AEC 2025, ASCC 2025 và APSC 2025 trong cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN	1	Cơ sở dữ liệu về IMTS, FDIS, SITS và các chỉ tiêu MDGs, ACPMS được cập nhật và mở rộng	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)	
			2	Số liệu thống kê phục vụ Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, Kế hoạch tổng thể AEC 2025, ASCC 2025 và APSC 2025 được đưa vào cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN	2016 - 2025	
			3	Cơ sở dữ liệu của các chỉ tiêu thống kê mới được xác định trong ASI, gồm cả Tài khoản quốc gia, được xây dựng và cập nhật	2017 - 2025	
			4	Sản xuất và tiếp cận số liệu thống kê tổng hợp được cải thiện	2017 - 2025	
b Thực hiện cấp quốc gia						
3-4	1	Tăng cường phổ biến số liệu thống kê thông qua các trang web được cải tiến để người dùng tin có thể tiếp cận và biết về số liệu thống kê ASEAN	1	Trang thống kê ASEAN trên trang web của các nước thành viên được cải thiện, nhiều thông tin/số liệu thống kê ASEAN được phổ biến	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào năng lực của Hệ thống thống kê quốc gia của các AMS)	
			2	Phổ biến số liệu được thực hiện bằng cách sử dụng công nghệ và phương tiện truyền thông phù hợp, đồng thời tận dụng hệ thống phổ biến thông tin dựa trên trang web	2017 - 2025	
			3	Các chính sách về dữ liệu mở, dữ liệu lớn, cách mạng dữ liệu, sử dụng dữ liệu GIS/địa lý không gian, dữ liệu tích hợp chi tiết được Hệ thống thống kê quốc gia các AMS xây dựng	2016 - 2017	
3-2 và 3-3	2	Tăng cường xây dựng và thực hiện các chính sách về chia sẻ dữ liệu, bảo mật thông tin, phổ biến và truyền thông thông tin thống kê	1	Lịch phổ biến thông tin và chính sách chỉnh sửa thông tin của các lĩnh vực thống kê chính được xây dựng và thực hiện	2016 - 2025	
			2	Phổ biến thông tin ở các nước được thực hiện theo lịch phổ biến và chính sách chỉnh sửa thông tin	2016 - 2025	

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
3-3, 3-4 và 3-5	3	Cập nhật và cải thiện tính sẵn có của số liệu thống kê hội nhập ASEAN, gồm những số liệu hỗ trợ Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, Kế hoạch tổng thể AEC 2025, ASCC 2025 và APSC 2025 trong cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN	1	Số liệu thống kê IMTS, FDIS, SITS và các chỉ tiêu MDGs, ACPMS, kể cả các chỉ tiêu hỗ trợ Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, Kế hoạch tổng thể AEC 2025, ASCC 2025, và APSC 2025 được cung cấp cho ASEANstats	2016-2025 (Phụ thuộc vào năng lực của Hệ thống thống kê quốc gia của các AMS)	
			2	Các chỉ tiêu thống kê mới được xác định trong ASI, gồm cả Tài khoản quốc gia, được cung cấp cho ASEANstats	2017 - 2025	
			3	Sản xuất và tiếp cận số liệu thống kê tổng hợp được cải thiện	2017 - 2025	
3.3 Tăng cường phổ biến số liệu thông qua hoàn thiện các ấn phẩm/báo cáo thống kê ASEAN						
a Thực hiện cấp khu vực						
3-3 và 3-4	1	Phổ biến định kỳ số liệu thống kê ASEAN thông qua Niên giám Thống kê ASEAN, Cộng đồng ASEAN qua các con số (ACIF), AEC Chartbook và tờ rơi thống kê ASEAN	1	Ấn phẩm báo cáo thống kê thường kỳ/thường niên được xuất bản theo lịch phổ biến thông tin	2016 - 2025	
3-3 và 3-4	2	Phổ biến báo cáo thống kê IMTS, FDIS, SITS và các báo cáo thống kê MDGs/SDGs	1	Báo cáo thống kê IMTS, FDIS, SITS được xây dựng và công bố trên trang web ASEAN theo lịch phổ biến thông tin	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)	
			2	Các chỉ tiêu chính MDGs/SDGs và ACPMS được cập nhật và công bố thường niên thông qua trang web ASEAN theo lịch phổ biến thông tin	2016 - 2025	
			3	Báo cáo thống kê về MDGs/SDGs và ACPMS được phổ biến 2 năm một lần theo lịch phổ biến thông tin	2017 - 2025	
3-4 và 3-5	3	Phổ biến các chỉ tiêu/số liệu ASEAN chính khác để phục vụ Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, Kế hoạch tổng thể AEC 2025, ASCC 2025 và APSC 2025	1	Biểu mẫu các chỉ tiêu thống kê ASEAN chính khác (ví dụ như chỉ tiêu giám sát hội nhập, kết nối ASEAN) được xây dựng	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)	
			2	Các chỉ tiêu thống kê ASEAN chính khác (như giám sát hội nhập, kết nối ASEAN, SDGs/MDGs, Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, Kế hoạch tổng thể AEC 2025, ASCC 2025 và APSC 2025) được cập nhật và công bố thường kỳ trên trang web ASEAN theo lịch phổ biến thông tin	2017 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)	

(Tiếp theo)

Cấu phần chính		Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
b	Thực hiện cấp quốc gia				
	3-3 và 3-4	1 Phổ biến định kỳ số liệu thống kê ASEAN thông qua Niên giám Thống kê ASEAN, Cộng đồng ASEAN qua các con số (ACIF), AEC Chartbook và tờ rơi thống kê ASEAN	1	Các quốc gia thực hiện cung cấp số liệu theo yêu cầu và kiểm tra số liệu	2016 - 2025
	3-3 và 3-4	2 Phổ biến báo cáo thống kê IMTS, FDIS, SITS và các báo cáo thống kê MDGs/SDGs	1	Các quốc gia thực hiện cung cấp số liệu theo yêu cầu và kiểm tra số liệu	2016 - 2025
	3-4 và 3-5	3 Phổ biến các chỉ tiêu/số liệu ASEAN chính khác để phục vụ Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, Kế hoạch tổng thể AEC 2025, ASCC 2025 và APSC 2025	1	Các quốc gia thực hiện cung cấp số liệu theo yêu cầu và kiểm tra số liệu	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)
3.4	Đẩy mạnh truyền thông, nhận thức về thống kê và sự hiện diện của số liệu thống kê ASEAN				
a	Thực hiện cấp khu vực				
	3-2, 3-3 và 3-4	1 Thực hiện Chiến lược truyền thông ASEAN nhằm nâng cao nhận biết và nhận thức về số liệu thống kê ASEAN (thông qua thông cáo báo chí thường kỳ, phát hành các ấn phẩm nhanh và các số liệu thống kê chính của ASEAN, sử dụng thông tin đồ họa và các công cụ phổ biến dữ liệu khác cũng như các hoạt động nâng cao nhận thức và quảng bá về thống kê)	1	Phương pháp tiếp cận đối tác trong xây dựng năng lực về quan hệ công chúng và thông cáo báo chí thống kê được thực hiện và tăng cường	2016 - 2025 (Phụ thuộc vào quá trình tăng cường năng lực cho ASEANstats)
			2	Thông cáo báo chí thống kê ASEAN được công bố ít nhất 4 lần/năm (cùng với công bố các ấn phẩm)	2016 - 2025
			3	Thông cáo báo chí cho một số lĩnh vực thống kê ASEAN được công bố đồng thời ở một số/tất cả các nước thành viên và ASEANstats, ít nhất 2 lần/năm	2016 - 2025
			4	Phổ biến số liệu thống kê ASEAN thường kỳ	2016 - 2025
			5	Tóm tắt/báo cáo nhanh ACPMS thường kỳ được phổ biến tới các cơ quan ASEAN cấp cao tới công chúng và giới truyền thông	2016 - 2025
			6	Tóm tắt/báo cáo nhanh MDGs/SDGs thường kỳ được phổ biến tới các cơ quan ASEAN cấp cao, tới công chúng và giới truyền thông	2016 - 2025

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
				7	Phổ biến thường kỳ các thông tin về ACSS, Chiến lược, chương trình, tài liệu hướng dẫn, tiêu chuẩn thống kê cho các cơ quan sản xuất số liệu có liên quan và trong nội bộ Cơ quan thống kê quốc gia	2016 - 2025
				8	Hoạt động phổ biến nội dung của các cuộc họp quan trọng của khu vực được hình thành, áp dụng thử nghiệm tại các AMS và được áp dụng rộng rãi	2016 2020 - 2025
				9	Việc phổ biến nội dung của các cuộc họp quan trọng của khu vực (Ủy ban ACSSS, SCPC và các cuộc họp quan trọng khác của các Nhóm công tác) được ASEANstats thực hiện	2016 - 2025
				10	Tài liệu nâng cao nhận thức về thống kê được biên soạn và phổ biến	2016 - 2025
				11	Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người dùng tin được thực hiện và mở rộng	2016 - 2025
				12	Thuật ngữ thống kê thông dụng được biên soạn và cập nhật	2016 - 2025
				13	Đào tạo khu vực cho cán bộ thống kê ACSS về đồ họa thông tin và các công cụ phổ biến dữ liệu khác được thực hiện	2016 - 2025
b Thực hiện cấp quốc gia						
3-2, 3-3 và 3-4	1	Thực hiện Chiến lược truyền thông ASEAN nhằm nâng cao nhận biết và nhận thức về số liệu thống kê ASEAN (thông qua thông cáo báo chí thường kỳ, phát hành các ấn phẩm nhanh và các số liệu thống kê chính của ASEAN, sử dụng thông tin đồ họa và các công cụ phổ biến dữ liệu khác cũng như các hoạt động nâng cao nhận thức và quảng bá về thống kê)	1	Phương pháp tiếp cận đối tác trong xây dựng năng lực về quan hệ công chúng và thông cáo báo chí thống kê được thực hiện và tăng cường ở các AMS	2016 - 2025	
			2	Thông cáo báo chí cho một số lĩnh vực thống kê ASEAN được công bố đồng thời ở một số/tất cả các nước thành viên và ASEANstats, ít nhất 2 lần/năm	2016 - 2025	

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
				3	Phổ biến số liệu thống kê ASEAN thường kỳ	2016 - 2025
				4	Phổ biến thường kỳ các thông tin về ACSS, Chiến lược, chương trình, tài liệu hướng dẫn, tiêu chuẩn thống kê cho các cơ quan sản xuất số liệu có liên quan và trong nội bộ Cơ quan thống kê quốc gia	2016 - 2025
				5	Việc phổ biến nội dung của các cuộc họp quan trọng của khu vực (Ủy ban ACSSS, SCPC và các cuộc họp quan trọng khác của các Nhóm công tác) được thực hiện ít nhất 2 nước thành viên mỗi năm	2016 - 2025
				6	Thuật ngữ thống kê thông dụng được các AMS xây dựng	2016 - 2025
				7	Tham gia đào tạo về thông tin đồ họa và các công cụ phổ biến dữ liệu khác	2016 - 2025
4 Thu hẹp khoảng cách phát triển						
4.1 Tăng cường hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) cho các nước Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam (CLMV) để thực hiện các sáng kiến của ACSS						
a Thực hiện cấp khu vực						
	4-1	1	Đánh giá và nâng cao năng lực CNTT nhằm hỗ trợ các nước, nhất là các nước CLMV, sản xuất và phổ biến số liệu thống kê IMTS, FDIS và SITS	1	CSDL cấp quốc gia và cơ chế điều phối thu thập thông tin (từ các cơ quan nhà nước cung cấp số liệu) được xây dựng	2016 - 2025
				2	Phần mềm, phần cứng ICT và các chương trình đào tạo liên quan được cung cấp/cập nhật, trong đó ưu tiên hỗ trợ các nước CLMV	2017 - 2025
b Thực hiện cấp quốc gia						
	4-2	1	Đánh giá và nâng cao năng lực CNTT nhằm hỗ trợ sản xuất và phổ biến số liệu thống kê IMTS, FDIS và SITS	1	CSDL cấp quốc gia và cơ chế điều phối thu thập thông tin (từ các cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu chính) được xây dựng	2016 - 2025
				2	Phần mềm, phần cứng ICT và các chương trình đào tạo liên quan được cung cấp/cập nhật	2017 - 2025

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính		Thời gian thực hiện
4.2 Đảm bảo hỗ trợ thường xuyên cho các nước CLMV trong xây dựng năng lực							
a Thực hiện cấp khu vực							
	4-1	1	Xây dựng năng lực về CNTT và CSDL nói chung cho các nước CLMV	1	Đào tạo/Tập huấn/Hỗ trợ kỹ thuật về nâng cao kỹ năng CNTT và CSDL được thực hiện ở các nước CLMV	2017 - 2025	
	4-1	2	Tổ chức các khóa đào tạo dài hạn/bằng cấp cao hơn về thống kê và đào tạo tin học cho các nước CLMV	1	Nhu cầu đào tạo của các nước CLMV được đánh giá và cập nhật	2016 - 2025	
				2	Đào tạo chính quy dài hạn/cấp bằng sau đại học về thống kê và cấp học bổng cho các nước CLMV dựa trên kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo	2016 - 2025	
	4-1	3	Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật đặc biệt/xây dựng năng lực về những lĩnh vực cụ thể của IMTS, FDIS và SITS cho các nước CLMV để bắt kịp với các nước khác	1	Hỗ trợ kỹ thuật về IMTS, FDIS, SITS được cung cấp cho các nước CLMV	2016 - 2025	
b Thực hiện cấp quốc gia							
	4-2	1	Xây dựng năng lực về CNTT và CSDL nói chung	1	Đào tạo/Tập huấn/Hỗ trợ kỹ thuật về nâng cao kỹ năng CNTT và CSDL được thực hiện ở các nước CLMV	2016 - 2025	
	4-2	2	Tổ chức các khóa đào tạo dài hạn/bằng cấp cao hơn về thống kê, đào tạo về tin học	1	Nhu cầu đào tạo của các nước CLMV được đánh giá và cập nhật	2016 - 2025	
				2	Đào tạo chính quy dài hạn/cấp bằng sau đại học về thống kê và cấp học bổng cho các nước CLMV dựa trên kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo	2016 - 2025	
	4-1	3	Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật /xây dựng năng lực trong các lĩnh vực IMTS, FDIS, SITS cho các nước CLMV để bắt kịp với các nước khác	1	Hỗ trợ kỹ thuật về IMTS, FDIS, SITS được cung cấp cho các nước CLMV	2016 - 2025	

(Tiếp theo)

Cấu phần chính			Các hoạt động		Kết quả/sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
4.3 Tăng cường hợp tác ASEAN giúp ASEAN						
a	Thực hiện cấp khu vực					
4-2	1	Tăng cường thực hiện cơ chế ASEAN giúp ASEAN nhằm triển khai các chương trình/kế hoạch của các Nhóm công tác	1	Nhóm các chuyên gia thống kê ASEAN được hình thành và đi vào hoạt động	2016 - 2025	
			2	Nghiên cứu khảo sát/chương trình trao đổi/thực tập sinh/biệt phái tình nguyện giữa các AMS và ASEANstats được thực hiện	2016 - 2025	
			3	Chương trình đối tác và phát triển cơ sở dữ liệu được thực hiện ở những lĩnh vực thống kê chủ yếu	2017 - 2025	
			4	Quan hệ đối tác trong phổ biến các hoạt động quan trọng của ACSS/ASEAN được thực hiện	2016 - 2025	
			5	Quan hệ đối tác trong giám sát AWP/NSDS được thực hiện	2018 - 2025	
b	Thực hiện cấp quốc gia					
4-2	1	Tăng cường thực hiện cơ chế ASEAN giúp ASEAN nhằm triển khai các chương trình/kế hoạch của các Nhóm công tác	1	Nhóm các chuyên gia thống kê ASEAN được hình thành và đi vào hoạt động	2016 - 2025	
			2	Nghiên cứu khảo sát/chương trình trao đổi/thực tập sinh/biệt phái tình nguyện giữa các AMS và ASEANstats được thực hiện	2016 - 2025	
			3	Chương trình đối tác được thực hiện ở những lĩnh vực thống kê chủ yếu	2017 - 2025	

Phụ lục 4

CHÍNH SÁCH VÀ HƯỚNG DẪN VỀ CHIA SẺ, BẢO MẬT VÀ PHỔ BIẾN SỐ LIỆU THỐNG KÊ ASEAN

BỐI CẢNH

Bộ phận Thống kê ASEAN (ASEANstats) có trách nhiệm thu thập và cung cấp số liệu thống kê ASEAN phục vụ công tác lập chính sách của Cộng đồng ASEAN và phổ biến thông tin thống kê ASEAN đến các đối tượng dùng tin, từ các bên hữu quan của ASEAN như Chính phủ các quốc gia thành viên ASEAN và các cơ quan khác của ASEAN đến các doanh nghiệp, nhà phân tích, nhà nghiên cứu, các tổ chức quốc tế và công chúng.

Số liệu thống kê ASEAN bao gồm số liệu do cơ quan thống kê và các cơ quan sản xuất số liệu thống kê khác thuộc Hệ thống thống kê quốc gia (NSS) tại các quốc gia thành viên ASEAN sản xuất, như Ngân hàng Trung ương, Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại và các cơ quan khác.

Ủy ban ACSS giao cho Nhóm công tác về Chia sẻ, phân tích, phổ biến số liệu và truyền thông thống kê (WGDSA) phối hợp chặt chẽ với Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối (SCPC) xây dựng chính sách về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN.

Chính sách và hướng dẫn này sẽ được rà soát, cập nhật để đảm bảo tính phù hợp với bối cảnh mới.

MỤC TIÊU

Chính sách và hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN tuân thủ các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN (CoP), các Nguyên tắc hoạt động thống kê của thống kê nhà nước do Liên hợp quốc xây dựng và các tiêu chuẩn thống kê quốc tế khác. Chính sách và hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN được xây dựng nhằm:

- Giúp người dùng tin tiếp cận nhiều hơn số liệu thống kê ASEAN;
- Tăng cường độ tin cậy của số liệu thống kê ASEAN nhằm tạo niềm tin cho công chúng đối với số liệu thống kê ASEAN;
- Giải quyết những vấn đề mang tính kỹ thuật và các thách thức phát sinh trong quá trình phổ biến số liệu thống kê ASEAN;
- Giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra quyết định dựa vào bằng chứng.

PHẠM VI

Để đạt được những mục tiêu nêu trên, Chính sách và hướng dẫn về chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu thống kê ASEAN bao gồm các yếu tố sau:

(1) Tính bảo mật và an ninh của số liệu

(2) Chia sẻ số liệu: công bố thông tin, khả năng tiếp cận và tính sẵn có của số liệu:

a. Công bố số liệu;

b. Phổ biến và truyền thông số liệu;

c. Sử dụng các phương pháp ước tính đối với những chỉ tiêu một số quốc gia thành viên ASEAN không có để biên soạn số liệu tổng hợp của ASEAN;

d. Lịch công bố thông tin.

(3) Tính trung thực và khả năng giải trình:

a. Sự minh bạch/Dữ liệu đặc tả;

b. Điều chỉnh số liệu.

Cụ thể như sau:

(1) Tính bảo mật và an ninh số liệu

Chính sách và hướng dẫn về tính bảo mật và an ninh tuân thủ Nguyên tắc thứ 3 của CoP về bảo mật: "Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats có trách nhiệm bảo mật thông tin của các hộ gia đình, doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp và những đối tượng cung cấp thông tin khác".

1.1. Các quốc gia thành viên ASEAN cung cấp cho ASEANstats các thông tin chi tiết quy định trong Luật và/hoặc các văn bản pháp lý, hoặc các quy chế liên quan đến bảo mật và/hoặc an ninh số liệu;

1.2. ASEANstats có trách nhiệm bảo mật thông tin thống kê trong quá trình sản xuất và phổ biến số liệu thống kê ASEAN thông qua:

1.2.1. Tuân thủ các yêu cầu về bảo mật số liệu được quy định trong Luật và/hoặc các văn bản pháp lý liên quan đến bảo mật số liệu của mỗi quốc gia khi nhận số liệu từ các quốc gia thành viên ASEAN;

1.2.2. Chỉ sử dụng số liệu nhận được từ các quốc gia thành viên ASEAN cho mục đích thống kê;

1.2.3. Thông báo cho các quốc gia thành viên ASEAN về số liệu của mỗi nước được sử dụng như thế nào;

1.2.4. Đảm bảo tất cả những chủ thể liên quan đến sản xuất số liệu thống kê ASEAN ý thức đầy đủ nghĩa vụ bảo mật số liệu nhận được từ các quốc gia thành viên ASEAN.

1.3. ASEANstats cùng Nhóm WGDSA có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy tắc tổng hợp số liệu nhằm ngăn chặn tiết lộ thông tin khi phổ biến số liệu thống kê ASEAN;

1.4. ASEANstats có trách nhiệm rà soát số liệu thống kê ASEAN trước khi phổ biến để tránh tình trạng gián tiếp tiết lộ thông tin định danh cá nhân và xây dựng các bảng biểu, sản phẩm đầu ra đảm bảo không tiết lộ thông tin cá nhân;

1.5. ASEANstats cùng Nhóm WGDSA có trách nhiệm cung cấp thông tin về các điều khoản và điều kiện quy định việc sản xuất và phổ biến số liệu thống kê, bao gồm đảm bảo tính bảo mật của số liệu;

1.6. ASEANstats đảm bảo cơ sở hạ tầng vật chất và kỹ thuật để bảo vệ an ninh và sự toàn vẹn của cơ sở dữ liệu và lưu trữ thống kê;

1.7. Thống kê ASEAN xây dựng các tiêu chuẩn nhằm đảm bảo bảo mật thông tin theo quy định của Luật/các văn bản pháp lý về thống kê của các quốc gia thành viên ASEAN nhằm đảm bảo số liệu thống kê được phổ biến sẽ không tiết lộ thông tin định danh của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào.

(2) Chia sẻ số liệu: Công bố thông tin, khả năng tiếp cận và tính sẵn có của số liệu

Chính sách và hướng dẫn về công bố thông tin, khả năng tiếp cận và tính sẵn có của số liệu tuân thủ nguyên tắc và các chỉ tiêu sau trong CoP:

Nguyên tắc chính thứ 8 về chất lượng: "Cơ quan thống kê quốc gia các nước thành viên ASEAN và ASEANstats cần cam kết đảm bảo chất lượng của thông tin thống kê; thường xuyên rà soát, cải tiến chất lượng của các sản phẩm và quy trình thống kê".

Chỉ tiêu 8.3 về Tính kịp thời: "Xây dựng lịch phổ biến thông tin thống kê ASEAN ở cả cấp quốc gia và khu vực ASEAN, chu kỳ công bố số liệu thống kê cần tính đến nhu cầu của người dùng tin".

Chỉ tiêu 8.4 về Tính so sánh: "Số liệu thống kê ASEAN phải đảm bảo so sánh được và đảm bảo sự tương thích trong phân tổ chi tiết giữa hệ thống phân ngành quốc gia và hệ thống phân ngành tương ứng của ASEAN".

Chỉ tiêu 8.5 về Tính dễ tiếp cận: "Thông tin thống kê ASEAN sản xuất ra cần được phổ biến thông qua việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại cũng như các xuất bản phẩm truyền thống".

2.1. Công bố thông tin

2.1.1. Các quốc gia thành viên ASEAN có trách nhiệm cung cấp số liệu thống kê quốc gia cho ASEANstats để biên soạn số liệu thống kê ASEAN theo mục đích và biểu mẫu quy định;

2.1.2. Các Nhóm công tác và Nhóm chuyên trách thuộc Ủy ban ACSS có trách nhiệm xác định số liệu thống kê các quốc gia thành viên ASEAN cần cung cấp cho ASEANstats theo phương thức truyền gửi, biểu mẫu quy định;

2.1.3. ASEANstats không được phép trình bày dữ liệu của các quốc gia dưới dạng so sánh;

2.1.4. Đối với Thống kê thương mại hàng hóa quốc tế (IMTS)

- ASEANstats phổ biến số liệu IMTS theo mã HS đến 6 chữ số trong REXDBS, Niên giám Thống kê IMTS và trên các phương tiện thông tin khác;

- Các quốc gia thành viên ASEAN cung cấp số liệu IMTS theo ngành cấp 8 của AHTN phục vụ phân tích số liệu nội khối ASEAN.

2.1.5. Đối với Thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDIS)

- ASEANstats phổ biến số liệu thống kê FDIS tổng hợp đã được Nhóm công tác về Thống kê đầu tư quốc tế (WGIIS) đồng thuận;

- Các quốc gia thành viên ASEAN cung cấp số liệu FDIS dựa trên biểu mẫu đã được Nhóm WGIIS đồng thuận để phục vụ phân tích số liệu nội khối ASEAN.

2.1.6. Đối với Thống kê thương mại quốc tế về dịch vụ (SITS)

- ASEANstats phổ biến số liệu thống kê SITS tổng hợp đã được Nhóm công tác về Thống kê thương mại quốc tế về dịch vụ (WGSITS) đồng thuận;

- Các quốc gia thành viên ASEAN cung cấp số liệu SITS dựa trên biểu mẫu đã được Nhóm WGSITS đồng thuận để phục vụ phân tích số liệu nội khối ASEAN.

2.1.7. Đối với các lĩnh vực thống kê và các ấn phẩm thống kê chuyên biệt khác, ASEANstats có trách nhiệm tham vấn với Nhóm WGDSA và các Nhóm công tác có liên quan để trình lên Ủy ban ACSS thông qua;

2.1.8. Các Nhóm công tác và Nhóm chuyên trách thuộc Ủy ban ACSS tiến hành rà soát định kỳ về mức độ chi tiết của số liệu thống kê.

2.2. Phổ biến và truyền thông số liệu

2.2.1 Số liệu thống kê ASEAN sẽ được ASEANstats và các quốc gia thành viên ASEAN phổ biến bằng cách sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu người dùng tin;

2.2.2. ASEANstats xây dựng cơ chế rà soát định kỳ việc phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN để cải thiện sự hiện diện và tính so sánh được của số liệu thống kê ASEAN cũng như thúc đẩy người dùng tin sử dụng số liệu thống kê ASEAN;

2.2.3. ASEANstats được phép cung cấp số liệu thống kê cấp khu vực ASEAN cho các tổ chức thống kê quốc tế khác với điều kiện phải tuân thủ Chính sách và hướng dẫn về bảo mật số liệu được nêu ở mục I nói trên và phải đưa ra các điều khoản/điều kiện đối với việc sử dụng các số liệu thống kê đó;

2.2.4. ASEANstats được phép cung cấp số liệu thống kê cấp khu vực ASEAN đã có trên trang web và các ấn phẩm của ASEAN cho bên cung cấp số liệu thứ 3 và phải đưa ra các điều khoản/điều kiện đối với việc sử dụng các số liệu thống kê đó;

2.2.5. ASEANstats được phép cung cấp các số liệu thống kê cấp khu vực và quốc gia khác khi được các quốc gia thành viên ASEAN cho phép.

2.3. Ước tính số liệu đối với chỉ tiêu các quốc gia thành viên ASEAN không có để biên soạn số liệu tổng hợp cho khu vực ASEAN

2.3.1. ASEANstats sử dụng số liệu do các quốc gia thành viên ASEAN cung cấp để biên soạn các ấn phẩm thống kê của ASEAN;

2.3.2. Trường hợp một số quốc gia không có số liệu:

- Thống kê ASEAN sẽ tham vấn các quốc gia thành viên ASEAN đó để ước tính những số liệu còn thiếu; hoặc

- ASEANstats sử dụng “ước tính của ASEAN” hoặc “ước tính của các tổ chức quốc tế” sau khi tham vấn và được các quốc gia đó đồng thuận về phương pháp ước tính. Trong trường hợp “ước tính của ASEAN” và “ước tính của các

tổ chức quốc tế” không được chấp thuận, ASEANstats sẽ không đưa số liệu ước tính của các quốc gia thành viên ASEAN đó vào bảng tổng hợp và chú thích phù hợp.

2.3.3. Trong trường hợp có số liệu quốc gia hoặc có số liệu ước tính của các quốc gia thành viên ASEAN, ASEANstats sẽ xuất bản số liệu hoặc số liệu ước tính dưới dạng tổng hợp cho cả khu vực ASEAN, cho nhóm quốc gia, và cho từng quốc gia;

2.3.4. Trong trường hợp có số liệu quốc gia nhưng có còn thiếu một vài số liệu, ASEANstats sẽ ước tính số liệu và tham vấn với các quốc gia thành viên ASEAN để được đồng thuận. Nếu không đạt được đồng thuận về phương pháp luận, ASEANstats chỉ được phép xuất bản số liệu ước tính cho cả khu vực ASEAN với chú thích phù hợp;

2.3.5. Việc sử dụng số liệu và số liệu ước tính từ các tổ chức quốc tế có thể được xuất bản ở cấp ASEAN, nhóm quốc gia, hoặc quốc gia sau khi tham vấn và được các quốc gia thành viên ASEAN có liên quan đồng thuận. Nếu không được các quốc gia thành viên ASEAN đồng thuận, ASEANstats sẽ chỉ xuất bản số liệu tổng hợp cho cả khu vực ASEAN với chú thích phù hợp.

2.4. Lịch công bố thông tin thống kê

2.4.1. Các quốc gia thành viên ASEAN có trách nhiệm xây dựng lịch công bố thông tin thống kê đối với các số liệu thống kê quốc gia;

2.4.2. ASEANstats cùng với Nhóm WGDSA, trên cơ sở tham vấn với các Nhóm công tác liên quan, có trách nhiệm xây dựng lịch công bố thông tin thống kê đối với số liệu thống kê và các sản phẩm thống kê của ASEAN, bao gồm nhưng không giới hạn theo danh mục dưới đây:

- Niên giám Thống kê ASEAN;
- Cộng đồng ASEAN qua các con số (ACIF);
- Biểu đồ kinh tế ASEAN;
- Tờ rơi thống kê ASEAN;
- Tóm lược ASEAN;
- Hệ thống Giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN (ACPMS);
- Báo cáo thống kê ASEAN về Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs);

- Niên giám Thống kê ASEAN về Thống kê thương mại hàng hóa quốc tế;
- Bản tin hàng quý về Thống kê thương mại hàng hóa quốc tế (IMTS);
- Bản tin Thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài (FSIS);
- Bản tin Thống kê thương mại quốc tế về dịch vụ (SITS);

2.4.3. ASEANstats có trách nhiệm đảm bảo thông tin không bị tiết lộ trước, và chỉ công bố thông tin theo các thủ tục công bố đã được quy định;

2.4.4. Định kỳ và tính kịp thời của số liệu thống kê ASEAN do ASEANstats công bố sẽ tuân theo các tiêu chuẩn phổ biến thông tin do Nhóm WGDSA xác định trên cơ sở tham vấn của các Nhóm công tác liên quan;

2.4.5. Các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats có trách nhiệm thông báo về những thay đổi trong lịch công bố thông tin thống kê tới người dùng tin trên các trang web của mình.

(3) Tính trung thực và khả năng giải trình

Chính sách và hướng dẫn về tính trung thực và khả năng giải trình tuân theo những nguyên tắc chủ yếu sau trong CoP:

Nguyên tắc 2 về Tính chuyên nghiệp và trung thực: "Cơ quan thống kê các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats quyết định các bước khác nhau của hoạt động thống kê từ thu thập đến phổ biến số liệu dựa trên sự xem xét chặt chẽ về mặt chuyên môn, phương pháp và quy trình thống kê".

Nguyên tắc 4 về Khả năng giải trình: "Số liệu thống kê ASEAN được trình bày với hình thức rõ ràng, dễ hiểu, đồng thời cung cấp các thông tin về nguồn số liệu và phương pháp tính, được phổ biến theo cách thức thích hợp, thuận tiện cho người sử dụng, và nêu rõ những hạn chế của số liệu".

Chỉ tiêu 8.2 về Độ tin cậy trong nguyên tắc 8 về Chất lượng: "Hình thành các cơ chế giám sát để thường xuyên rà soát và cải thiện chất lượng của quy trình và sản phẩm thống kê".

3.1. Sự minh bạch của số liệu

3.1.1. ASEANstats trình bày số liệu ASEAN dưới hình thức dễ hiểu và đảm bảo so sánh được, chẳng hạn như thông qua sự rõ ràng của văn bản, bảng biểu, biểu đồ và các hình thức trực quan khác, dựa trên các xem xét về chuyên môn và độc lập về mặt chính trị;

3.1.2. Các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats có trách nhiệm cung cấp các tài liệu liên quan đến định nghĩa, phạm vi, phân ngành, nguồn số liệu và phương pháp tính các chỉ tiêu;

3.1.3. Các quốc gia thành viên ASEAN gửi số liệu cho ASEANstats cùng với dữ liệu đặc tả, các bảng biểu tương ứng khi được yêu cầu để tạo thuận lợi cho việc so sánh, giải thích và phân tích thống kê;

3.1.4. Các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats có trách nhiệm công bố giá các sản phẩm và dịch vụ thống kê cũng như hình thức thanh toán, nếu cần;

3.1.5. Các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats có trách nhiệm phản hồi kịp thời đối với cách hiểu sai hoặc sử dụng sai số liệu thống kê;

3.1.6. Các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats có trách nhiệm hiệu chỉnh lỗi của các số liệu đã được công bố khi phát hiện ra những sai sót này.

3.2. Điều chỉnh số liệu

3.2.1. Các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats có trách nhiệm thông báo tới các đối tượng dùng tin khi điều chỉnh số liệu;

3.2.2. Các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats có trách nhiệm nêu rõ các loại số liệu: số liệu sơ bộ, số liệu đã được thay đổi năm gốc hoặc đã được điều chỉnh và giải thích rõ việc điều chỉnh số liệu với người dùng tin.

Phụ lục 5

KHUNG HỢP TÁC THỐNG KÊ ASEAN

GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

MỤC TIÊU

Mục tiêu tổng thể của Khung hợp tác thống kê ASEAN nhằm tăng cường tổ chức và năng lực thống kê của ASEAN để sản xuất số liệu thống kê kịp thời và có tính so sánh, hỗ trợ Cộng đồng ASEAN giám sát tiến trình hội nhập, hướng tới việc thành lập Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN (ACSS) vào năm 2015.

Khung hợp tác thống kê ASEAN đề ra các mục tiêu cụ thể sau:

- Thiết lập khung thể chế phù hợp và mang tính bắt buộc đối với thống kê ASEAN trong các lĩnh vực thống kê chủ yếu nhằm tăng cường hợp tác thống kê giữa các Hệ thống thống kê quốc gia với Ban Thư ký ASEAN;

- Tăng cường công tác lập kế hoạch, quản trị và giám sát quá trình phát triển của Thống kê ASEAN dựa trên cơ sở quy trình đã được AHSOM xây dựng và các Chiến lược phát triển thống kê quốc gia;

- Tăng cường năng lực cho các Hệ thống thống kê quốc gia và Ban Thư ký ASEAN thông qua tăng cường hợp tác kỹ thuật, xây dựng năng lực và thực hiện cơ chế ASEAN giúp ASEAN nhằm sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN;

- Tăng cường khả năng so sánh của số liệu thống kê ASEAN thông qua việc áp dụng các định nghĩa, bảng phân loại đã được hài hòa và các phương pháp luận phù hợp với các tiêu chuẩn, hướng dẫn, khuyến nghị quốc tế;

- Hỗ trợ các cơ quan cấp khu vực ASEAN và cấp quốc gia lập kế hoạch và chính sách thông qua việc cung cấp số liệu thống kê ASEAN kịp thời và có tính so sánh;

- Tăng cường đối thoại giữa những người sản xuất số liệu thống kê ASEAN với người dùng tin nhằm xác định các ưu tiên thống kê và thúc đẩy việc sử dụng rộng rãi số liệu thống kê;

- Vận động sự ủng hộ và cam kết mạnh mẽ từ các nhà lập chính sách ASEAN và chính phủ các quốc gia thành viên nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho các chương trình, dự án và hoạt động thống kê;

- Tạo niềm tin cho người dùng tin, nâng cao trách nhiệm giải trình và áp dụng các tiêu chuẩn thống kê bằng cách xây dựng các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN làm kim chỉ nam cho việc sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê phù hợp với các Nguyên tắc cơ bản của thống kê nhà nước của Liên hợp quốc; thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm, hoạt động thực tiễn giữa các Hệ thống thống kê quốc gia;

- Tăng cường vị thế của ACSS trên trường quốc tế.

HỆ THỐNG THỐNG KÊ CỘNG ĐỒNG ASEAN (ACSS)

ACSS là “quan hệ đối tác trong nội bộ các Hệ thống thống kê quốc gia của các quốc gia thành viên ASEAN, và giữa các Hệ thống thống kê quốc gia của các quốc gia thành viên ASEAN với các Hội đồng thuộc Cộng đồng ASEAN và Ban Thư ký ASEAN”. Là một phần không thể tách rời của Cộng đồng ASEAN, ACSS sẽ bao gồm:

- Ủy ban ACSS là cơ quan ra quyết định và điều phối khu vực cao nhất về thống kê ASEAN;

- Hệ thống thống kê quốc gia của tất cả các quốc gia thành viên ASEAN, trong đó Cơ quan thống kê quốc gia là đầu mối quốc gia về thống kê ASEAN;

- Ban Thư ký ASEAN (thông qua ASEANstats) là đầu mối khu vực, bộ phận hỗ trợ kỹ thuật và giúp việc của Ủy ban ACSS;

- Hội đồng thuộc Cộng đồng ASEAN là đối tượng dùng tin chính.

VAI TRÒ VÀ LIÊN KẾT THỂ CHẾ

Ủy ban ACSS

Ủy ban ACSS gồm Thủ trưởng hoặc người đứng đầu Cơ quan Thống kê quốc gia của tất cả các quốc gia thành viên ASEAN và người đứng đầu ASEANstats của Ban Thư ký ASEAN.

Chức năng chính của Ủy ban là đảm bảo cung cấp số liệu thống kê ASEAN kịp thời và có tính so sánh thông qua các chính sách và tiêu chuẩn thống kê của khu vực, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thống kê ở cấp quốc gia, thúc đẩy quá trình xây dựng năng lực thể chế và nguồn nhân lực.

Ủy ban ACSS thiết lập các cơ chế phù hợp nhằm điều phối hợp tác kỹ thuật giữa các cơ quan sản xuất số liệu quốc gia trong khu vực trên các lĩnh vực thống kê chủ yếu.

Ủy ban ACSS sẽ báo cáo với các Hội đồng thuộc Cộng đồng ASEAN về tiến độ và các vấn đề nảy sinh trong hợp tác thống kê có thể liên quan tới việc

cung cấp số liệu thống kê cho các cơ quan khác của ASEAN để được trợ giúp của các Hội đồng, cũng như sẽ tổ chức hội nghị người dùng tin định kỳ nhằm tham vấn với các cơ quan ASEAN có liên quan trong các trụ cột APSC, AEC và ASCC để làm rõ và/hoặc giải quyết các vấn đề liên quan tới nhu cầu số liệu thống kê.

Hoạt động của ACSS sẽ tập trung vào đáp ứng các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN (ASI).

AHSOM sẽ được cơ cấu thành Ủy ban ACSS vào năm 2011.

Cơ quan thống kê quốc gia

Cơ quan thống kê quốc gia đóng vai trò điều phối việc sản xuất và hài hòa số liệu thống kê do Hệ thống thống kê quốc gia sản xuất (trong đó có số liệu thống kê của Bộ, ngành) theo yêu cầu của ASEAN.

Cơ quan thống kê quốc gia sẽ điều phối việc cung cấp số liệu thống kê ASEAN cho các bên liên quan của ASEAN thông qua ASEANstats và đóng vai trò đầu mối quốc gia trong hợp tác khu vực về thống kê.

Ban Thư ký ASEAN (ASEANstats)

Xây dựng, chủ trì thực hiện và giám sát việc thực hiện các chính sách, phương pháp luận, các tiêu chuẩn thống kê phục vụ cho việc hài hòa hóa số liệu thống kê ASEAN.

ASEANstats hoạt động với tư cách là bộ phận hỗ trợ kỹ thuật và giúp việc của Ủy ban ACSS.

Hỗ trợ hệ thống thống kê các quốc gia thành viên thực hiện các chính sách và tiêu chuẩn của thống kê ASEAN.

Là cầu nối giữa Ủy ban ACSS và các Hội đồng thuộc Cộng đồng ASEAN, hỗ trợ thiết lập quan hệ với các đối tác khác nhau, bao gồm các tổ chức trên toàn cầu và khu vực.

Chịu trách nhiệm biên soạn số liệu thống kê ASEAN, quản lý cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN, phát triển các sản phẩm và dịch vụ thống kê ASEAN để phổ biến và truyền thông.

Các Hội đồng thuộc Cộng đồng ASEAN

Các Hội đồng thuộc Cộng đồng ASEAN đề xuất nhu cầu số liệu và định hướng chiến lược cho sự phát triển của thống kê Cộng đồng ASEAN.

PHẠM VI HỢP TÁC

Khung hợp tác thống kê ASEAN tập trung vào các nội dung có liên quan đến sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN (sau đây gọi tắt là các chỉ tiêu và số liệu thống kê trong ASI), bao gồm cả các cơ chế được quy định trong Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN.

Số liệu thống kê ASEAN bao gồm số liệu thống kê do Hệ thống thống kê quốc gia sản xuất (trong đó có số liệu thống kê của Bộ, ngành).

ASI gồm các nhóm chỉ tiêu thống kê và các chỉ tiêu/số liệu thống kê nhằm đáp ứng nhu cầu đề ra tại các Kế hoạch tổng thể của APSC, AEC và ASCC.

CÁC LĨNH VỰC HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC

Tất cả các quốc gia thành viên ASEAN, thông qua các Hội đồng thuộc Cộng đồng ASEAN, Ủy ban AHSOM/ACSS và ASEANstats sẽ phấn đấu đạt được các mục tiêu nêu trên thông qua các hoạt động cụ thể sau:

Củng cố tổ chức nhằm tạo điều kiện để ACSS hoạt động hiệu quả

- Việc hình thành ACSS phụ thuộc vào sự trao quyền rõ ràng và mạnh mẽ nhằm giúp ACSS xác định được cơ cấu tổ chức, các mối quan hệ và xây dựng các hệ thống hoạt động.

- Ủy ban AHSOM/ACSS chỉ đạo quá trình tham vấn với các cơ quan thuộc ASEAN nhằm xây dựng các chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu phù hợp cho ACSS dựa trên các quy định của Hiến chương ASEAN đối với lĩnh vực thống kê.

- Các Cơ quan thống kê quốc gia có trách nhiệm đánh giá nhu cầu của các Hệ thống thống kê quốc gia đối với việc hình thành ACSS nhằm chuẩn bị sẵn sàng cho việc thiết lập ACSS. Cơ quan thống kê quốc gia có trách nhiệm tham vấn với các cơ quan quốc gia có liên quan.

- Ở cấp khu vực, ASEANstats nghiên cứu và tham vấn với các Hội đồng thuộc Cộng đồng ASEAN về các yêu cầu, quy trình cần thiết để xây dựng một tổ chức thống kê cho khu vực.

Xây dựng Chiến lược phát triển thống kê và giám sát việc thực hiện

- Chiến lược phát triển thống kê trung hạn cần đề cập đến các nội dung sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN, bao gồm cả các bước cần thực hiện để thành lập ACSS.

- Để thành lập ACSS vào năm 2015, Chiến lược cần xác định sứ mệnh, các giá trị và nguyên tắc cốt lõi, các mục tiêu của ACSS, phạm vi hoạt động, xác định các nội dung, chương trình và các kết quả đầu ra. Chiến lược cũng cần xác định các cơ chế hoạt động phù hợp.

- Tăng cường hoạt động điều phối và truyền thông giữa các bên có liên quan để tìm cách lồng ghép các ưu tiên thống kê của Cộng đồng ASEAN vào các Chiến lược phát triển thống kê quốc gia, đồng thời huy động hỗ trợ cho các quốc gia thành viên ASEAN.

- Giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện Chiến lược định kỳ để đạt được các mục tiêu trung hạn.

Hợp tác kỹ thuật về phát triển và hài hòa hóa thống kê ASEAN

- Tiếp tục duy trì hợp tác kỹ thuật trong phát triển và hài hòa số liệu của một số lĩnh vực thống kê. Có thể xây dựng hợp tác khu vực về các lĩnh vực thống kê ưu tiên khác nếu thấy cần thiết. Tất cả các hoạt động hợp tác phải phù hợp với các Nguyên tắc hoạt động của ACSS và phù hợp với các mục tiêu phát triển thống kê dài hạn.

- Mở rộng việc chia sẻ dữ liệu, sử dụng tiêu chuẩn và thời gian tham chiếu chung để xây dựng một cơ sở dữ liệu toàn diện về thống kê ASEAN nhằm tạo điều kiện cho việc phổ biến và truyền thông số liệu thống kê giữa các bên có liên quan. Xây dựng và thực hiện các hướng dẫn hài hòa hóa, chính sách phổ biến và truyền thông số liệu, cơ chế chia sẻ và trao đổi số liệu phù hợp quy định của Hiến chương ASEAN.

- Thúc đẩy các quốc gia thành viên ASEAN tuân thủ và áp dụng các nguyên tắc, tiêu chuẩn và hướng dẫn thống kê quốc tế nhằm tăng cường tính so sánh của số liệu thống kê ASEAN.

Xây dựng thể chế, tăng cường cơ sở hạ tầng thống kê và phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng thể chế, bao gồm cả quy chế phối hợp giữa người sản xuất, sử dụng và cung cấp thông tin. Đẩy mạnh phối hợp liên ngành trong sản xuất các số liệu thống kê chủ yếu.

- Tăng cường cơ sở hạ tầng thống kê chủ yếu, như đăng ký kinh doanh (thống kê kinh tế), tư liệu hóa phương pháp luận và hệ thống dữ liệu đặc tả, các khung đánh giá chất lượng số liệu thông qua chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và công nghệ.

- Ngoài tăng cường năng lực và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, cần thực hiện các hoạt động đào tạo về quản lý và điều phối thống kê, đào tạo về các bảng phân loại và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê.

Tham vấn các bên hữu quan

- Việc tham vấn các bên liên quan có vai trò quan trọng nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả hoạt động của ACSS, cho phép ACSS đưa ra định hướng phát triển bền vững.

- Tăng cường truyền thông và tương tác giữa ACSS với các đối tượng dùng tin chính ở cấp khu vực và quốc gia nhằm xác định các ưu tiên thống kê của khu vực, thúc đẩy sử dụng số liệu thống kê trong quá trình hoạch định chính sách, ra quyết định và giám sát tiến độ hội nhập của Cộng đồng ASEAN.

Phụ lục 6

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN THỐNG KÊ ASEAN

NHIỆM VỤ VÀ VAI TRÒ CỦA ỦY BAN THỐNG KÊ ASEAN

Ủy ban Thống kê ASEAN (Ủy ban ACSS) là cơ quan hoạch định chính sách và điều phối cao nhất về thống kê của ASEAN, có trách nhiệm tăng cường hợp tác thống kê khu vực nhằm hỗ trợ tiến trình hội nhập và phát triển của Cộng đồng ASEAN, đồng thời đưa ra các định hướng về sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê của ASEAN. Ủy ban ACSS có các chức năng chính như sau:

- Đảm bảo cung cấp số liệu thống kê ASEAN kịp thời và có tính so sánh thông qua các chính sách và tiêu chuẩn thống kê của khu vực;
- Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thống kê ở cấp quốc gia, thúc đẩy quá trình xây dựng năng lực thể chế và nguồn nhân lực;
- Xây dựng Hệ thống thống kê hoạt động có hiệu quả thông qua thiết lập các cơ chế phù hợp nhằm điều phối quá trình phát triển thống kê;
- Xây dựng các chính sách hỗ trợ cho hoạt động thống kê, hướng tới tăng cường và hài hòa hóa số liệu thống kê ASEAN;
- Giám sát, đánh giá tiến trình thực hiện các chính sách, kế hoạch và chương trình thống kê trong nội khối ASEAN;
- Thiết lập và tăng cường mối liên kết thể chế với các Cơ quan thống kê quốc tế để tăng cường hơn nữa chương trình nghị sự phát triển thống kê của ACSS.

Trên cơ sở Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN, Ủy ban ACSS có vai trò chủ đạo trong quá trình phát triển thống kê của khu vực thể hiện ở 5 hoạt động chính sau:

- Định hướng phát triển thống kê của khu vực;
- Điều phối các nỗ lực cấp khu vực nhằm phát triển các Hệ thống thống kê quốc gia, truyền tải các quyết định của Ủy ban ACSS tới Cơ quan thống kê của các quốc gia thành viên ASEAN;
- Cung cấp thông tin về tiến trình và các vấn đề có liên quan đến hợp tác thống kê đến các cơ quan/Nhóm công tác thuộc 3 trụ cột của Cộng đồng ASEAN qua Ban Thư ký ASEAN;

- Tổ chức đối thoại định kỳ với các nhà sản xuất số liệu thống kê ASEAN và các đối tượng dùng tin chủ yếu nhằm xác định các ưu tiên thống kê, thúc đẩy sử dụng rộng rãi số liệu thống kê, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, cũng như tăng cường liên kết với các tổ chức quốc tế;

- Không tạo bất kỳ định kiến nào về vị trí và vai trò của từng quốc gia thành viên, vị trí của ACSS về các vấn đề liên quan tới số liệu thống kê ASEAN ở cấp quốc tế. Những thỏa thuận cụ thể về việc cử đại diện trong các tổ chức thống kê quốc tế sẽ do Ủy ban ACSS xây dựng và phối hợp với Ban Thư ký ASEAN (qua ASEANstats);

Trên thực tế, Ủy ban ACSS là diễn đàn chính để thảo luận và quyết định các vấn đề liên quan đến sự phát triển và các hoạt động của ACSS. Sự phát triển của ACSS phụ thuộc rất nhiều vào tiến bộ của Hệ thống thống kê của các quốc gia thành viên, hỗ trợ của giới chức ASEAN và các tổ chức quốc tế thông qua đó sẽ tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với những tổ chức này.

Ủy ban ACSS sẽ quyết định về các vấn đề sau:

- Sự phát triển và các hoạt động cần được ưu tiên trong Chiến lược phát triển thống kê ASEAN;

- Kế hoạch công tác hàng năm của thống kê ASEAN;

- Các vấn đề liên quan đến bảo mật thông tin thống kê;

- Các biện pháp mà các cơ quan/Nhóm công tác ASEAN thuộc 3 trụ cột của Cộng đồng ASEAN và Ban Thư ký ASEAN (ASEANstats) cần áp dụng trong việc sản xuất, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê ASEAN, các điều chỉnh dựa trên nguyên tắc hiệu quả chi phí, cách thức và thời gian hoàn thành các biện pháp nói trên;

- Những vấn đề khác, đặc biệt là các vấn đề về phương pháp luận phát sinh từ việc hình thành hoặc thực hiện các chương trình thống kê do Chủ tịch các Nhóm công tác đề xuất hoặc theo yêu cầu của các quốc gia thành viên.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ỦY BAN ACSS

Ủy ban ACSS gồm Thủ trưởng hoặc người đứng đầu Cơ quan thống kê quốc gia của tất cả các nước thành viên ASEAN. Mỗi thành viên sẽ đại diện cho Hệ thống thống kê của quốc gia mình trong các cuộc họp của Ủy ban. Người đứng đầu của ASEANstats cũng là một thành viên của Ủy ban.

Hàng năm, Ủy ban ACSS sẽ được chủ trì bởi Thủ trưởng hoặc người đứng đầu Cơ quan thống kê quốc gia của một quốc gia thành viên ASEAN trên

nguyên tắc luân phiên, họp mặt mỗi năm một lần. Nếu có những vấn đề khẩn cấp cần thảo luận, có thể triệu tập một cuộc họp đặc biệt của Ủy ban.

Ủy ban ACSS thành lập “Ban Điều hành”, gồm Chủ tịch đương nhiệm, Chủ tịch tiền nhiệm và Chủ tịch kế nhiệm của 3 quốc gia thành viên ASEAN.

Ủy ban ACSS sẽ thành lập các Nhóm công tác và Nhóm chuyên trách khi cần.

VAI TRÒ CỦA CÁC ĐỐI TÁC TRONG ACSS

Cơ quan thống kê quốc gia

Cơ quan thống kê quốc gia có trách nhiệm điều phối Hệ thống thống kê quốc gia thực hiện các chính sách do Ủy ban ACSS xây dựng. Cơ quan thống kê quốc gia cũng đóng vai trò điều phối việc sản xuất và hài hòa số liệu thống kê do Hệ thống thống kê quốc gia sản xuất (trong đó có số liệu thống kê của Bộ, ngành) theo yêu cầu của ASEAN.

Cơ quan thống kê quốc gia sẽ điều phối việc cung cấp số liệu thống kê ASEAN cho các bên liên quan của ASEAN thông qua ASEANstats và đóng vai trò đầu mối quốc gia trong hợp tác khu vực về thống kê.

Ban Thư ký ASEAN (ASEANstats)

ASEANstats hoạt động với tư cách là bộ phận hỗ trợ kỹ thuật và giúp việc của Ủy ban ACSS, có các chức năng chính sau:

- Xây dựng, chủ trì thực hiện và giám sát việc thực hiện các chính sách, phương pháp luận, các tiêu chuẩn thống kê phục vụ cho việc hài hòa hóa số liệu thống kê ASEAN.

- Hỗ trợ hệ thống thống kê các quốc gia thành viên thực hiện các chính sách và tiêu chuẩn của thống kê ASEAN.

- Là cầu nối giữa Ủy ban ACSS và các Hội đồng thuộc Cộng đồng ASEAN, hỗ trợ thiết lập quan hệ với các đối tác khác nhau, bao gồm các tổ chức trên toàn cầu và khu vực.

- Chịu trách nhiệm biên soạn số liệu thống kê ASEAN, quản lý cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN, phát triển các sản phẩm và dịch vụ thống kê ASEAN để phổ biến và truyền thông.

- Phối hợp với các nhà tài trợ nhằm huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho các chương trình xây dựng năng lực thống kê của khu vực dựa trên các ưu tiên của Ủy ban ACSS.

Các Hội đồng thuộc Cộng đồng ASEAN

Các cơ quan chuyên ngành của ASEAN thuộc các Hội đồng Cộng đồng ASEAN đề xuất nhu cầu số liệu và định hướng chiến lược cho sự phát triển của Thống kê ASEAN.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động của Ủy ban ACSS sẽ được triển khai dựa trên kế hoạch công tác hàng năm và kế hoạch hành động nhiều năm do ASEANstats xây dựng và trình lên Ủy ban ACSS để thảo luận và thông qua. Các kế hoạch này được xây dựng dựa trên Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN. Các cuộc họp của Ủy ban sẽ tập trung thảo luận những chủ đề đã được đưa ra trong kế hoạch công tác hàng năm. Một trong những hoạt động chính của Ủy ban ACSS là thông qua kế hoạch công tác năm tới và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm trước.

Kế hoạch công tác năm gồm những hoạt động sau:

- Điều phối, giám sát và đánh giá các hoạt động hợp tác ASEAN trong lĩnh vực thống kê;
- Xây dựng, duy trì và mở rộng thống kê ASEAN, khung số liệu, hệ thống giám sát và phổ biến/truyền thông về những mục tiêu và sáng kiến của Cộng đồng ASEAN;
- Hải hòa các số liệu thống kê ASEAN thông qua chuẩn hóa, tư liệu hóa các khái niệm, định nghĩa, bảng phân loại cũng như áp dụng những phương pháp luận đã được thế giới công nhận;
- Hoạt động của các Nhóm công tác và xây dựng năng lực.

Một nhiệm vụ khác của Ủy ban ACSS là tăng cường các nguồn lực, kể cả các nguồn lực bên ngoài, nhằm đáp ứng những yêu cầu của ACSS trong việc thực hiện Chiến lược thành lập ACSS và phát triển thống kê ASEAN. Kế hoạch gồm:

- Tăng cường khung thể chế;
- Tăng cường năng lực thống kê ASEAN;
- Thu hẹp khoảng cách phát triển.

Kênh báo cáo

Ủy ban ACSS sẽ báo cáo kế hoạch công tác, tiến độ và các vấn đề còn tồn tại của Ủy ban lên Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) thông qua

Cuộc họp các quan chức kinh tế cấp cao (SEOM). Tuy nhiên, khi cần thông tin cụ thể của từng trụ cột, Ủy ban ACSS sẽ tham vấn các cơ quan ASEAN thuộc từng trụ cột cụ thể. Kết quả đầu ra của từng trụ cột cũng được báo cáo cho AEM. Kênh báo cáo được minh họa ở Hình 13 dưới đây.

Giám sát quá trình thực hiện

Hoạt động của Ủy ban ACSS sẽ được thực hiện và giám sát ở cả cấp quốc gia và cấp khu vực. Ở cấp quốc gia, các hệ thống giám sát đã được xây dựng và sử dụng công cụ tính điểm để đánh giá tiến độ thực hiện. Ở cấp khu vực, kế hoạch công tác hàng năm được giám sát thông qua hệ thống tính điểm hoặc các phương thức đánh giá khác do Ủy ban ACSS quy định. Sự khác biệt trong quá trình thực hiện hoạt động của các nước thành viên sẽ được giám sát bằng những chỉ tiêu phù hợp.

Kinh phí hoạt động

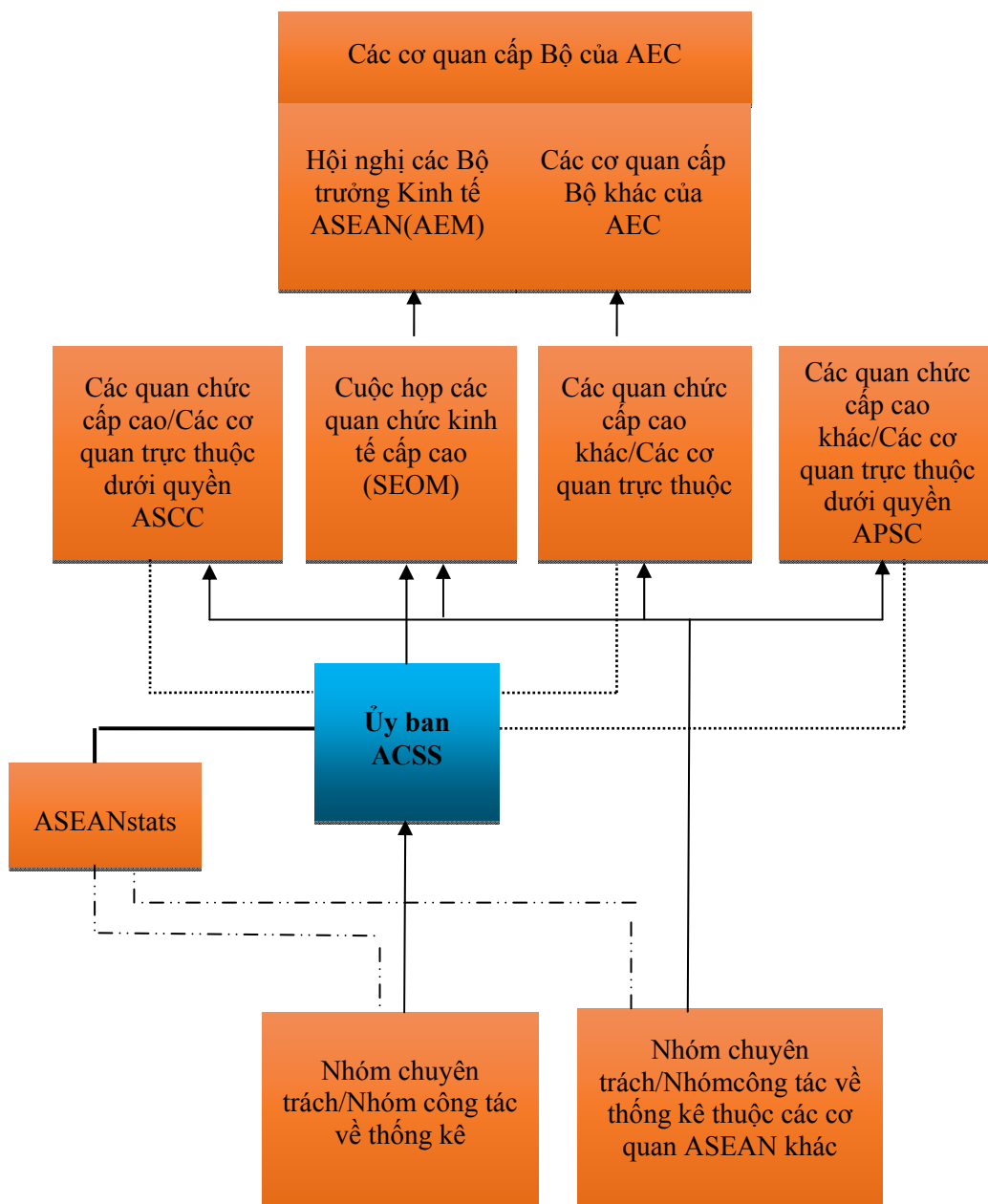
Ban Thư ký ASEAN đảm bảo kinh phí cho các cuộc họp của Ủy ban ACSS được tổ chức tại Ban Thư ký ASEAN. Đối với những cuộc họp của Ủy ban ACSS và những cuộc họp liên quan khác do các quốc gia thành viên chủ trì, chi phí tổ chức các cuộc họp (không bao gồm chi phí đi lại và sinh hoạt phí cho đại biểu) sẽ do các quốc gia thành viên chủ trì đài thọ.

Quy trình phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban ACSS

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban ACSS được phê duyệt theo quy trình sau:

- Cơ quan thống kê quốc gia của nước thành viên hoặc đầu mối quốc gia sẽ rà soát chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn với các cơ quan quốc gia liên quan;
- AHSOM thông qua chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn;
- Ban Thư ký ASEAN (ASEANstats) báo cáo lên Ủy ban đại diện thường trực (CPR) để thông qua;
- Chủ tịch AHSOM đệ trình lên AEM (thông qua SEOM) để phê duyệt.

Hình 13: Kênh báo cáo của Ủy ban ACSS



GHI CHÚ:

- KÊNH BÁO CÁO
- KÊNH THAM VẤN
- - - - - KÊNH PHỐI HỢP
- ===== BỘ PHẬN KỸ THUẬT

Phụ lục 7

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TIỂU BAN KẾ HOẠCH VÀ ĐIỀU PHỐI

I. Nhiệm vụ và quy định chung về vai trò của Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối

Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối (SCPC) có nhiệm vụ hỗ trợ quá trình ra quyết định của Ủy ban ACSS, làm đầu mối của Cơ quan thống kê quốc gia về các vấn đề liên quan tới ACSS và Ủy ban ACSS. Tiểu ban này thay thế Nhóm chuyên trách về Xây dựng Chiến lược phát triển thống kê ASEAN, hoạt động dưới sự chỉ đạo của Thủ trưởng Cơ quan thống kê quốc gia và là cầu nối giữa Ủy ban ACSS với các Hệ thống thống kê quốc gia.

II. Cơ cấu tổ chức

SCPC bao gồm các cán bộ có thâm niên từ cấp Vụ trở lên, thường xuyên làm việc với quản lý cấp cao, có quan hệ rộng và nhiều năm kinh nghiệm trong điều phối và truyền thông với các cơ quan sản xuất số liệu khác ở cấp quốc gia. Thành viên của SCPC do Thủ trưởng Cơ quan thống kê quốc gia của các quốc gia thành viên ASEAN tiến cử. Chủ tịch của SCPC là đại diện của quốc gia thành viên ASEAN đang làm Chủ tịch Ủy ban ACSS. Hai Phó Chủ tịch là đại diện của các quốc gia chủ trì tiền nhiệm và kế nhiệm.

Chủ tịch và hai Phó Chủ tịch là “Ban Điều hành”, có trách nhiệm hỗ trợ Chủ tịch đương nhiệm của Ủy ban ACSS.

ASEANstats thực hiện nhiệm vụ thư ký cho SCPC như được quy định trong Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban ACSS, thực hiện xây dựng các chính sách, phương pháp luận và tiêu chuẩn. SCPC sẽ họp định kỳ mỗi năm hai lần, tiến hành các cuộc họp đánh giá tiến độ giữa kỳ và cuộc họp trừ bị thông qua hội đàm điện thoại hoặc video, hoặc trao đổi quan điểm qua thư.

III. Vai trò và nhiệm vụ cụ thể

SCPC có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động Thủ trưởng các Cơ quan thống kê quốc gia và hỗ trợ Ủy ban ban hành các quyết định để thực hiện ba nội dung chính của Chiến lược phát triển thống kê, gồm: 1) Tăng cường thể chế; 2) Tăng cường năng lực thống kê ASEAN; 3) Thu hẹp khoảng cách phát triển.

Vai trò và nhiệm vụ cụ thể của SCPC ở cấp khu vực và quốc gia như sau:

Ở cấp khu vực:

- Rà soát chương trình nghị sự của các cuộc họp của Ủy ban ACSS đã được ASEANstats xây dựng; xác định tình trạng của các tài liệu họp như: để phê chuẩn/thông qua, để lưu, để hướng dẫn, để thảo luận, hoặc để cung cấp thông tin, v.v...

- Rà soát và thảo luận các khái niệm/đề xuất/các tài liệu liên quan đến chính sách, phương pháp luận, tiêu chuẩn, khuôn khổ, các biện pháp cũng như những tài liệu khác cần được Ủy ban ACSS phê chuẩn/thông qua/quyết định trước khi đưa ra thảo luận tại cuộc họp của Ủy ban ACSS.

- Rà soát bài trình bày của ASEANstats về các quyết định của Hội nghị thượng đỉnh ASEAN/các cơ quan khác của ASEAN có liên quan đến Ủy ban ACSS, hoặc cần Ủy ban lưu tâm, và đề xuất các vấn đề quan trọng liên quan đến ACSS cần Ủy ban ACSS xem xét.

- Rà soát và thảo luận Kế hoạch hành động nhiều năm, Kế hoạch công tác hàng năm, các chiến lược, đề án trước khi đưa ra thảo luận tại cuộc họp của Ủy ban ACSS.

Ở cấp quốc gia:

- Điều phối và chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp của Ủy ban ACSS;

- Cung cấp thông tin và kiến thức về tất cả các vấn đề liên quan tới Ủy ban ACSS;

- Là đầu mối quốc gia cung cấp thông tin về các quyết định của Ủy ban ACSS tới các lãnh đạo của cơ quan thống kê quốc gia cũng như tới tất cả các Bộ, ngành liên quan.

- Đóng vai trò đầu mối liên lạc với ASEANstats về các đề xuất/sáng kiến quốc gia liên quan tới ACSS.

Kênh báo cáo

SCPC sẽ báo cáo trực tiếp cho Ủy ban ACSS.

Kinh phí hoạt động

Ban Thư ký ASEAN đảm bảo kinh phí cho các cuộc họp của Ủy ban ACSS được tổ chức tại Ban Thư ký ASEAN. Đối với những cuộc họp do các quốc gia thành viên chủ trì, chi phí tổ chức các cuộc họp (không bao gồm chi phí đi lại và sinh hoạt phí cho đại biểu) sẽ do các quốc gia thành viên chủ trì đài thọ.

Quy trình phê duyệt và ban hành chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

- Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của SCPC được rà soát và thảo luận tại Cuộc họp của Nhóm chuyên trách về Chiến lược phát triển thống kê ASEAN ngày 20 - 21 tháng 9 năm 2011;

- Các thành viên Ủy ban ACSS phản hồi bằng thư điện tử trong tháng 10 năm 2011;

- Được thông qua tại kỳ họp thứ nhất của Ủy ban ACSS, ngày 2 - 3 tháng 11 năm 2011.

Phụ lục 8
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN
CỦA NHÓM CÔNG TÁC VỀ CHIA SẺ, PHÂN TÍCH, PHỔ BIẾN
VÀ TRUYỀN THÔNG SỐ LIỆU THỐNG KÊ

Nhóm công tác về Chia sẻ, phân tích, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê (Nhóm WGDSA) do Ủy ban ACSS thành lập và chịu trách nhiệm báo cáo trước Ủy ban.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhóm WGDSA đã được Ủy ban ACSS thông qua tại kỳ họp lần thứ 2 tại Siem Riệp, Cam-pu-chia, ngày 27 - 28 tháng 10 năm 2012, gồm các nội dung sau:

1. Nhóm WGDSA do Ủy ban ACSS thành lập, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ theo phạm vi hoạt động của Ủy ban.

2. Mục tiêu thành lập Nhóm WGDSA:

- Xây dựng một hệ thống chia sẻ, phổ biến và truyền thông định kỳ các thông tin thống kê phù hợp với mục tiêu của Cộng đồng ASEAN, gồm phổ biến và truyền thông thông tin thống kê nhằm nâng cao tính minh bạch và sử dụng rộng rãi số liệu thống kê trong quá trình hoạch định chiến lược, chính sách;

- Nâng cao năng lực phân tích, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê nhằm hỗ trợ việc thực hiện, giám sát và đánh giá các chương trình, chính sách cũng như giúp cải thiện khả năng giải trình.

I. Chức năng/Phạm vi công việc

- Xây dựng mô hình phổ biến và truyền thông số liệu thống kê phù hợp với Khung hợp tác thống kê ASEAN;

- Xây dựng các chính sách, hướng dẫn và quy trình chia sẻ, phổ biến, truyền thông dữ liệu nhằm: (i) Cung cấp thường xuyên và kịp thời số liệu thống kê có chất lượng theo lịch công bố thông tin thống kê của ASEAN, tăng cường sử dụng rộng rãi số liệu thống kê của các bên hữu quan ở cấp quốc gia, khu vực ASEAN và quốc tế; (ii) Biên soạn và công bố dữ liệu đặc tả để nâng cao tính minh bạch của số liệu thống kê, trong đó chú trọng đến yếu tố bảo mật thông tin;

- Điều phối chung công tác cung cấp dữ liệu để cập nhật cơ sở dữ liệu thống kê và số liệu phục vụ xây dựng Báo cáo Tóm tắt ASEAN, Hệ thống Giám sát tiến độ hội nhập Cộng đồng ASEAN (ACPMS), Niên giám Thống kê ASEAN,

Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN (ASI), trang web của Bộ phận Thống kê ASEAN (ASEANstats), các sản phẩm truyền thông và phổ biến khác của ASEAN;

- Cung cấp số liệu và tư vấn cho ASEANstats xây dựng các chỉ tiêu ASI và các sản phẩm thống kê quan trọng;

- Phát triển các sản phẩm để phổ biến và truyền thông số liệu thống kê;

- Thiết kế và hỗ trợ thực hiện các chương trình xây dựng năng lực (như năng lực phân tích, sử dụng công nghệ để phổ biến và chia sẻ dữ liệu, cũng như năng lực truyền thông thông tin thống kê) cho các cơ quan chịu trách nhiệm biên soạn số liệu tại các quốc gia thành viên và Ban Thư ký ASEAN;

- Thúc đẩy, điều phối và giám sát thực hiện các chính sách và hướng dẫn trên.

II. Các sản phẩm chính

- Các chính sách và hướng dẫn chia sẻ, phổ biến và truyền thông dữ liệu, gồm: lịch phổ biến thông tin thống kê ASEAN và giao thức truyền dữ liệu;

- Kế hoạch truyền thông ACSS, dự thảo các phương thức tiếp cận các đối tượng dùng tin như: thông qua bản tin; phổ biến thông tin thống kê; hệ thống báo cáo; các sáng kiến giám sát tiến độ hội nhập Cộng đồng ASEAN; nâng cao vai trò đầu mối khu vực của ASEANstats và vai trò đầu mối quốc gia của Cơ quan thống kê quốc gia; tổ chức các sự kiện thống kê ở cấp quốc gia, khu vực, quốc tế như: ngày Thống kê quốc gia, ngày Thống kê thế giới, hội thảo khu vực, tiến hành các cuộc Tổng điều tra, điều tra lớn; áp dụng những phát triển mới nhất về công nghệ thông tin và truyền thông, v.v... để xây dựng một diễn đàn giữa người sản xuất và người dùng tin;

- Khuyến nghị về hệ thống và nền tảng phổ biến, truyền thông dữ liệu (gồm thiết kế, kiến trúc, khung, nội dung dữ liệu và công nghệ, kể cả cơ chế truyền dữ liệu kết nối giữa các cổng thông tin/kho dữ liệu/cơ sở dữ liệu quốc gia) với cơ sở dữ liệu thống kê ASEAN;

- Thông tin đầu vào để cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu ASEAN và phổ biến, truyền thông số liệu thống kê gồm: Báo cáo tóm tắt ASEAN, Báo cáo tiến độ ACPMS, Niên giám Thống kê ASEAN, ASI, trang web của ASEANstats và những sản phẩm thống kê quan trọng khác;

- Đề xuất hỗ trợ xây dựng năng lực cho các chương trình phát triển, phân tích thông tin thống kê, phổ biến và truyền thông số liệu thống kê;

- Các sản phẩm phổ biến và truyền thông thống kê gồm: truyền thông dữ liệu sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (trang Web/cổng thông tin điện tử, các file PDF/excels) dựa vào kết quả đánh giá của Nhóm WGDSA về các sản phẩm và các cơ chế liên quan;

- Chương trình/kế hoạch công tác hàng năm/nhiều năm của Nhóm WGDSA để trình lên Ủy ban ACSS phê duyệt.

III. Thành viên

Nhóm WGDSA gồm các chuyên gia và những người phụ trách lĩnh vực xây dựng chỉ tiêu, phân tích, phổ biến và truyền thông số liệu thuộc Hệ thống thống kê quốc gia ở các quốc gia thành viên ASEAN. Mỗi Cơ quan thống kê quốc gia cử tối đa hai thành viên tham gia Nhóm WGDSA và điều phối Hệ thống thống kê quốc gia thực hiện các điều khoản quy định của Nhóm WGDSA.

IV. Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo gồm một Trưởng nhóm và một Phó Trưởng nhóm do Ủy ban ACSS quyết định, nhiệm kỳ công tác 2 năm và có thể kéo dài nhiệm kỳ.

Trưởng nhóm có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện và giám sát chương trình công tác của Nhóm WGDSA. Cụ thể, Trưởng nhóm sẽ chủ trì:

- Soạn thảo kế hoạch/chương trình công tác của Nhóm WGDSA với sự tham vấn của các thành viên và ASEANstats;

- Phối hợp với ASEANstats trong quá trình thực hiện, điều phối và giám sát chương trình công tác của WGDSA;

- Chủ trì các cuộc họp/hội thảo của Nhóm WGDSA;

- Phối hợp với ASEANstats báo cáo lên Ủy ban ACSS.

Phó Trưởng nhóm sẽ hỗ trợ Trưởng nhóm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ nêu trên và thay Trưởng nhóm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khi Trưởng nhóm vắng mặt.

V. Cơ chế hoạt động

Các thành viên của Nhóm WGDSA sẽ thường xuyên trao đổi, liên lạc với nhau dưới nhiều hình thức khác nhau do Nhóm thống nhất.

Nhóm WGDSA sẽ báo cáo định kỳ lên Ủy ban ACSS về tiến độ thực hiện các chương trình, đề án. Ủy ban ACSS sẽ quyết định các chính sách, hướng dẫn mà Nhóm WGDSA đề xuất.

VI. Hỗ trợ công tác thư ký

ASEANstats có trách nhiệm hỗ trợ Nhóm WGDSA thực hiện các chức năng và nhiệm vụ nêu trên, đóng vai trò là thư ký cho các cuộc họp/hội thảo và các diễn đàn của Nhóm. ASEANstats cũng hỗ trợ các quốc gia thành viên tăng cường phổ biến và truyền thông thông tin thống kê.

VII. Hiệu lực thi hành

Nhóm WGDSA sẽ triển khai hoạt động kể từ ngày Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm được Ủy ban ACSS thông qua.

Phụ lục 9

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÓM CÔNG TÁC VỀ THỐNG KÊ VỐN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

I. Mục tiêu

Nhóm công tác về Thống kê vốn đầu tư quốc tế (Nhóm WGIIS) được thành lập nhằm xây dựng, biên soạn, phổ biến và báo cáo về số liệu thống kê vốn đầu tư quốc tế của các quốc gia thành viên ASEAN giúp xây dựng, thực hiện và giám sát các chương trình, chính sách đầu tư của Cộng đồng ASEAN.

II. Vai trò chính

Nhóm WGIIS là bộ phận kỹ thuật của Ủy ban ACSS về thống kê vốn đầu tư quốc tế.

III. Nhiệm vụ và trách nhiệm

Nhóm WGIIS chịu trách nhiệm:

- Xây dựng Kế hoạch hành động; Biên soạn, phổ biến và báo cáo kịp thời, chính xác các số liệu thống kê vốn đầu tư quốc tế của Cộng đồng ASEAN phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế;

- Thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng thống kê hoặc các cơ chế thu thập, biên soạn số liệu thống kê vốn đầu tư quốc tế đảm bảo tính so sánh, bao gồm nhưng không giới hạn số liệu thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDIS) ở các quốc gia thành viên ASEAN;

- Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, phương pháp luận và thông lệ quốc tế khi biên soạn số liệu thống kê vốn đầu tư quốc tế. Cụ thể, tuân thủ các khái niệm và phạm vi biên soạn FDIS theo định nghĩa chuẩn của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, Cẩm nang Vị thế đầu tư quốc tế và Cán cân thanh toán của Quỹ Tiền tệ quốc tế;

- Đề xuất các chính sách thống kê, hướng dẫn cách sử dụng các công cụ, đề xuất giải pháp cho các vấn đề liên quan đến thực hiện phương pháp luận hoặc cách thức thu thập dữ liệu, phương pháp ước tính, truyền đưa, sản xuất và phổ biến số liệu;

- Thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia thành viên ASEAN nhằm thu hẹp và xóa bỏ sự khác biệt về số liệu thống kê vốn đầu tư quốc tế của các quốc gia thành viên;

- Khuyến nghị lên Ủy ban ACSS các giải pháp liên quan đến biên soạn và phổ biến số liệu thống kê vốn đầu tư quốc tế của khu vực;

- Hợp tác, tham vấn với các cơ quan có liên quan trong khu vực, các tổ chức quốc tế để thực hiện các hoạt động liên quan đến vốn đầu tư, đồng thời đảm bảo tránh trùng lặp khi triển khai thực hiện, tối đa hóa các nguồn lực để đạt được mục tiêu đề ra.

IV. Các hoạt động chính

1. Xây dựng Chương trình công tác 3 năm, ưu tiên và cân đối các hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu số liệu về vốn đầu tư để xây dựng năng lực thống kê và hoạch định chính sách.

2. Giám sát, đánh giá định kỳ:

- Phạm vi và chất lượng số liệu vốn đầu tư quốc tế gửi cho Ban Thư ký ASEAN;

- Thông lệ biên soạn số liệu của các quốc gia thành viên ASEAN.

3. Thúc đẩy xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu toàn diện về thống kê vốn đầu tư quốc tế của Ban Thư ký ASEAN.

4. Tham dự các buổi thảo luận kỹ thuật và trao đổi định kỳ thông tin, kinh nghiệm về thống kê vốn đầu tư quốc tế.

V. Cơ cấu tổ chức

Thành viên: Nhóm WGIIS gồm các chuyên gia/người thực hiện các hoạt động liên quan đến số liệu vốn đầu tư quốc tế. Các cơ quan liên quan ở các quốc gia thành viên ASEAN cử đại diện tham gia Nhóm WGIIS.

Trưởng nhóm: Ban Lãnh đạo Nhóm WGIIS được chỉ định luân phiên giữa các quốc gia thành viên ASEAN theo thứ tự bảng chữ cái, nhiệm kỳ 2 năm.

Kênh báo cáo: Nhóm WGIIS sẽ báo cáo và chịu sự giám sát của Ủy ban ACSS. Ủy ban ACSS sẽ báo cáo lên các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN thông qua Cuộc họp quan chức kinh tế cấp cao.

Thư ký: ASEANstats chủ trì, phối hợp với Bộ phận Vốn Đầu tư và Dịch vụ thực hiện chức năng thư ký cho Nhóm WGIIS.

Các cuộc họp: Nhóm WGIIS sẽ họp ít nhất mỗi năm một lần. Nhóm có thể tiến hành các cuộc họp liên ngành hoặc cuộc họp trừ bị cũng như trao đổi quan điểm thông qua điện thoại, thư hoặc thư điện tử. Có thể mời các chuyên gia bên ngoài tham dự họp để giải quyết một chủ đề hoặc mục tiêu cụ thể. Các nước sẽ luân phiên đăng cai tổ chức họp theo thứ tự bảng chữ cái.

Những vấn đề khác: Nhóm WGIIS có thể thành lập các Nhóm chuyên trách hoặc các Tiểu ban chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể khi thực hiện chức năng và vai trò của Nhóm. Hoạt động của các Nhóm chuyên trách hoặc các Tiểu ban này sẽ kết thúc sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Phụ lục 10

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÓM CÔNG TÁC VỀ THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA QUỐC TẾ

Tại kỳ họp lần thứ 2 của Ủy ban ACSS ở Siem Riệp, Cam-pu-chia, ngày 27 - 28 tháng 9 năm 2012, Ủy ban đã thống nhất đổi tên Nhóm đặc trách về Thống kê thương mại hàng hóa quốc tế (TFIMTS) thành Nhóm công tác về Thống kê thương mại hàng hóa quốc tế (Nhóm WGIMTS) nhằm tăng cường vai trò của Nhóm trong quá trình ra quyết định của Ủy ban ACSS. Kế hoạch tổng thể của Cộng đồng Kinh tế ASEAN nhận định ASEAN là một khu vực sản xuất và thị trường chung, với các luồng thương mại hàng hóa tự do trong nội bộ Cộng đồng Kinh tế ASEAN và với nền kinh tế toàn cầu. Việc sản xuất các số liệu chi tiết với phạm vi rộng hơn về IMTS sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho tiến trình hội nhập kinh tế của Cộng đồng ASEAN.

I. Mục tiêu chung

Mục tiêu chính của Nhóm WGIMTS nhằm tạo điều kiện phát triển và hài hòa hóa số liệu IMTS, tăng tính kịp thời và hiệu quả của việc chia sẻ, phổ biến số liệu IMTS cũng như đáp ứng tốt hơn các yêu cầu thông tin hỗ trợ hội nhập kinh tế và phát triển như đã được nêu trong Kế hoạch tổng thể của trụ cột AEC.

II. Mục tiêu cụ thể

Nhóm WGIMTS được thành lập nhằm đạt được những mục tiêu cụ thể sau:

- a. Xác định các vấn đề liên quan đến thu thập, sản xuất và phổ biến số liệu IMTS của các quốc gia thành viên ASEAN để cung cấp cho các đối tượng dùng tin; Xác định các vấn đề về hài hòa hóa số liệu IMTS;
- b. Đề xuất cách thức truyền tải dữ liệu theo các tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu của ASEAN;
- c. Đề xuất các biện pháp nhằm cải thiện việc thu thập, sản xuất, hài hòa hóa và phổ biến số liệu IMTS kịp thời và đảm bảo tính so sánh;
- d. Hoàn thiện và giám sát việc thực hiện các khung, tiêu chuẩn chất lượng và yêu cầu kỹ thuật theo khuyến nghị quốc tế khi biên soạn, báo cáo số liệu IMTS cấp quốc gia và khu vực;

e. Thúc đẩy, tạo điều kiện chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và những thông lệ hay trong thu thập, sản xuất và phổ biến số liệu IMTS thông qua điều phối, xây dựng năng lực thống kê, hỗ trợ kỹ thuật giữa các cơ quan tham gia thu thập, sản xuất và phổ biến số liệu IMTS.

III. Nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ của Nhóm WGIMTS gồm:

a. Xác định, đề xuất các khung tham chiếu chung dựa trên những tiêu chuẩn quốc tế về biên soạn và báo cáo số liệu IMTS, đảm bảo tính kịp thời và khả năng so sánh của số liệu để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện; Xây dựng các cơ chế cải thiện công tác thu thập, sản xuất và phổ biến số liệu IMTS như:

- Các tiêu chuẩn chất lượng gồm: tính kịp thời, tính so sánh và khả năng tiếp cận của số liệu IMTS theo các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN;

- Khung thống kê;

- Phương pháp luận;

- Các hệ thống phân loại quốc gia và sản phẩm;

- Hướng dẫn truyền nộp số liệu IMTS cho Ban Thư ký ASEAN (cách thức truyền dữ liệu, v.v...);

- Hướng dẫn chia sẻ, bảo mật và phổ biến số liệu IMTS với các đối tượng dùng tin.

b. Thực hiện đánh giá toàn diện, định kỳ số liệu và dữ liệu đặc tả theo các đặc điểm kỹ thuật, phương pháp luận, chất lượng và tính kịp thời đã được thống nhất khi cung cấp số liệu thương mại quốc gia và các dữ liệu liên quan cho Ban Thư ký ASEAN; Đề xuất các biện pháp xử lý sự khác biệt trong số liệu giữa các quốc gia và tình trạng thiếu số liệu thống kê;

c. Xác định các thay đổi về thủ tục và chính sách, cũng như những tiến bộ mới về thống kê có thể ảnh hưởng đến việc sản xuất số liệu IMTS, thí dụ như các thông lệ/thủ tục hải quan quốc gia, các thỏa thuận kinh tế khu vực, những thay đổi trong khuôn khổ quốc tế và khu vực, các tiêu chuẩn và hệ thống phân loại giữa các quốc gia; Đề xuất phương pháp điều chỉnh phù hợp;

d. Triển khai đánh giá thực hiện kế hoạch công tác hàng năm, các cơ chế hài hòa và hoàn thiện số liệu IMTS ở cấp quốc gia và khu vực, bao gồm:

- Phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan có thẩm quyền ở cấp quốc gia và khu vực, ví dụ như: Cơ quan Hải quan, Cơ quan Thống kê, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan hoạch định chính sách của các nước;

- Các chương trình xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật với sự phối hợp của các tổ chức quốc tế có liên quan, nếu có;

e. Đề trình các vấn đề và khuyến nghị lên Ủy ban ACSS để Ủy ban trình Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) và các cơ quan ASEAN liên quan khác thông qua Hội nghị Các quan chức kinh tế cấp cao;

f. Xây dựng kế hoạch công tác hàng năm bao gồm chương trình xây dựng năng lực để hỗ trợ hài hòa hóa và phát triển số liệu IMTS.

2. Thực hiện các nhiệm vụ trên theo kế hoạch công tác chung của ASEAN đã được các thành viên Nhóm WGIMTS nhất trí và Ủy ban ACSS phê duyệt. Kế hoạch công tác chung của ASEAN bao gồm các giải pháp quốc gia và khu vực nhằm hoàn thiện số liệu IMTS.

IV. Cơ cấu tổ chức

- Mỗi quốc gia thành viên ASEAN cử hai thành viên thường trực tham gia Nhóm WGIMTS (từ các cơ quan biên soạn và/hoặc phổ biến số liệu IMTS chính thức, như Cơ quan Hải quan/các cơ quan liên quan khác). Ban Thư ký ASEAN cũng cử một đại diện và một thành viên dự khuyết cho Nhóm WGIMTS;

- Mỗi quốc gia thành viên ASEAN cử một đầu mối quốc gia về IMTS trong số hai thành viên thường trực để điều phối, giám sát các hoạt động liên quan ở cấp quốc gia và phối hợp với ASEANstats. Đầu mối của WGIMTS có trách nhiệm báo cáo, cập nhật định kỳ các vấn đề của Nhóm WGIMTS cho Thủ trưởng Cơ quan Thống kê quốc gia và các cơ quan quốc gia có thẩm quyền thông qua SCPC/các đầu mối quốc gia khác của ACSS;

- Một chuyên gia do Thủ trưởng Cơ quan thống kê quốc gia/thành viên của Ủy ban ACSS cử được bầu làm Trưởng nhóm WGIMTS trong thời hạn ít nhất hai năm hoặc do Ủy ban ACSS quyết định. ASEANstats sẽ là Đồng Trưởng nhóm. Trưởng nhóm có trách nhiệm chỉ đạo các hoạt động của Nhóm WGIMTS nhằm đạt được các mục tiêu đề ra theo khung thời gian phù hợp;

- Trưởng nhóm WGIMTS sẽ phối hợp chặt chẽ với ASEANstats trong lập kế hoạch, triển khai và chỉ đạo thực hiện kế hoạch công tác hàng năm.

V. Cơ chế hoạt động

- Nhóm WGIMTS sẽ họp ít nhất mỗi năm một lần và có thể đề nghị tổ chức các cuộc họp bổ sung (hội thảo, lớp tập huấn, v.v...) khi cần thiết. Nhóm cũng có thể tổ chức các cuộc họp trực tuyến hoặc liên ngành và trao đổi quan điểm qua điện thoại, thư, thư điện tử hoặc các phương tiện khác;

- Đăng cai tổ chức các cuộc họp của Nhóm WGIMTS sẽ do một quốc gia thành viên ASEAN hoặc Ban Thư ký ASEAN thực hiện. Các chuyên gia bên ngoài được mời dự họp khi cần;

- Ở cấp quốc gia, các thành viên Nhóm WGIMTS sẽ chủ trì thực hiện các khuyến nghị, cơ chế, hoạt động cũng như cập nhật tiến độ của Nhóm cho đầu mỗi quốc gia ACSS/SCPC;

- Nhóm WGIMTS sẽ báo cáo lên Ủy ban ACSS ít nhất mỗi năm một lần;

- Địa điểm tổ chức họp sẽ do Nhóm WGIMTS quyết định với sự tham vấn của cơ quan chủ trì.

Với vai trò thư ký, ASEANstats:

a. Triển khai, chịu trách nhiệm điều phối và hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện các hoạt động khu vực;

b. Giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch công tác ASEAN và phối hợp với các quốc gia thành viên ASEAN để theo dõi tiến độ các chương trình công tác quốc gia;

c. Phối hợp với các bộ phận liên quan của Ban Thư ký ASEAN để tìm hiểu nhu cầu số liệu IMTS cũng như những thay đổi về chính sách ảnh hưởng đến việc sản xuất số liệu IMTS;

d. Thay mặt cho Ủy ban ACSS và WGIMTS, cập nhật và đệ trình các yêu cầu cũng như các vấn đề lên các Cơ quan ASEAN có liên quan để thông qua hoặc có giải pháp xử lý phù hợp.

VI. Các thỏa thuận tài trợ

Tham dự các cuộc họp và hoạt động của Nhóm WGIMTS là trách nhiệm của các cơ quan thuộc các quốc gia thành viên ASEAN. Trong một số trường hợp, khi thấy cần thiết, Ban Thư ký ASEAN sẽ huy động các nguồn lực để hỗ trợ cho các hoạt động/cuộc họp của Nhóm.

Phụ lục 11

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÓM CÔNG TÁC VỀ THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm chuyên trách về Thống kê thương mại dịch vụ quốc tế (TFSITS) được thông qua ngày 26 - 27 tháng 1 năm 2010 tại cuộc họp Thủ trưởng các cơ quan thống kê ASEAN lần thứ 10 ở Chiang-mai, Thái Lan.

Tại kỳ họp lần thứ 2 của Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối (SCPC) diễn ra vào tháng 7 năm 2012, Nhóm TFSITS được đề xuất đổi thành Nhóm công tác về Thống kê thương mại dịch vụ quốc tế (Nhóm WGSITS) vì những lý do sau:

- Thể hiện tính thường trực của Nhóm WGSITS trong khuôn khổ ra quyết định của Ủy ban ACSS;

- Sáng kiến hài hòa hóa số liệu thống kê thương mại dịch vụ quốc tế (SITS) không còn là vấn đề mới;

- Giải quyết các nhu cầu mới nổi liên quan đến số liệu SITS như cần số liệu SITS ở cấp độ chi tiết, có tính so sánh và toàn diện hơn dưới nhiều hình thức khác nhau.

Vì vậy, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm WGSITS được xây dựng trên cơ sở kế thừa chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhóm TFSITS, đồng thời có những sửa đổi cần thiết để xác định vị thế mới của Nhóm WGSITS.

I. Mục tiêu chung

- Mục tiêu chung của Nhóm WGSITS nhằm thúc đẩy sự phát triển và hài hòa hóa số liệu SITS để hỗ trợ ASEAN giám sát lưu lượng dịch vụ tự do trong nội bộ Cộng đồng Kinh tế ASEAN cũng như giữa ASEAN với nền kinh tế toàn cầu;

- Nhóm WGSITS sẽ thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến SITS, bao gồm cả thống kê chi nhánh nước ngoài (FATS) và hoạt động dưới sự điều hành của Ủy ban ACSS.

II. Mục tiêu cụ thể

Nhóm WGSITS được thành lập để xác định các vấn đề còn tồn tại trong hệ thống thu thập, sản xuất, phổ biến số liệu SITS hiện nay của ASEAN và đề xuất các biện pháp giải quyết phù hợp nhằm:

- Thu thập, phổ biến số liệu SITS (gồm cả số liệu FATS) kịp thời, chính xác và đảm bảo tính so sánh;

- Hỗ trợ Ban Thư ký ASEAN xây dựng và cải thiện các tiêu chuẩn khu vực/khung tham chiếu chung của cơ sở dữ liệu SITS cấp quốc gia và khu vực cho phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế;

- Giám sát việc thực hiện và đề xuất các biện pháp thúc đẩy các quốc gia thành viên ASEAN tuân thủ các tiêu chuẩn phương pháp luận quốc tế và/hoặc các khung, tiêu chuẩn khu vực, các yêu cầu kỹ thuật khi biên soạn và báo cáo số liệu SITS;

- Tăng cường chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm trong biên soạn số liệu SITS.

III. Chức năng/Nhiệm vụ

Chức năng/Nhiệm vụ của Nhóm WGSITS gồm:

a. Xây dựng, đề xuất áp dụng các cơ chế và khung tham chiếu chung cho việc thu thập, biên soạn, phổ biến số liệu SITS định kỳ, đảm bảo tính kịp thời, chính xác và khả năng so sánh của số liệu để phục vụ các yêu cầu của ASEAN, gồm:

- Khung thống kê;

- Phương pháp luận;

- Các tiêu chuẩn và hệ thống phân ngành;

- Hướng dẫn truyền nộp dữ liệu cho Ban Thư ký ASEAN;

- Hướng dẫn phổ biến các sản phẩm đầu ra thống kê tới các đối tượng dùng tin ở cấp quốc gia, cấp ASEAN và quốc tế.

b. Đánh giá định kỳ chất lượng số liệu và dữ liệu đặc tả quốc gia dựa trên phương pháp đánh giá của các Nguyên tắc hoạt động thống kê của ASEAN; Giám sát tiến độ thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật, phương pháp luận, chất lượng và tính kịp thời khi cung cấp dữ liệu quốc gia cho Ban Thư ký ASEAN; Đề xuất các biện pháp xử lý sự khác biệt trong số liệu giữa các quốc gia và tình trạng thiếu số liệu thống kê.

c. Đáp ứng nhu cầu người dùng tin và xác định những tiến bộ mới về thống kê có thể ảnh hưởng đến sản xuất số liệu SITS, ví dụ như các thỏa thuận kinh tế khu vực, những thay đổi về khuôn khổ quốc tế và khu vực, các tiêu chuẩn và hệ thống phân loại giữa các nước; Đề xuất phương pháp điều chỉnh phù hợp.

d. Đề xuất, thúc đẩy để thông qua và triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình cải tiến và hài hòa hóa số liệu SITS, gồm:

- Phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan có thẩm quyền ở cấp quốc gia và khu vực;

- Điều phối các chương trình xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật với các tổ chức quốc tế (nếu có), có tính đến các ưu tiên và trình độ năng lực trong Cộng đồng ASEAN và của các quốc gia thành viên ASEAN;

- Đẩy mạnh sử dụng số liệu SITS trong giám sát và xây dựng các chính sách kinh tế của quốc gia và khu vực;

- Xuất bản các ấn phẩm SITS của ASEAN.

e. Đề trình các vấn đề và khuyến nghị lên SCPC để trình Ủy ban ACSS thông qua.

Thực hiện các nhiệm vụ trên theo kế hoạch công tác chung của ASEAN đã được các thành viên Nhóm WGSITS nhất trí, SCPC và Ủy ban ACSS phê duyệt. Kế hoạch công tác chung của ASEAN bao gồm các giải pháp quốc gia và khu vực nhằm cải tiến việc thu thập, biên soạn và phổ biến số liệu SITS của ASEAN.

IV. Cơ cấu tổ chức

Mỗi quốc gia thành viên ASEAN cử tối đa hai đại diện thường trực và hai thành viên dự khuyết tham gia Nhóm WGSITS. Đại diện thường trực và dự khuyết là những chuyên gia và/hoặc các công chức của các cơ quan chịu trách nhiệm biên soạn và/hoặc phổ biến số liệu chính thức về SITS. Ban Thư ký ASEAN cũng cử một đại diện và một thành viên dự khuyết tham gia Nhóm WGSITS.

Mỗi quốc gia thành viên ASEAN sẽ cử một đầu mối quốc gia về SITS trong số hai thành viên thường trực để điều phối, giám sát các hoạt động liên quan ở cấp quốc gia. Đầu mối quốc gia sẽ báo cáo, cập nhật định kỳ các vấn đề của Nhóm WGSITS cho Thủ trưởng Cơ quan thống kê quốc gia.

Trưởng Nhóm WGSITS là một đại diện thường trực thuộc cơ quan chịu trách nhiệm chính về biên soạn và/hoặc phổ biến dữ liệu chính thức về SITS của quốc gia dẫn đầu; ASEANstats sẽ là đồng Trưởng nhóm. Trưởng nhóm có nhiệm kỳ công tác hai năm, có khả năng gia hạn thêm. Trưởng nhóm luân phiên theo thứ tự bảng chữ cái.

Trưởng nhóm có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện và giám sát các cơ chế, thể chế hoạt động và chương trình công tác của Nhóm WGSITS. Trưởng nhóm sẽ phối hợp chặt chẽ với ASEANstats trong lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch/chương trình công tác nhằm đạt được các mục tiêu của Nhóm WGSITS; Phối hợp với ASEANstats báo cáo lên Ủy ban ACSS.

Nhóm WGSITS sẽ họp ít nhất mỗi năm một lần và đề nghị tổ chức các cuộc họp bổ sung khi cần thiết. Nhóm cũng có thể tổ chức các cuộc họp trừ bị hoặc liên ngành và trao đổi quan điểm qua điện thoại, thư và thư điện tử. Các chuyên gia bên ngoài có thể được mời tham dự các cuộc họp của Nhóm WGSITS khi cần giải quyết một chủ đề hoặc một mục tiêu cụ thể.

Ở cấp quốc gia, các thành viên Nhóm WGSITS sẽ chủ trì thực hiện các khuyến nghị, cơ chế và các hoạt động cũng như cập nhật tiến độ và những phát triển của Nhóm cho SCPC.

Nhóm WGSITS có thể thành lập các Nhóm chuyên trách hoặc các Tiểu ban chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể khi thực hiện chức năng và vai trò của Nhóm. Hoạt động của các Nhóm chuyên trách hoặc các Tiểu ban này sẽ kết thúc sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Đăng cai tổ chức các cuộc họp của Nhóm WGSITS sẽ do một quốc gia thành viên ASEAN hoặc Ban Thư ký ASEAN thực hiện, luân phiên theo thứ tự bảng chữ cái.

ASEANstats có trách nhiệm:

- Triển khai và chịu trách nhiệm điều phối, hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện các hoạt động khu vực, gồm cả lập kế hoạch và tổ chức các cuộc họp;

- Giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch công tác ASEAN, phối hợp với các quốc gia thành viên ASEAN để theo dõi tiến độ các chương trình công tác quốc gia;

- Phối hợp với các cơ quan khác của ASEAN (như Cơ quan Dịch vụ và Vốn đầu tư, Bộ phận Kinh tế đối ngoại) để nắm bắt các thay đổi gần đây của khu vực, những vấn đề chính sách ảnh hưởng đến việc biên soạn số liệu SITS; Đồng thời, là đầu mối tiếp nhận và chuyển tải các yêu cầu, các thay đổi về chính sách trong khu vực đến Nhóm WGSITS để xây dựng kế hoạch hành động phù hợp;

- Phối hợp với các tổ chức quốc tế có liên quan (như UNSD, IMF) để triển khai kế hoạch thực hiện các tiêu chuẩn/khuyến nghị phương pháp luận

quốc tế mới và những phát triển thống kê khác có liên quan về SITS để thực hiện trong Cộng đồng ASEAN và các quốc gia thành viên ASEAN;

- Cập nhật các hoạt động/thỏa thuận/quyết định của Nhóm WGSITS và đệ trình các yêu cầu và các vấn đề lên SCPC và các cơ quan ASEAN có liên quan để thông qua hoặc có giải pháp xử lý phù hợp. Báo cáo Ủy ban ACSS ít nhất mỗi năm một lần để Ủy ban báo cáo Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN.

V. Kinh phí

Các cơ quan thuộc các quốc gia thành viên ASEAN chịu trách nhiệm đài thọ chi phí tham dự các cuộc họp của Nhóm WGSITS và các hoạt động liên quan khác. Chi phí tổ chức các cuộc họp/hoạt động khác, gồm địa điểm tổ chức và ăn uống cho đại biểu là trách nhiệm của cơ quan chủ trì. Trong một số trường hợp cụ thể, Ban Thư ký ASEAN sẽ huy động các nguồn lực để tổ chức các cuộc họp/hoạt động khác của Nhóm WGSITS khi cần thiết.

Phụ lục 12

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÓM CÔNG TÁC VỀ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

*(Được Ủy ban ACSS thông qua tại kỳ họp lần thứ 6
từ ngày 1 - 3 tháng 11 năm 2016)*

I. Bối cảnh

Sau khi các nhà lãnh đạo thế giới thông qua 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Chương trình nghị sự Phát triển bền vững 2030 vào tháng 9 năm 2015, Hội nghị Ủy ban thống kê Liên hợp quốc đã khuyến khích các Hệ thống thống kê quốc gia phối hợp với các tổ chức quốc tế nhằm đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong báo cáo, tránh trùng lặp, chú trọng nâng cao năng lực báo cáo cho những quốc gia nghèo hơn. Đồng thời kêu gọi các hệ thống thống kê tăng cường hơn nữa hợp tác toàn cầu, hợp tác đối tác khu vực và trong nước nhằm huy động và chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, công nghệ và các nguồn lực tài chính.

Trong khu vực ASEAN, kinh nghiệm và khát vọng khu vực có mối liên quan chặt chẽ, chịu ảnh hưởng của những phát triển và thách thức toàn cầu. Cùng với việc thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN đến năm 2025: Cùng nhau phát triển, việc đánh giá và tuân thủ cấp khu vực sẽ dựa trên các phân tích cấp quốc gia về những vấn đề toàn cầu.

Cụ thể, ACSS từ lâu đã xây dựng các cơ chế tạo thuận lợi cho việc thực hiện những sáng kiến mới nổi trong khu vực và toàn cầu, như sau:

- Khung hợp tác thống kê ASEAN được sửa đổi vào tháng 10 năm 2014 thể hiện những phát triển trong hợp tác thống kê ở cấp khu vực và toàn cầu liên quan đến thúc đẩy sự phát triển của Cộng đồng ASEAN;

- Khung mở rộng đảm bảo phát triển bền vững cho Thống kê ASEAN đã xác định các lĩnh vực thống kê cho Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN (ASI). Khung này đã được rà soát hồi tháng 1 năm 2016 để bổ sung thêm các chỉ tiêu SDGs;

- Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025 được Ủy ban ACSS thông qua năm 2015 bao gồm những sáng kiến mới, có tính đến sự phát triển toàn cầu và những ưu tiên thống kê trong khu vực.

Trong bối cảnh các chỉ tiêu phát triển bền vững (SDGs) toàn cầu khó có thể áp dụng hoàn toàn ở các nước và các quốc gia cũng như khu vực cần xây dựng các chỉ tiêu giám sát khu vực, quốc gia và địa phương, việc thành lập Nhóm công tác về các chỉ tiêu phát triển bền vững (Nhóm WGSDGI) là hết sức cần thiết. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhóm WGSDGI đã được thông qua tại kỳ họp lần thứ 6 của Ủy ban ACSS vào tháng 11 năm 2016. Việc xây dựng các chỉ tiêu SDGs của Nhóm WGSDGI sẽ được lồng ghép vào hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN.

II. Mục tiêu

Nhóm WGSDGI được thành lập nhằm đáp ứng yêu cầu giám sát, đánh giá quá trình thực hiện các chỉ tiêu SDGs ở các quốc gia thành viên và ASEAN, đảm bảo sự tham gia của khu vực vào hoạt động giám sát và đánh giá SDGs toàn cầu.

III. Phạm vi công việc

Các hoạt động chính của Nhóm WGSDGI gồm:

Về nghiệp vụ

- Hỗ trợ biên soạn, phổ biến và truyền thông các chỉ tiêu trong Khung giám sát toàn cầu cho giai đoạn 15 năm (đến năm 2030);

- Tham vấn với Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN để xây dựng bộ chỉ tiêu SDGs của ASEAN và dữ liệu đặc tả đi kèm, đảm bảo tính phổ biến, sẵn có và phù hợp với các quốc gia thành viên;

- Áp dụng các định nghĩa/khái niệm/phương pháp luận quốc tế cho các chỉ tiêu được xây dựng thông qua việc đánh giá thường xuyên những phát triển về phương pháp luận và những vấn đề liên quan đến các chỉ tiêu và dữ liệu đặc tả;

- Xây dựng/thực hiện kế hoạch công tác trung hạn phù hợp với các hoạt động giám sát các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc;

- Điều chỉnh các chỉ tiêu SDGs của ASEAN theo các ưu tiên quốc gia, có tính đến thực tế, năng lực và trình độ phát triển khác nhau của các quốc gia;

- Giám sát tiến bộ của ASEAN trong việc đạt được các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của Chương trình nghị sự phát triển hậu 2015, phù hợp với Kế hoạch tổng thể của Cộng đồng ASEAN 2025.

Về phối hợp

- Hình thành một cơ chế báo cáo rõ ràng để cập nhật cơ sở dữ liệu SDGs hàng năm, tạo thuận lợi trong việc truyền gửi dữ liệu cho Liên hợp quốc;
- Tăng cường quan hệ đối tác và phối hợp với các cơ quan/tổ chức có liên quan trong huy động nguồn lực và xây dựng năng lực;
- Hợp tác/phối hợp/tham vấn với các cơ quan trong khu vực, các tổ chức quốc tế và các đối tác khác trong triển khai hoạt động để tránh trùng lặp.

Về phổ biến

- Khuyến nghị với Ủy ban ACSS về phương thức truyền thông và phổ biến các chỉ tiêu SDGs của ASEAN;
- Trợ giúp Ban Thư ký ASEAN xây dựng và duy trì một cơ sở dữ liệu toàn diện về các chỉ tiêu SDGs;
- Hàng năm, cập nhật cơ sở dữ liệu các chỉ tiêu SDGs để phục vụ công tác xây dựng báo cáo SDGs thường niên của khu vực báo cáo lên Liên hợp quốc;
- Cung cấp số liệu để phục vụ xây dựng Báo cáo 5 năm về chỉ tiêu SDGs của ASEAN; Hướng dẫn về định dạng, nội dung, cách thức phổ biến báo cáo, gồm cả trực quan hóa dữ liệu.

Về xây dựng năng lực

- Hỗ trợ/điều phối các hoạt động xây dựng năng lực thống kê phục vụ công tác giám sát SDGs, gồm giải quyết những thách thức về phân tổ dữ liệu theo giới tính, vùng địa lý và lĩnh vực;
- Tăng cường hợp tác giữa các quốc gia thành viên ASEAN, tạo điều kiện chia sẻ những thông lệ hay, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia thành viên để sản xuất các chỉ tiêu SDGs;
- Tham gia các cuộc họp ASEAN/quốc tế/các hoạt động/thường xuyên chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về SDGs.

IV. Cơ cấu tổ chức

Các Cơ quan/tổ chức thống kê quốc gia chịu trách nhiệm biên soạn/báo cáo/giám sát các hoạt động liên quan đến SDGs cử đại diện tham gia Nhóm WGSDGI. Ở cấp quốc gia, Cơ quan thống kê quốc gia là đầu mối điều phối các hoạt động liên quan đến các chỉ tiêu SDGs của ASEAN. Ở cấp khu vực, ASEANstats có trách nhiệm phối hợp với Cộng đồng Văn hóa - Xã hội của ASEAN đối với các hoạt động liên quan đến SDGs.

Ban Lãnh đạo: Sẽ luân phiên giữa các quốc gia thành viên ASEAN với nhiệm kỳ 2 năm, theo thứ tự bảng chữ cái tên nước hoặc theo sự bình bầu của Nhóm WGSDGI.

Kênh báo cáo: Nhóm WGSDGI có trách nhiệm báo cáo tiến độ sản xuất và phổ biến các chỉ tiêu SDGs lên Ủy ban ACSS để Ủy ban cập nhật cho các cơ quan ASEAN có liên quan.

Thư ký: ASEANstats làm nhiệm vụ thư ký cho Nhóm WGSDGI.

Các cuộc họp: Sẽ họp mặt trực tiếp ít nhất mỗi năm một lần, hoặc có thể tổ chức họp trừu bị, trao đổi quan điểm giữa các kỳ họp hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, điện thoại, thư hoặc thư điện tử. Có thể mời các chuyên gia tư vấn tham dự các cuộc họp của Nhóm khi cần giải quyết một chủ đề hoặc một mục tiêu cụ thể. Chủ trì tổ chức cuộc họp luân phiên theo Ban Lãnh đạo Ủy ban ACSS, hoặc theo sự đồng thuận của Nhóm WGSDGI.

Những vấn đề khác: Nhóm WGSDGI có thể thành lập các Nhóm Chuyên trách để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể khi thực hiện chức năng của Nhóm. Hoạt động của các Nhóm Chuyên trách sẽ kết thúc sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Phụ lục 13

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

CỦA NHÓM CÔNG TÁC VỀ HỆ THỐNG TÀI KHOẢN QUỐC GIA

*(Được Ủy ban ACSS thông qua tại kỳ họp lần thứ 6
từ ngày 1 - 3 tháng 11 năm 2016)*

I. Bối cảnh

Nhóm công tác về Hệ thống tài khoản quốc gia (Nhóm WGSNA) được thành lập nhằm thúc đẩy sản xuất và phổ biến số liệu thống kê tài khoản quốc gia, hỗ trợ giám sát quá trình phát triển kinh tế của các quốc gia thành viên ASEAN nói riêng và Cộng đồng ASEAN nói chung. Nhóm WGSNA là diễn đàn chính để thảo luận về sự phát triển và hoàn thiện tài khoản quốc gia của khu vực ASEAN, điều phối quá trình xây dựng năng lực của khu vực cũng như tư vấn thực hiện các khuyến nghị SNA 2008. Nhóm WGSNA sẽ hoạt động trong khuôn khổ hợp tác ASEAN về SNA, thực hiện các chức năng, hoạt động của Nhóm dưới sự điều hành của Ủy ban Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN (ACSS).

II. Mục tiêu

Mục tiêu của Nhóm WGSNA gồm:

- Đẩy mạnh thực hiện Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) 2008 ở các quốc gia thành viên ASEAN, gồm xây dựng các tiêu chuẩn, biện pháp, mục tiêu và tiêu chuẩn chất lượng;
- Đảm bảo kế hoạch thực hiện SNA 2008 của ASEAN phù hợp với các thông lệ, tiêu chuẩn và chương trình quốc tế;
- Tăng cường hài hòa và phát triển số liệu thống kê kinh tế liên quan để hỗ trợ thực hiện SNA 2008;
- Xây dựng khung và giao thức truyền tải dữ liệu để sản xuất, phổ biến số liệu thống kê SNA phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu của ASEAN;
- Thúc đẩy, tạo điều kiện chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm trong sản xuất, phổ biến số liệu thống kê tài khoản quốc gia thông qua việc phối hợp tốt hơn, xây dựng năng lực thống kê và hỗ trợ kỹ thuật giữa các bên tham gia cung cấp số liệu thống kê tài khoản quốc gia ở các quốc gia thành viên ASEAN và ASEANstats.

III. Phạm vi công việc

1. Chức năng chung của Nhóm WGSNA là chia sẻ phương pháp, kinh nghiệm, tư vấn chuyên môn để thực hiện/áp dụng SNA 2008 tại các quốc gia thành viên ASEAN.

2. Chức năng/nhiệm vụ của Nhóm WGSNA như sau:

- Hỗ trợ đánh giá định kỳ thực hiện SNA 2008;
- Tạo điều kiện áp dụng các khung, khái niệm, sổ tay hướng dẫn, phương pháp luận, các tiêu chuẩn mới; xác định các vấn đề liên quan đến sản xuất, phổ biến số liệu thống kê tài khoản quốc gia của các quốc gia thành viên ASEAN, đề xuất giải pháp;
- Đề xuất các chỉ tiêu kinh tế phục vụ công tác phân tích so sánh những vấn đề kinh tế trong khu vực và giám sát việc thực hiện Kế hoạch tổng thể của Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2025;
- Đánh giá kết quả nghiên cứu cấp khu vực về các vấn đề liên quan đến tài khoản quốc gia ở các quốc gia thành viên ASEAN;
- Đề xuất giải pháp xây dựng năng lực thể chế, công nghệ thông tin và nguồn nhân lực (như hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật) để hỗ trợ phát triển thống kê tài khoản quốc gia;
- Đề xuất các tiêu chuẩn, phương pháp và cơ chế phổ biến dữ liệu thường xuyên ở các quốc gia thành viên ASEAN, sử dụng công cụ truyền dữ liệu (DTT) để gửi cho Ban Thư ký ASEAN;
- Rà soát định kỳ, toàn diện dữ liệu và dữ liệu đặc tả nhằm đảm bảo theo đúng phương pháp luận, đảm bảo chất lượng và tính kịp thời khi cung cấp số liệu tài khoản quốc gia cho Ban Thư ký ASEAN; Đồng thời đề xuất giải pháp cho việc thiếu số liệu thống kê;
- Đề xuất các khuyến nghị để xây dựng Kế hoạch công tác hàng năm của Nhóm WGSNA theo Chiến lược phát triển thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2025.

3. Thực hiện các nhiệm vụ trên theo Kế hoạch công tác hàng năm của ACSS đã được các thành viên Nhóm WGSNA nhất trí và Ủy ban ACSS phê duyệt.

IV. Cơ cấu tổ chức

- Mỗi quốc gia thành viên ASEAN cử tối đa hai thành viên thường trực tham gia Nhóm WGSNA. Thành viên thường trực là những chuyên gia/cán bộ

về tài khoản quốc gia tại các cơ quan chịu trách nhiệm xây dựng, biên soạn và phổ biến số liệu thống kê tài khoản quốc gia.

- Mỗi quốc gia thành viên ASEAN cử một đầu mối quốc gia về SNA trong số hai thành viên thường trực để điều phối, giám sát các hoạt động liên quan của Nhóm WGSNA ở cấp quốc gia. Đầu mối sẽ báo cáo định kỳ về các vấn đề của Nhóm WGSNA lên Ủy ban ACSS thông qua SCPC.

- Trưởng nhóm WGSNA do các thành viên của Nhóm WGSNA bầu ra. Nhiệm kỳ của Trưởng nhóm tối thiểu là hai năm, có thể được gia hạn thêm tối đa hai năm nữa.

- Trưởng nhóm có trách nhiệm chỉ đạo các hoạt động của Nhóm WGSNA nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra, chủ trì các cuộc họp và thảo luận, đưa ra các quyết định và khuyến nghị mang tính tập thể của Nhóm WGSNA, trình bày các khuyến nghị của Nhóm WGSNA trước Ủy ban ACSS, phân công các thành viên của Nhóm WGSNA thực hiện những vấn đề cụ thể và những nhiệm vụ khác có liên quan.

- Trưởng nhóm WGSNA sẽ phối hợp chặt chẽ với ASEANstats trong lập kế hoạch, chỉ đạo thực hiện kế hoạch công tác hàng năm.

V. Cơ chế hoạt động

- Nhóm WGSNA sẽ họp ít nhất mỗi năm một lần và có thể đề xuất các cuộc họp bổ sung (hội thảo, lớp tập huấn, v.v...) khi cần thiết. Có thể tổ chức các cuộc họp liên ngành hoặc trừ bị cũng như trao đổi quan điểm thông qua điện thoại, thư điện tử và những phương tiện khác.

- Chủ trì tổ chức cuộc họp của Nhóm WGSNA sẽ do một quốc gia thành viên ASEAN hoặc Ban Thư ký ASEAN thực hiện.

- Nhóm WGSNA sẽ khuyến nghị thực hiện SNA 2008 lên Ủy ban ACSS thông qua SCPC.

- Nhóm WGSNA sẽ cung cấp đầu vào kỹ thuật và tham vấn chặt chẽ với ASEANstats khi thảo luận và quyết định các vấn đề liên quan đến việc thực hiện SNA 2008, đặc biệt là các chương trình, hoạt động sẽ thực hiện.

- Các quyết định và thỏa thuận của Nhóm WGSNA phải dựa trên sự đồng thuận.

- ASEANstats thuộc Ban Thư ký ASEAN sẽ cung cấp các dịch vụ kỹ thuật và thư ký cho Nhóm WGSNA.

Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

ThS. ĐỖ VĂN CHIẾN

Biên tập:

NGỌC LAN

Trình bày bìa, ruột:

DŨNG THẮNG - ANH TÚ

Sửa bản in:

NGỌC LAN - NGUYỄN THỊ LOAN

In 210 cuốn, khổ 17 × 24 cm tại NXB Thống kê - Công ty In và Thương mại Đông Bắc,
Địa chỉ: Số 15, ngõ 14, phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4462-2017/CXBIPH/01-52/TK
do Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp ngày 07/12/2017.
QĐXB số 227/QĐ-NXBTK ngày 28/12/2017 của Giám đốc - Tổng Biên tập NXB Thống kê
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2018.

ISBN-13: 978-604-75-0713-9



SÁCH DO NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG